**LỜI NÓI ĐẦU**

Môn Luật Tố tụng hình sự là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trong chương trình đào tạo cán bộ Công an có trình độ cử nhân Cảnh sát, cử nhân Luật của Học viện Cảnh sát nhân dân. Môn Luật Tố tụng hình sự sẽ giúp sinh viên nắm vững trình tự, thủ tục của quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, học tập môn Luật Tố tụng hình sự của sinh viên được tốt hơn, tổ bộ môn Luật Tố tụng hình sự - Khoa Luật đã biên soạn tài liệu ***“Tìm hiểu Luật Tố tụng hình sự Việt Nam”.***

Trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả đã tham khảo, kế thừa những nội dung, kiến thức trong giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam, năm 2019 của Học viện Cảnh sát nhân dân, một số giáo tình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam của một số trường đại học đào tạo luật, cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có liên quan cũng như sự góp ý của các chuyên gia. Đây sẽ là tài liệu đáp ứng được phần nào nhu cầu nghiên cứu, học tập môn học Luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, tập thể tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các đồng nghiệp và bạn đọc để tài liệu được hoàn thiện hơn./.

**TẬP THỂ TÁC GIẢ**

**TẬP THỂ TÁC GIẢ**

1. Đại tá Lý Thế Hoa
2. Thượng tá Vũ Đức Thắng
3. Thượng tá Lê Văn Toán
4. Thượng tá Trương Hồng Sơn
5. Trung tá Phạm Thị Thoa
6. Thiếu tá Hoàng Văn Hiệu
7. Thiếu tá Đỗ Hải Yến
8. Thiếu tá Đỗ Văn Chiến
9. Đại úy Nguyễn Việt Hà
10. Đại úy Nguyễn Thị Xuân
11. Đại úy Bùi Văn Duy
12. Thượng úy Đào Thị Phương Mai
13. Thượng úy Đào Minh Hiếu
14. Thượng úy Nguyễn Thị Thủy
15. Thượng úy Nguyễn Đức Sơn
16. Trung úy Phùng Quang Toàn
17. Trung úy Nguyễn Thị Thùy Linh
18. Trung úy Trần Đức Hiếu

**HỎI – ĐÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015**

**PHẦN A: TRẮC NGHIỆM VÀ LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG**

***(Lựa chọn phương án đúng nhất và giải thích)***

**Câu 1:** Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 người bị buộc tội gồm những người nào sau đây?

a) Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

b) Người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

c) Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

d) Bị can, bị cáo

**Đáp án:** B, vì theo Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

**Câu 2:** Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đương sự gồm những người nào sau đây?

a) Bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự

b) Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự

c) Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự

d) Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

**Đáp án:** C, vì theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 4 Bộ luật TTHS năm 2015 đương sự gồm nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự.

**Câu 3:** Để đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về thân thể, Bộ luật TTHS 2015 nghiêm cấm những hành vi nào?

a) Tra tấn hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người.

b) Bức cung hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người.

c) Dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người.

d) Cả 3 đáp án trên.

**Đáp án:** D, vì căn cứ vào Điều 10 Bộ luật TTHS 2015, mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật TTHS 2015. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người.

**Câu 4:** Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về?

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.
2. Người bị buộc tội
3. Kiểm sát viên, điều tra viên.
4. Bị hại

**Đáp án:** A, vì theo quy định tại Điều 15 Bộ luật TTHS 2015, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.

**Câu 5:** Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bao gồm những cơ quan nào?

a) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

c) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

d) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và các cơ quan bổ trợ tư pháp khác.

**Đáp án:** C, vì theo quy định tại Điều 35 Bộ luật TTHS năm 2015, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bao gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

**Câu 6:** Theo quy định trong Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự Điều tra viên có mấy ngạch?

a) 2 ngạch

b) 3 ngạch

c) 4 ngạch

d) 5 ngạch

**Đáp án:** B, vì theo Khoản 2 Điều 45 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Điều tra viên có 3 ngạch bao gồm: Điều tra viên sơ cấp, điều tra viên trung cấp và điều tra viên cao cấp.

**Câu 7:** Nhiệm kỳ của Điều tra viên bổ nhiệm lần đầu là bao nhiêu năm?

a) 2 năm

b) 3 năm

c) 4 năm

d) 5 năm

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 51 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, nhiệm kỳ của Điều tra viên bổ nhiệm lần đầu là 5 năm.

**Câu 8:** Trong trường hợp Điều tra viên được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì nhiệm kỳ của Điều tra viên có thời hạn là bao nhiêu năm?

a) 5 năm

b) 10 năm

c) 15 năm

d) 20 năm

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại Điều 51 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Điều tra viên được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì nhiệm kỳ của Điều tra viên có thời hạn là 10 năm.

**Câu 9:** Điều tra viên có thể bị miễn nhiệm chức danh Điều tra viên vì?

a) Lý do sức khỏe

b) Hoàn cảnh gia đình

c) Lý do khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao

d) Cả 3 đáp án trên

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 56 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Điều tra viên có thể bị miễn nhiệm chức danh Điều tra viên vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Câu 10:** Những người nào sau đây không được làm chứng?

a) Người bào chữa của người bị buộc tội

b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức được những tình tiết liên quan nguồn tin về tội phạm, về vụ án

c) Người không có khả năng khai báo đúng đắn

d) Cả 4 loại người trên

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 66 Bộ luật TTHS năm 2015, những người sau đây không được làm chứng: Người bào chữa của người bị buộc tội; Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức được những tình tiết liên quan nguồn tin về tội phạm, về vụ án; Người không có khả năng khai báo đúng đắn.

**Câu 11:** Những người nào sau đây không được làm người chứng kiến?

a) Người thân thích của người bị buộc tội, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức đúng sự việc

c) Người dưới 18 tuổi; có lý do khác cho thấy người đó không khách quan

d) Cả 3 phương án trên

**Đáp án:** D, vì theo Điều 67 Bộ luật TTHS năm 2015, những người sau đây không được làm người chứng kiến: Người thân thích của người bị buộc tội, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức đúng sự việc; Người dưới 18 tuổi hoặc có lý do khác cho thấy người đó không khách quan.

**Câu 12:** Người nào sau đây không được tham gia bào chữa trong vụ án hình sự?

a) Người đã tiến hành tố tụng vụ án đó; người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng vụ án đó.

b) Người tham gia vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật.

c) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kết án mà chưa được xóa án tích, người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

d) Cả 3 phương án trên

**Đáp án:** D, vì theo Điều 72 Bộ luật TTHS năm 2015, những người sau đây không được tham gia bào chữa trong vụ án hình sự: Người đã tiến hành tố tụng vụ án đó; người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng vụ án đó; Người tham gia vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kết án mà chưa được xóa án tích, người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

**Câu 13:** Những người nào sau đây có quyền lựa chọn người bào chữa?

a) Người bị buộc tội.

b) Người đại diện của người bị buộc tội.

c) Người thân thích của người bị buộc tội.

d) Cả 3 phương án trên.

**Đáp án:** D, vì theo Điều 75 Bộ luật TTHS năm 2015, những người sau đây có quyền lựa chọn người bào chữa: Người bị buộc tội; Người đại diện của người bị buộc tội; Người thân thích của người bị buộc tội.

**Câu 14:** Những người nào sau đây có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa?

a) Người bị buộc tội.

b) Người đại diện của người bị buộc tội.

c) Người thân thích của người bị buộc tội.

d) Cả 3 phương án trên.

**Đáp án:** D, vì theo Điều 77 Bộ luật TTHS năm 2015, những người sau đây có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa: Người bị buộc tội; Người đại diện của người bị buộc tội; Người thân thích của người bị buộc tội.

**Câu 15:** Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa đối với những trường hợp sau:

a) Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình.

b) Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần.

c) Người dưới 18 tuổi.

d) Cả 3 phương án trên.

**Đáp án:** D, theo Điều 76 Bộ luật TTHS năm 2015, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa đối với những trường hợp sau: Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần; Người dưới 18 tuổi.

**Câu 16:** Thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia là khi?

a) Khởi tố bị can.

b) Khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra.

c) Khi người đó có quyết định tạm giữ.

d) Khi kết thúc điều tra.

**Đáp án:** D, theo Điều 74 Bộ luật TTHS năm 2015, thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia là khi kết thúc điều tra.

**Câu 17:** Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 bổ sung những loại nguồn chứng cứ nào?

a) Dữ liệu điện tử; kết quả định giá tài sản.

b) Kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tộị phạm; dữ liệu điện tử; kết luận giám định.

c) Lời trình bày; Dữ liệu điện tử; kết quả định giá tài sản; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tộị phạm.

d) Dữ liệu điện tử; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tộị phạm; đồ vật tài liệu khác

**Đáp án:** C, theo quy định tại Điều 87 Bộ luật TTHS năm 2015, bổ sung những loại nguồn chứng cứ sau: Lời trình bày; dữ liệu điện tử; kết quả định giá tài sản; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tộị phạm.

**Câu 18:** Đối với những vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì cơ quan có thẩm quyền cơ thể giao cho:

a) Chủ sở hữu đồ vật, tài sản đó hoặc người thân thích của họ bảo quản.

b)Người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản đó bảo quản.

c) Chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản.

d) Cả 3 phương án trên.

**Đáp án:** D, theo quy định tại Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, đối với những vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì cơ quan có thẩm quyền cơ thể giao cho: Chủ sở hữu đồ vật, tài sản đó hoặc người thân thích của họ bảo quản; Người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản đó bảo quản; Chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản.

**Câu 19:** Đối với những vụ án bị đình chỉ ở giai đoạn điều tra thì thẩm quyền xử lý vật chứng thuộc về:

a) Do Cơ quan điều tra quyết định.

b) Do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định.

c) Do Viện kiểm sát quyết định.

d) Do tòa án quyết định.

**Đáp án:** B, vì theo quy định Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, đối với những vụ án bị đình chỉ ở giai đoạn điều tra thì thẩm quyền xử lý vật chứng thuộc về: Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định.

**Câu 20:** Thời hạn tối đa để Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển biên bản, tài liệu kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 là:

a) 5 ngày

b) 10 ngày

c) 15 ngày

d) 20 ngày

**Câu 21:** Vật chứng bao gồm những dạng nào?

a) Vật là công cụ, phương tiện phạm tội

b) Vật là đối tượng tác động của tội phạm

c) Vật mang vết hoặc tiền,tài sản có giá trị chứng minh tội phạm

d) Tất cả các dạng trên

**Đáp án:** D, căn cứ Điều 89, Bộ luật TTHS năm 2015, vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

**Câu 22:** Cơ quan nào có thẩm quyền xử lý vật chứng?

a) Cơ quan điều tra, cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

b) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát

c) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

d) Cơ quan điều tra, Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

**Đáp án:** D, căn cứ Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, cơ quan có thẩm quyền xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra, Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

**Câu 23*:*** Khi vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra, việc xử lý vật chứng do:

a) Cơ quan điều tra quyết định

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định

c) Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định

d) Viện kiểm sát quyết định

**Đáp án:** C, căn cứ Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, khi vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra, việc xử lý vật chứng do: Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định.

**Câu 24:****Nguồn chứng cứ có thể thay thế được là:**

a) Vật chứng

b) Lời khai của bị hại

c) Kết luận giám định

d) Lời khai của người làm chứng

**Đáp án:** C, căn cứ theo Khoản 4 Điều 100 Bộ luật TTHS năm 2015, kết luận giám định của người được trưng cầu giám định thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

**Câu 25:** Cơ quan nào không có thẩm quyền xử lý vật chứng?

a) Cơ quan điều tra

b) Viện kiểm sát

c) Tòa án

d) Công an phường

**Đáp án:** D, căn cứ Khoản 1 Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, công an phường không có thẩm quyền xử lý vật chứng.

**Câu 26.** Vật chứng là tiền, sau khi được thu thập cần tiến hành bảo quản tại:

a) Bảo quản tại tủ cá nhân của Điều tra viên.

b) Bảo quản tại kho vật chứng của Cơ quan Công an.

c) Bảo quản tại kho bạc nhà nước.

d) Do thủ trưởng cơ quan điều tra quyết định.

**Đáp án:** C, căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 90 Bộ luật TTHS năm 2015, vật chứng là tiền, sau khi được thu thập cần tiến hành bảo quản tại kho bạc nhà nước.

**Câu 27:** Cách xử lý vật chứng là động vật hoang dã, thực vật ngoại lai?

1. Tiến hành tiêu hủy
2. Tiến hành trưng cầu giám định sau đó tiêu hủy
3. Tiến hành trưng cầu giám định và giao cho cơ quan chuyên trách
4. Trả về tự nhiên

**Đáp án:** C, theo Khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015, vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

**Câu 28:** Để thu thập chứng cứ người bào chữa có quyền:

a) Gặp người mà mình bào chữa để hỏi nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án

b) Gặp bị hại, người làm chứng, người khác để hỏi nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án

c) Đề nghị cơ quan tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật hoặc dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa

d) Tất cả những ý trên

**Đáp án:** D, theo quy định tại Điều 72 Bộ luật TTHS năm 2015, để thu thập chứng cứ người bào chữa có quyền: Gặp người mà mình bào chữa để hỏi nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; Gặp bị hại, người làm chứng, người khác để hỏi nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; Đề nghị cơ quan tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật hoặc dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa.

**Câu 29:** Dữ liệu điện tử là gì?

a) Ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra truyền đi và nhận lại bởi phương tiện điện tử

b) Ký hiệu, chữ viết, chữ số hình ảnh âm thanh được tạo ra lưu trữ, truyền đi và nhận lại bởi phương tiện điện tử

c) Ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra lưu trữ truyền đi và nhận lại bởi phương tiện điện tử

d) Cả 3 ý trên đều đúng

**Đáp án:** C, theo Điều 99 Bộ luật TTHS năm 2015, dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra lưu trữ truyền đi và nhận lại bởi phương tiện điện tử.

**Câu 30:**Đối tượng áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp là ai?

a). Người chưa bị khởi tố về hình sự

b). Bị can

c). Bị cáo

d). Người phạm tội tự thú, đầu thú

**Đáp án:** A, căn cứ vào đối tượng của giữ người trong trường hợp khẩn cấp đó là người chưa bị khởi tố về mặt hình sự.

**Câu 31:** Thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm nào?

a) Từ thời điểm cơ quan điều tra nhận người bị bắt

b) Từ thời điểm bắt giữ được đối tượng

c) Từ thời điểm sau khi lấy lời khai đối tượng bị bắt

d) Tất cả các phương án trên

**Đáp án:** A**,** vì theo Điều 118 Bộ luật TTHS năm 2015: Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú.

**Câu 32:**Thời hạn tạm giữ tối đa là bao nhiêu ngày?

a) 3 ngày

b) 5 ngày

c) 7 ngày

d) 9 ngày

**Đáp án:** D, vì theo điều 118 Bộ luật TTHS năm 2015:

“1. Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú.

2. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày.”

**Câu 33:** Đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giữ là những ai?

a) Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp

b) Bị can, bị cáo

c) Người phạm tội tự thú, đầu thú

d) Người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã

e) Tất cả các phương án trên

**Đáp án:** E, vì theo quy định tại Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015: Tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã.

**Câu 34:** Đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giam gồm những ai?

a) Bị can, bị cáo

b) Người phạm tội tự thú, đầu thú

c) Người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã

d) Tất cả các phương án trên

**Đáp án:** A, vì theo Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo khi có điều kiện theo quy định….

**Câu 35:**Thời hạn tạm giam để điều tra tội phạm ít nghiêm trọng tối đa là bao lâu?

a) 2 tháng

b) 3 tháng

c) 4 tháng

d) 5 tháng

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại Điều 173 Bộ luật TTHS năm 2015: Thời hạn tạm giam bị can để điều tra không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng....

Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn tạm giam một lần không quá 01 tháng;

**Câu 36:**Thời hạn tạm giam để truy tố đối với tội phạm ít nghiêm trọng tối đa là bao lâu?

a) 20 ngày

b) 30 ngày

c) 40 ngày

d) 60 ngày

**Đáp án:** B. theo quy định tại Điều 240 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng….

Trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát có thể gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố nhưng không quá 10 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng…

**Câu 37:**Thời hạn tạm giam để xét xử với tội phạm nghiêm trọng tối đa là bao lâu?

a) 25 ngày

b) 35 ngày

c) 45 ngày

d) 60 ngày

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 277 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 45 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng… kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định..

Đối với vụ án phức tạp, Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 15 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng.

**Câu 38:**Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú được áp dụng với những đối tượng nào?

a) Bị can, bị cáo có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng

b) Người chưa bị khởi tố về hình sự có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng

c) Người phạm tội tự thú, đầu thú có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng

d) Tất cả các phương án trên

**Đáp án:** A, vì theo quy định tại Điều 123 Bộ luật TTHS năm 2015: Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

**Câu 39:**Việc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn được thực hiện trong trường hợp nào?

a) Quyết định không khởi tố VAHS

b) Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án

c) Bị cáo được Toà tuyên không có tội

d) Tất cả các phương án trên

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 125 Bộ luật TTHS năm 2015: Mọi biện pháp ngăn chặn đang áp dụng phải được hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự;

Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án;

Đình chỉ điều tra đối với bị can, đình chỉ vụ án đối với bị can;

Bị cáo được Tòa án tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt, hình phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ.

**Câu 40:** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định có bao nhiêu biện pháp ngăn chặn?

a) 6

b) 7

c) 8

d) 9

**Đáp án:** C, vì theo quy định tại Điều 109 Bộ luật TTHS năm 2015: Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lĩnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

**Câu 41:** Người nào sau đây không có thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp?

a) Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương

b) Đồn trưởng Đồn biên phòng

c) Trưởng Công an phường

d) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

**Đáp án:** C, vì theo quy định tại Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015. Những người sau đây có quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực truộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

**Câu 42:** Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp cơ quan có thẩm quyền không được tiến hành hoạt động tố tụng nào đối với người bị giữ khẩn cấp?

a) Lấy lời khai

b) Ra Quyết định tạm giữ

c) Ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp

d) Ra lệnh tạm giam

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó.

**Câu 43:** Thời gian ban đêm trong tố tụng hình sự là khi nào?

1. Từ 19 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau
2. Từ 20 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau
3. Từ 21 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau
4. Từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại Điều 134 Bộ luật TTHS năm 2015: Đêm được tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

**Câu 44** Nếu thời hạn trong tố tụng hình sự được tính bằng tháng, thì 01 tháng được tính là bao nhiêu ngày?

a) 29 ngày

b) 30 ngày

c) 31 ngày

d) Tính theo số ngày in trên lịch.

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại Điều 134 Bộ luật TTHS năm 2015: Nếu thời hạn được tính bằng tháng thì 01 tháng được tính là 30 ngày.

**Câu 45:** Cá nhân đứng ra nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo phải có ít nhất mấy người?

1. 1 người
2. 2 người
3. 3 người
4. 4 người

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại Điều 121 Bộ luật TTHS năm 2015: Cá nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, nhân thân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thu nhập ổn định và có điều kiện quản lý người được bảo lĩnh thì có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người thân thích của họ và trong trường hợp này thì ít nhất phải có 02 người.

**Câu 46:** Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm Ngư có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp?

a) Phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn mình quản lý

b) Tội phạm ít nghiêm trọng

c) Phạm tội quả tang

d) Cả 3 đáp án trên đều sau

**Đáp án:** A, vì theo Điều 164 Bộ luật TTHS năm 2015: Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thì các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn:

Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định [khởi tố vụ án hình sự](https://luatminhgia.com.vn/kien-thuc-hinh-su/mau-don-yeu-cau-khoi-to-vu-an-hinh-su.aspx), khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự;

**Câu 47:** Quyết định khởi tố vụ án hình sự của cơ quan nào sau đây không cần Viện kiểm sát phê chuẩn?

a) Cơ quan điều tra

b) Bộ đội biên phòng

c) Cơ quan Hải quan

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** D, vì theo khoản 2 Điều 154 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

**Câu 48:** Căn cứ khởi tố vụ án hình sự là?

a) Sự việc có dấu hiệu tội phạm.

b) Các yếu tố cấu thành tội phạm

c) Tố giác của cá nhân

d) Kiến nghị khởi tố của cơ quan Nhà nước

**Đáp án:**A, vì theo quy định tại Điều 143 Bộ luật TTHS năm 2015: “Chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm”. Như vậy, căn cứ khởi tố vụ án hình sự là có sự việc xảy ra và sự việc này có dấu hiệu của tội phạm.

**Câu 49:** Đâu là căn cứ để xác định dấu hiệu tội phạm?

a) Tố giác của cá nhân

b) Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng

c) Người phạm tội tự thú

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 143 Bộ luật TTHS năm 2015: Việc xác định dấu hiệu tội phạm dựa trên những căn cứ:

1. Tố giác của cá nhân;

2. Tin báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

3. Tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

4. Kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước;

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm;

6. Người phạm tội tự thú.

**Câu 50:** Phương tiện thông tin nào sau đây không phải là phương tiện thông tin đại chúng?

a) Kênh truyền hình VTV6

b) Báo điện tử Vietnamnet

c) Trang điện tử Bloger

d) Báo Người lao động

**Đáp án:** C. Theo quy định tại [Điều 3 Thông tư 38/2017/TT-BTTTT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-38-2017-tt-btttt-huong-dan-co-quan-bao-chi-xay-dung-pho-bien-kien-thuc-an-ninh-5a440.html#dieu_3) về hướng dẫn cơ quan báo chí xây dựng chương trình, nội dung phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành thì nội dung này được quy định như sau: *Phương tiện thông tin đại chúng là* phương tiện được cơ quan báo chí sử dụng để cung cấp, truyền dẫn thông tin tới đông đảo công chúng bao gồm các đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/Cổng thông tin điện tử.

**Câu 51:** Trường hợp nào sau đây người đại diện của bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự?

a) Bị hại là người dưới 18 tuổi

b) Bị hại là người có nhược điểm về thể chất

c) Bị hại đã chết

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** D,vì theo quy định tại Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015: Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.

**Câu 52:** Cơ quan đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự phải gửi quyết định khởi tố cho Viện kiểm sát trong thời gian bao nhiêu lâu?

a) Phải gửi ngay

b) Trong vòng 12 giờ

c) Trong vòng 24 giờ

d) Cả 3 đáp án trên đều sai

**Đáp án:** C. theo quy định tại khoản 2 Điều 154 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

**Câu 53:** Sau khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan đã ra quyết định phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát trong thời hạn bao lâu?

a) Trong vòng 12 giờ

b) Trong vòng 24 giờ

c) Trong vòng 48 giờ

d) Trong vòng 3 ngày

**Đáp án:** B,vì theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

**Câu 54:** Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định có bao nhiêu căn cứ không khởi tố vụ án hình sự?

a) 5 căn cứ

b) 6 căn cứ

c) 7 căn cứ

d) 8 căn cứ

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015. Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau:

1. Không có sự việc phạm tội;

2. Hành vi không cấu thành tội phạm;

3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự;

4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;

5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;

6. Tội phạm đã được đại xá;

7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác;

8. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố.

**Câu 55:** Hoạt động điều tra chỉ nào sau đây có thể được tiến hành trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự?

a) Khám nghiệm hiện trường

b) Thực nghiệm điều tra

c) Hỏi cung bị can

d) Cả 3 đáp án trên đều sai

**Đáp án:** A, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTHS năm 2015: Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền có quyền tiến hành các hoạt động:

...b) Khám nghiệm hiện trường;

**Câu 56:** Cơ quan nào sau đây không có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm?

a) Cơ quan điều tra

b) Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

c) Ủy ban nhân dân

d) Cả 3 đáp án trên đều sai

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 145 Bộ luật TTHS năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

**Câu 57:** Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị khởi tố?

a) Cơ quan điều tra

b) Thanh tra Bộ Công an

c) Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** A, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Bộ luật TTHS năm 2015: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

**Câu 58:** Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (không tính thời hạn phục hồi giải quyết) tối đa là bao nhiêu lâu?

a) 20 ngày

b) 30 ngày

c) 2 tháng

d) 4 tháng

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 147 Bộ luật TTHS năm 2015: Trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng.

Như vậy, thời hạn quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (không tính thời hạn phục hồi giải quyết) tối đa là 4 tháng.

**Câu 59:** Căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là gì?

a) Đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả

b) Đã yêu cầu định giá tài sản nhưng chưa có kết quả

c) Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** D*,* vì theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật TTHS năm 2015: Hết thời hạn quy định tại Điều 147 của Bộ luật này, cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp:

- Đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả;

- Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả.

**Câu 60:** Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện với nhau do cơ quan nào giải quyết?

a) Các cơ quan này tự thống nhất với nhau

b) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh giải quyết

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi có tranh chấp giải quyết

d) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết

**Đáp án:** D. theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Bộ luật TTHS năm 2015: Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết.

**Câu 61:** Căn cứ nào sau đây là căn cứ không khởi tố vụ án hình sự?

a) Tội phạm đã được đại xá

b) Tội phạm đã được đặc xá

c) Tội phạm đã được ân xá

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** A, vì theo quy định tại khoản 6 Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định một trong những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự là yội phạm đã được đại xá.

**Câu 62:** Viện kiểm sát có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp nào sau đây?

a) Hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra

b) Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

c) Trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm

d) Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật TTHS năm 2015 thì Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp:

- Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

- Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

- Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.

**Câu 63:** Viện kiểm sát giải quyết kiến nghị khởi tố trong trường hợp nào sau đây?

a) Phát hiện Cơ quan điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh kiến nghị khởi tố

b) Cơ quan điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm

c) Viện kiểm sát trực tiếp tiếp nhận kiến nghị khởi tố của cơ quan Nhà nước

d) Đáp án A và đáp án B

**Đáp án:** D, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

**Câu 64:** Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, Điều tra viên không có thẩm quyền độc lập tiến hành biện pháp nào sau đây?

1. Hỏi cung bị can
2. Nhận dạng
3. Trưng cầu giám định
4. Đối chất

**Đáp án:** C, vì theo quy định tại Điều 100 Bộ luật TTHS năm 2015 thì: kết luận giám định là văn bản do cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức giám định lập để kết luận chuyên môn về những vấn đề được trưng cầu, yêu cầu giám định. Do đó, trong biện pháp trưng cầu giám định thì Điều tra viên không thể tiến hành độc lập được.

**Câu 65:** Cơ quan được giao nhiệm tiến hành một số hoạt động điều tra trong lực lượng CAND phải chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày có quyết định khởi tố vụ án hình sự?

a)5 ngày

b) 7 ngày

c) 20 ngày

d) 30 ngày

**Đáp án:** B, theo Điều 164 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, ngoài các Cơ quan điều tra quy định tại Điều 163 của Bộ luật này, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

**Câu 66:** Cơ quan điều tra có thể nhập vụ án để tiến hành điều tra trong những trường hợp nào?

a) Bị can phạm nhiều tội; bị can phạm tội nhiều lần; nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm

b) Vụ án có cùng phương thức, thủ đoạn phạm tội, xảy ra trong cùng một khoảng thời gian và trên cùng một địa bàn

c) Vụ án có cùng người bị hại

d) Vụ án xảy ra trong cùng một khoảng thời gian, liên quan đến nhiều người nước ngoài mà các công dân đó có cùng quốc tịch

**Đáp án:** A, vì theo Điều 170 Bộ luật TTHS năm 2015: Cơ quan điều tra có thể nhập để tiến hành điều tra theo thẩm quyền trong cùng một vụ án khi thuộc một trong các trường hợp:

- Bị can phạm nhiều tội;

- Bị can phạm tội nhiều lần;

- Nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có.

**Câu 67:** Khi tiến hành thực nghiệm điều tra có bắt buộc phải mời người chứng kiến hay không?

a) Không

b) Có

c) Tùy trường hợp

d) Do Viện kiểm sát quyết định

**Đáp án đúng:** B. Điều 204 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định. Điều tra viên chủ trì tiến hành thực nghiệm điều tra và việc thực nghiệm điều tra phải có người chứng kiến.

**Câu 68:** Trong trường hợp nào thì Cơ quan điều tra không phải làm bản kết luận điều tra?

a) Vụ án được điều tra theo thủ tục rút gọn

b) Vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung

c) Vụ án bị trả hồ sơ để điều tra lại

d) Vụ án đã có quyết định đình chỉ điều tra.

**Đáp án:** A, vì theo Điều 460 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về điều tra theo thủ tục rút gọn như sau: Khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra ra quyết định đề nghị truy tố.

**Câu 69:** Những người nào sau đây không có thẩm quyền ra lệnh khám xét khẩn cấp?

a) Thủ trưởng cơ quan điều tra

b) Viện trưởng Viện kiểm sát

c) Đồn trưởng đồn biên phòng

d) Chi cục trưởng chi cục kiểm ngư vùng.

**Đáp án:** B. Điều 193, Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những người sau đây có thẩm quyền ra lệnh khám xét khẩn cấp:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực truộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Như vậy, Viện trưởng Viện kiểm sát không có thẩm quyền ra lệnh khám xét.

**Câu 70:** Khẳng định nào sau đây là đúng?

a) Lấy lời khai của người làm chứng là một biện pháp trinh sát hỗ trợ hoạt động điều tra.

b) Lấy lời khai của người làm chứng là một biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ phổ biến và có hiệu quả.

c) Lấy lời khai của người làm chứng là một biện pháp điều tra được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự

d) Lấy lời khai của người làm chứng là biện pháp điều tra quan trọng nhất để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

**Đáp án:** C. Điều 186 Bộ luật TTHS năm 2015 thì lấy lời khai của người làm chứng là một biện pháp điều tra.

**Câu 71:** Trong quá trình tố tụng, người làm chứng không có quyền nào?

a) Yêu cầu cơ quan triệu tập họ bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình khi tham gia tố tụng.

b) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

c) Quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

d) Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

**Đáp án:** C. Điều 66 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Người làm chứng có quyền:

- Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

- Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;

- Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng;

- Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, người làm chứng không có quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Câu 72:** Những người nào sau đây không được tham gia đối chất?

a) Bị can.

b) Ngư­ời làm chứng.

c) Bị hại.

d) Người chứng kiến

**Đáp án:** D, vì theo Điều 189 Bộ luật TTHS năm 2015 thì trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất. Và những người có thể đưa ra để đối chất bao gồm: bị can, người làm chứng và bị hại.

**Câu 73:** Thời hạn điều tra theo thủ tục rút gọn là bao nhiêu ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án?

a) 10 ngày

b) 12 ngày

c) 20 ngày

d) 30 ngày

**Đáp án:** C, vì theo Điều 460 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: thời hạn điều tra theo thủ tục rút gọn là 20 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

**Câu 74:** Xác định thẩm quyền điều tra dựa vào những tiêu chí nào?

a) Thẩm quyền điều tra theo sự việc và thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ

b) Thẩm quyền điều tra theo đối tượng và thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ

c) Thẩm quyền điều tra theo sự việc, thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ, thẩm quyền điều tra đối tượng

d) Thẩm quyền điều tra theo sự việc và đối tượng

**Đáp án:** C, vì theo Điều 163 Bộ luật TTHS năm 2015 thì thẩm quyền điều tra sẽ xác định dựa trên ba tiêu chí đó là: thẩm quyền điều tra theo sự việc, thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ, thẩm quyền điều tra đối tượng.

**Câu 75:** Hỏi cung bị can được tiến hành vào thời gian nào trong ngày?

a) Tiến hành từ 07h đến 17h hàng ngày. Trường hợp không thể trì hoãn được vẫn được hỏi cung bị can vào ban đêm, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

b) Tiến hành từ 06h đến 18h hàng ngày. Trường hợp không thể trì hoãn được vẫn được hỏi cung bị can vào ban đêm, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

c) Tiến hành từ 06h đến 22h hàng ngày. Trường hợp không thể trì hoãn được vẫn được hỏi cung bị can vào ban đêm, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

d) Tiến hành bất kỳ lúc nào trong ngày.

**Đáp án:** C, vì theo Điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Không hỏi cung bị can vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

**Câu 76:** Chỉ được tiến hành lấy lời khai của người làm chứng tại địa điểm:

a) Tại trụ sở cơ quan điều tra

b) Tại nơi ở, nơi làm việc của người làm chứng

c) Tại trụ sở cơ quan công an cấp cơ sở: Công an phường, xã, thị trấn…

d) Tại nơi tiến hành điều tra,nơi cư trú, nơi làm việc hoặc nơi học tập của người đó.

**Đáp án:** D, vì theo Điều 186 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành tại nơi tiến hành điều tra, nơi cư trú, nơi làm việc hoặc nơi học tập của người đó.

**Câu 77:** Thời hạn điều tra tối đa đối với tội phạm rất nghiêm trọng là?

a) 4 tháng

b) 8 tháng

c) 12 tháng

d) 16 tháng

**Đáp án:** C, vì theo Điều 172 Bộ luật TTHS năm 2015. Thời hạn điều tra vụ án hình sự không quá 04 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng...

Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá 04 tháng;

Như vậy, thời hạn điều tra tối đa với tội phạm rất nghiêm trọng là không quá 12 tháng kể từ ngày có quyết định khởi tố vụ án.

**Câu 78:** Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra trong cùng cơ quan điều tra do ai quyết định?

a) Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp

b) Chánh án Tòa án

c) Thủ trưởng cơ quan điều tra

d) Điều tra viên

**Đáp án: C,** vì khi có tranh chấp giữa các đơn vị trong cùng cơ quan điều tra thì Thủ trưởng cơ quan điều tra đó sẽ quyết định thẩm quyền điều tra thuộc về đơn vị nào.

**Câu 79:** Thẩm quyền đình chỉ điều tra thuộc về?

a) Thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra

b) Bộ trưởng Bộ Công an

c) Chánh án Tòa án

d) Hội đồng xét xử

**Đáp án:** A. Điều 230 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp…..

**Câu 80:** Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là?

a) 10 ngày

b) 15 ngày

c) 20 ngày

d) 30 ngày

Đáp ám: B, vì theo Điều 33 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Câu 81:** Thời hạn kháng cáo đối với quyết định sơ thẩm là?

a) 07 ngày

b) 10 ngày

c) 15 ngày

d) 30 ngày

**Đáp án:** A, vì theo Điều 333 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Thời hạn kháng cáo đối với quyết định sơ thẩm là 07 ngày kể từ ngày người có quyền kháng cáo nhận được quyết định.

**Câu 82:** Người nào thuộc thành phần Hội đồng xét xử?

a) Hội thẩm

b) Thẩm tra viên

c) Kiểm sát viên

d) Người bào chữa

**Đáp án:** A. Điều 254 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm.

**Câu 83**: Hiện nay ở nước ta có mấy cấp xét xử?

1. 1 cấp
2. 2 cấp
3. 3 cấp
4. 4 cấp

**Đáp án:** B, vì theo Điều 27 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm.

**Câu 84:** Thời hạn chuẩn bị xét xử đối với tội phạm ít nghiêm trọng là trong bao lâu kể từ ngày thụ lý vụ án?

1. 15 ngày
2. 30 ngày
3. 45 ngày
4. 60 ngày

**Đáp án:** B, vì theo quy định tại Điều 277 Bộ luật TTHS năm 2015. Trong thời hạn 30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định…

**Câu 85:** Thời hạn chuẩn bị xét xử đối với tội phạm rất nghiêm trọng là trong bao lâu kể từ ngày thụ lý vụ án?

1. 1 tháng
2. 2 tháng
3. 3 tháng
4. 4 tháng

**Đáp án:** B. theo quy định tại Điều 277 Bộ luật TTHS năm 2015: Trong thời hạn 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định…

**NHẬN ĐỊNH ĐÚNG HAY SAI? VÌ SAO?**

**Câu 1.** **Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định và có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật?**

**Đáp án:** Đúng theo quy định tại Điều 13 Bộ luật TTHS năm 2015: *Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật…*

**Câu 2.** **Trong mọi trường hợp Toà án đều xét xử tập thể và quyết định theo đa số?**

**Đáp án:** Sai theo quy định Điều 24, 463 Bộ luật TTHS năm 2015: *Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn do Bộ luật này quy định…..*

*Phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn do một Thẩm phán tiến hành.*

**Câu 3.** **Người tiến hành tố tụng có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong khi giải quyết vụ án hình sự?**

**Đáp án:** Sai, theo quy định tại Điều 29 Bộ luật TTHS năm 2015: *Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng hình sự là tiếng Việt.*

Câu 4. Người bào chữa có quyền đề nghị thay đổi Điều tra viên, người giám định, người phiên dịch?

Đáp án: Đúng, Theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Người bào chữa có quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế...

Câu 5. Người bào chữa được quyền sử dụng điện thoại, các thiết bị ghi âm, ghi hình trong khi Điều tra viên hỏi cung bị can?

Đáp án: Sai. Theo quy định tại Khoản 6 Điều 183 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Như vậy, mặc dù việc hỏi cung bị can cần phải tiến hành ghi âm, ghi hình có âm thanh nhưng người ghi âm, ghi hình là Điều tra viên chứ không phải người bào chữa.

Câu 6.  Người thân thích của bị can, bị cáo được tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa?

Đáp án: Đúng. Người bào chữa là người tham gia tố tụng, với mục đích làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án nhằm chứng minh sự vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và giúp đỡ họ về mặt pháp lý cần thiết.

Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 72 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì người bào chữa có thể là người đại diện của người bị buộc tội. Do đó, người thân thích của bị can, bị cáo được tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa nếu họ có kiến thức pháp luật, có khả năng bào chữa.

Câu 7.  Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án quyết định của Tòa án?

*Đáp án: Sai.* Theo quy định tại điểm l, khoản 2, Điều 63 và điểm l, khoản 2, Điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự chỉ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại, không được kháng cáo những nội dung khác của bản án.

Câu 8. Người bào chữa cho người bị buộc tội phải là Luật sư?

Đáp án: Sai. Theo khoản 2, Điều 72 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định người bào chữa không chỉ có Luật sư mà còn gồm người đại diện của người bị buộc tội; Bào chữa viên nhân dân; Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

**Câu 9**. **Người tham gia tố tụng bắt buộc phải sử dụng tiếng việt ?**

**Đáp án:** Sai vì theo Điều 29 Bộ luật TTHS năm 2015 thì *người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói chữ viết của dân tộc mình, trường hợp này phải có phiên dịch*

**Câu 10. Kiểm sát hoạt động tư pháp là nhiệm vụ duy nhất của Viện kiểm sát ?**

**Đáp án**: Sai vì Viện kiểm sát có hai nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp

**Câu 11. Điều tra viên là người phải tốt nghiệp đại học An ninh hoặc đại học Cảnh sát trở lên ?**

**Đáp án**: Sai, vì theo Điều 46, Điều 47 Luật Tổ chức cơ quan Điều tra hình sự năm 2015 thì điều kiện để bổ nhiệm Điều tra viên là trình độ Đại học An ninh, Cảnh sát hoặc cử nhân luật.

**Câu 12. Kiểm sát viên không có thẩm quyền hỏi cung bị can?**

**Đáp án:** Sai, căn cứ theo Điểm g, Khoản 1, Điều 42 và Khoản 4 Điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015.

*Kiểm sát viên hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết. Việc Kiểm sát viên hỏi cung bị can được tiến hành theo quy định tại Điều này.*

**Câu 13. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có quyền đưa ra chứng cứ chứng minh vụ án?**

**Đáp án:** Sai. Căn cứ theo điểm b, Khoản 2, Điều 65 Bộ luật TTHS năm 2015:

“2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền:*

*a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;*

*b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;….*

**Câu 14. Người làm chứng không được là người bào chữa của người bị buộc tội?**

**Đáp án:** Đúng. Căn cứ theo điểm a, Khoản 2, Điều 66 Bộ luật TTHS năm 2015:

*“2. Những người sau đây không được làm chứng:*

*a) Người bào chữa của người bị buộc tội.”*

**Câu 15.Người làm chứng là người là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án?**

**Đáp án:** Sai, vì căn cứ Điều 66 Bộ luật TTHS năm 2015: *Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng.*

Như vậy để trở thành người làm chứng ngoài việc biết các tình tiết có liên quan phải được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập.

***Câu 16.* Người bào chữa chỉ được tham gia tố tụng kể từ khi khởi tố bị can?**

**Đáp án:** Sai, vì căn cứ Điều 74 Bộ luật TTHS năm 2015: *Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ.*

**Câu 17.Điều tra viên không có quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng?**

**Đáp án:** Đúng, vì căn cứ Điều 50 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về người có quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:

*1. Kiểm sát viên.*

*2. Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện của họ.*

*3. Người bào chữa,* [*người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*](https://luatminhgia.com.vn/luat-su-hinh-su/luat-su-tham-gia-to-tung-bao-ve-quyen-loi-cho-nguoi-bi-hai,-nguoi-lien-quan.aspx)*, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự.*

**Câu 18**: **Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ điều tra là triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng?**

**Đáp án:** Sai**.** Vì căn cứ Điều 38 Bộ luật TTHS năm 2015, cán bộ điều tra chỉ được ghi biên bản lấy lời khai theo sự phân công của Điều tra viên. Việc triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng là nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên.

**Câu 19.** **Người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng?**

**Đáp án:** Đúng. Vì căn cứ khoản 3 điều 50 Bộ luật TTHS năm 2015:

“*3. Người bào chữa,* [*người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*](https://luatminhgia.com.vn/luat-su-hinh-su/luat-su-tham-gia-to-tung-bao-ve-quyen-loi-cho-nguoi-bi-hai,-nguoi-lien-quan.aspx)*, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự.”*

**Câu 20. Người chứng kiến là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm rõ những vấn đề có liên quan?**

**Đáp án:** Sai. Vì căn cứ khoản 1 điều 67 Bộ luật TTHS năm 2015: *“ Người chứng kiến là người được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật TTHS”*

**Câu 21**: **Trong mọi trường hợp việc thay đổi Điều tra viên, cán bộ điều tra do Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp quyết định?**

**Đáp án:** Sai, theo Điều 51 Bộ luật TTHS năm 2015: trường hợp thủ trưởng là điều tra viên thì việc thay đổi do cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp tiến hành.

Câu 22. Biên bản phạm tội quả tang do Công an phường lập là nguồn chứng cứ ?

Đáp án: Đúng vì biên bản bắt người phạm tội quả tang là một dạng tài liệu, đồ vật khác là một trong những nguồn chứng cứ được quy định tại Điều 87 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Câu 23. Vật chứng phải được trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp ?

Đáp án: Sai vì đây chỉ là một trong những hình thức xử lý vật chứng, ngoài hình thức này ra thì vật chứng còn có thể bị tịch thu sung công quỹ nhà nước hoặc bị tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

**Câu 24.** **Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội?**

**Đáp án:** Đúng, vì theo quy định tại Điều 98 Bộ luật TTHS năm 2015; *“Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án.*

*Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội.”*

**Câu 25.** **Các loại nguồn chứng cứ chỉ trở thành chứng cứ khi đảm bảo đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ?**

**Đáp án:** Đúng. Theo quy định tại Điều 86 Bộ luật TTHS năm 2015. *“Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.”*

**Câu 26. Dữ liệu điện tử là chứng cứ để chứng minh tội phạm?**

**Đáp án**: Sai. Vì dữ liệu điện tử chỉ là một trong bảy loại nguồn chứng cứ và để trở thành chứng cứ thì phải đảm bảo 3 thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp (Điều 86, Điều 87 Bộ luật TTHS năm 2015).

**Câu 27. Kết luận giám định là nguồn chứng cứ có thể thay thế được trong quá trình chứng minh tội phạm?**

**Đáp án**: Đúng. Vì căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 100, Bộ luật TTHS năm 2015: *“Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không đồng ý với kết luận giám định thì phải nêu rõ lý do, nếu kết luận chưa rõ hoặc chưa đầy đủ thì quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.”*

**Câu 28. Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự thực chất là chứng minh các yếu tố cấu thành tội phạm?**

**Đáp án**: Sai, vì theo quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 thì để chứng minh làm rõ vụ án hình sự thì ngoài chứng minh các yếu tố cấu thành tội phạm còn phải chứng minh làm rõ các nội dung khác như nguyên nhân và điều kiện phạm tội; những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt…

**Câu 29.Vật chứng là chứng cứ?**

**Đáp án**: Sai. Vì vật chứng chỉ là một trong bảy loại nguồn chứng cứ và để trở thành chứng cứ thì phải đảm bảo 3 thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp (Điều 86, Điều 87 Bộ luật TTHS năm 2015).

**Câu 30**: **Tất cả các tài liệu, đồ vật thu thâp được trong quá trình điều tra vụ án đều là chứng cứ để giải quyết vụ án?**

**Đáp án**: Sai. Căn cứ vào Điều 86 Bộ luật TTHS năm 2015 thì chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Như vậy, để tài liệu, đồ vật thu thâp được trong quá trình điều tra vụ án đều là chứng cứ phải đảm bảo 3 thuộc tính của chứng cứ.

**Câu 31. Khi vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra, việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định?**

**Đáp án**: Đúng. Vì căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015:

“*1. Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản.”*

**Câu 32.**  **Lời nhận tội của bị can bị cáo được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án?**

**Đáp án:** Đúng . Khoản 2 Điều 98 Bộ luật TTHS năm 2015: “*Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án.*

*Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội.”*

**Câu 33**. **Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết những tình tiết đó?**

**Đáp án** : Đúng, theo quy định tại khoản 2, Điều 91 Bộ luật TTHS năm 2015: *“2. Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó.”*

**Câu 34**. **Cán bộ điều tra của cơ quan điều tra có quyền đánh giá chứng cứ?**

**Đáp án**: Sai, vì theo Điều 38 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định:

*Cán bộ điều tra thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây theo sự phân công của Điều tra viên:*

*a) Ghi biên bản lấy lời khai, ghi biên bản hỏi cung và ghi các biên bản khác khi Điều tra viên tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm và điều tra vụ án hình sự;*

*b) Giao, chuyển, gửi các lệnh, quyết định và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này;*

*c) Giúp Điều tra viên trong việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ án và thực hiện hoạt động tố tụng khác.*

**Câu 35**. **Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác được coi là chứng cứ của vụ án?**

**Đáp án:** Sai, vì theo Điều 87 Bộ luật TTHS năm 2015 thì kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế kháclà nguồn chứng cứ.

*1. Chứng cứ được thu thập, xác định từ các nguồn:*

*a)**Vật chứng;*

*b) Lời khai, lời trình bày;*

*c) Dữ liệu điện tử;*

*d) Kết luận giám định, định giá tài sản;*

*đ) Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;*

*e) Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác;*

*g) Các tài liệu, đồ vật khác.*

**Câu 36.** **Kết luận giám định của người được trưng cầu giám định thuộc trường hợp phải thay đổi thì không có giá trị pháp lý?**

**Đáp án:** Đúng, theo Khoản 4 Điều 100 Bộ luật TTHS năm 2015. *“4. Kết luận giám định của người được trưng cầu giám định thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.”*

**Câu 37. Biện pháp ngăn chặn chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo?**

**Đáp án**:Sai, vì căn cứ Điều 109, 110, 111 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định các biện pháp ngăn chặn được áp dụng với mọi đối tượng khác theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn để kịp thời ngăn chặn tội phạm thì đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn không phải là bị can, bị cáo. Cụ thể, đối với biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì đối tượng bị áp dụng không phải là bị can, bị cáo mà khi các chủ thể thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 thì có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn này.

**Câu 38**. **Viện kiểm sát có quyền áp dụng tất cả các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự?**

**Đáp án:** Sai, vì thheo quy định tại Điều 109 Bộ luật TTHS năm 2015 thì biện pháp ngăn chặn bao gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh, đặt tiền để bảo đảm và tạm hoãn xuất cảnh. Trong tất cả các biện pháp ngăn chặn trên không phải biện pháp nào Viện kiểm sát cũng có thẩm quyền áp dụng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì VKS không có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn này. Và căn cứ vào Khoản 2 Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ thì Viện kiểm sát cũng không có quyền áp dụng biện pháp này.

**Câu 39**. **Viện kiểm sát không có quyền hủy bỏ biện pháp ngăn chặn do Tòa án áp dụng?**

**Đáp án**: Đúng, vì theo quy định tại Mục I Chương VII Bộ luật TTHS năm 2015 thì các biện pháp ngăn chặn do Tòa án áp dụng không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát. Căn cứ Khoản 2 Điều 125 Bộ luật TTHS năm 2015 thì Viện kiểm sát không có thẩm quyền hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn do Tòa án áp dụng.

**Câu 40.** **Biện pháp tạm giữ là biện pháp ngăn chặn duy nhất được áp dụng ngay sau khi bắt người đang bị truy nã?**

**Đáp án:** Sai, vì căn cứ vào Khoản 2 Điều 114 Bộ luật TTHS năm 2015:

*“. Trường hợp không thể đến nhận ngay người bị bắt thì cơ quan đã ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam đã được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn cho Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Sau khi nhận được lệnh tạm giam, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải giải ngay người đó đến Trại tạm giam nơi gần nhất.”*

Như vậy, biện pháp tạm giữ không phải là biện pháp ngăn chặn duy nhất được áp dụng ngay sau khi bắt người đang bị truy nã.

**Câu 41.** **Thời hạn tạm giữ không được tính vào thời hạn tạm giam?**

**Đáp án**:Sai, vì căn cứ Khoản 4 Điều 118 Bộ luật TTHS năm 2015 thì “Thời gian tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam. Một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam”.

**Câu 42.** **Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp có quyền ra quyết định tạm giữ?**

**Đáp án**:Sai, vì căn cứ Khoản 2 Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về những chủ thể có quyền ra quyết định tạm giữ bao gồm: những người có quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Khoản 2 Điều 110 gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương; Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực truộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Như vậy trong các chủ thể quy định tại Khoản 2 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 không quy định thẩm quyền của Viện trưởng viện kiếm sát nhân dân, viện kiểm sát quân sự các cấp.

**Câu 43.** **Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú không áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam?**

**Đáp án**:Sai, vì theo quy định tại Khoản 1 Điều 123 Bộ luật TTHS năm 2015 thì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

Như vậy, việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú không căn cứ vào bị can, bị cáo là người Việt Nam hay là người nước ngoài. Do đó, nếu người nước ngoài phạm tội mà có nơi cư trú rõ ràng thì cũng có thể áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

**Câu 44**. **Biện pháp bảo lĩnh chỉ áp dụng cho bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng?**

**Đáp án:** Sai, theo quy định tại Điều 121 Bộ luật TTHS năm 2015 thì: Bảo lĩnh là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lĩnh.

**Câu 45**. **Biện pháp đặt tiền để bảo đảm không được áp dụng đối với tội rất nghiêm trọng?**

**Đáp án:** Sai, vì căn cứ Điều 122 Bộ luật TTHS năm 2015 Đặt tiền để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ *Thông tư 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TAND ngày 07/8/2018 Quy định chi tiết trình, tự thủ mức tiền đặt việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm.*

**Câu 46. Mọi bị can, bị cáo đều bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam?**

**Đáp án**:Sai, căn cứ Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015 thì:

*1. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng.*

*2. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên 02 năm khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp:*

*a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;*

*b) Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can;*

*c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn;*

*d) Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội;*

*đ) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.*

*3. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.*

*4. Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ các trường hợp:*

*a. Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;*

*b. Tiếp tục phạm tội;*

*c. Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này;*

*d. Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.*

Do đó, trong một số trường hợp khi có đủ căn cứ sẽ không áp dụng biện pháp tạm giam với tất cả bị can, bị cáo.

**Câu 47**. **Tất cả các trường hợp bắt người đều phải có lệnh của cơ quan hoặc người có thẩm quyền?**

**Đáp án**: Sai, vì theo quy định tại Điều 111 và Điều 112 Bộ luật TTHS năm 2015 về bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Do đó trong trường hợp bắt người này không cần phải có lệnh.

**Câu 48.** **Tất cả các lệnh tạm giam đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành?**

**Đáp án:** Sai, vì theo quy định tại Khoản 5 Điều 119 và Bộ luật TTHS năm 2015 thì những người có thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 113 Bộ luật TTHS năm 2015 có quyền ra lệnh tạm giam. Tuy nhiên, không phải tất cả các lệnh tạm giam do những người có thẩm quyền trên ra lệnh đều phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành mà chỉ lệnh tạm giam của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp mới phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

**Câu 49.** **Biện pháp tạm giam không được áp dụng đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi?**

**Đáp án**:Sai, căn cứ Ðiều 419 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về việ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế với người dưới 18 tuổi:

*1. Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp áp giải đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết.*

*Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả. Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên quy định tại Bộ luật này. Khi không còn căn cứ để tạm giữ, tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.*

*2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật TTHS năm 2015.*

*3. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật TTHS năm 2015.*

*4. Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.*

**Câu 50**. **Biện pháp tạm giam không được áp dụng đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai, người già yếu, người bị bệnh nặng?**

**Đáp án**:Sai, căn cứ vào Khoản 4 Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015 thì đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ các trường hợp:

*a) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;*

*b) Tiếp tục phạm tội;*

*c) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này;*

*d) Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.*

Như vậy, biện pháp tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo là phụ nữ đang mang thai, người già yếu, người bị bệnh nặng.

Câu 51. Mọi trường hợp khi phát hiện quyết định khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra không có căn cứ thì Viện kiểm sát có quyền hủy quyết định đó?

Đáp án: Đúng, vì theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khi thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn: Hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật.

Câu 52. Quyết định khởi tố vụ án hình sự không cần phê chuẩn của Viện kiểm sát?

Đáp án: Đúng, vì theo khoản 2 Điều 154 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: Quyết định khởi tố vụ án không cần Viện kiểm sát phê chuẩn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định khởi tố vụ án hình sự kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

Câu 53. Nếu trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phát hiện bị can còn phạm tội khác ngoài tội đã khởi tố thì phải ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án?

Đáp án: Đúng, theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra; ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định còn tội phạm khác chưa bị khởi tố.

**Câu 54. Người phạm tội tự thú là căn cứ khởi tố vụ án hình sự?**

**Đáp án:** Sai. Vì người phạm tội tự thú chỉ là căn cứ xác định dấu hiệu tội phạm Điều 143 Bộ luật TTHS năm 2015.

**Câu 55. Chỉ khởi tố vụ án hình sự khi có yêu cầu khởi tố của bị hại về tội phạm được quy định tại các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 Bộ luật hình sự năm 2015?**

**Đáp án**: Sai. Vì theo quy định tại Khoản 1, Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015, chỉ khởi tố vụ án hình sự về tội phạm được quy định tại Khoản 1 đối với 10 tội danh nêu trên *“1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.”*

**Câu 56. Trong quá trình xét xử nếu phát hiện việc bỏ lọt tội phạm thì Hội đồng xét xử ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự?**

**Đáp án**: Đúng vì căn cứ theo quy định tại Khoản 4, Điều 153, Bộ luật TTHS năm 2015: *“4. Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.”*

**Câu 57. Kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước là căn cứ khởi tố vụ án hình sự?**

**Đáp án:** Sai. Vì kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước chỉ là căn cứ xác định dấu hiệu tội phạm theo Điều 143 Bộ luật TTHS năm 2015.

**Câu 58. Trong mọi trường hợp việc khởi tố vụ án hình sự không phụ thuộc vào yêu cầu của bị hại?**

**Đáp án:** Sai. Vì đối với những trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại thì chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết. (Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015).

**Câu 59. Đối với trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại, bị hại chỉ được rút đơn trước khi có quyết định mở phiên tòa?**

**Đáp án**: Sai. Theo công văn số CV-254/TANDTC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu theo quy định tại Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015 thì bị hại được rút đơn bất kỳ thời điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

**Câu 60. Người bị hại có quyền khởi tố vụ án hình sự trong một số trường hợp luật định?**

**Đáp án**: Sai, theo quy định tại Điều 153, Bộ luật TTHS 2015: Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự thuộc về cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2,3 và 4 Điều 153 Bộ luật TTHS 2015.

**Câu 61**. **Thời hạn phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là không quá 1 tháng?**

**Đáp án**: Đúng, theo quy định tại Khoản 1 Điều 149 Bộ luật TTHS năm 2015 thì: “*1. Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không còn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi.”*

**Câu 62**. **Mọi trường hợp phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm, người có thẩm quyền đều phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự?**

**Đáp án**: Sai. theo quy định Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Trong đó có những trường hợp mặc dù có dấu hiệu tội phạm nhưng cơ quan có thẩm quyền cũng không khởi tố vụ án hình sự.

**Câu 63. Chỉ Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát mới có trách nhiệm tiếp nhận giải quyết kiến nghị khởi tố**?

**Đáp án:** Đúng, theo Điều 145 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết Tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, còn các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác chỉ có trách nhiệm và thẩm quyền trong việc giải quyết tin báo và tố giác về tội phạm.

**Câu 64:** **Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự bắt đầu từ khi có vụ việc xảy ra?**

**Đáp án**: Sai, vì giai đoạn khởi tố vụ án hình sự bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm.

**Câu 65. Trường hợp bị hại hoặc đại diện của người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại**?

**Đáp án** : Sai vì dựa vào quy định tại Khoản 3 Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015 trong trường hợp bị cưỡng bức, ép buộc vẫn có quyền yêu cầu lại*. “3. Bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức.”*

**Câu 66. Trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền giải quyết?**

**Đáp án**: Đúng . vì theo quy định tại khoản 3, Điều 150 Bộ luật TTHS năm 2015 *“3. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải quyết.”*

**Câu 67.** **Người được miễn hình phạt là một trong những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự?**

**Đáp án**: sai vì theo quy định tại Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 thì căn cứ không khởi tố gồm 8 căn cứ và việc miễn hình phạt không thuộc quy định của pháp luật.

*“Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau:*

*1. Không có sự việc phạm tội;*

*2. Hành vi không cấu thành tội phạm;*

*3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự;*

*4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;*

*5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;*

*6. Tội phạm đã được đại xá;*

*7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác;*

*8. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố.”*

**Câu 68.** **Tất cả các hoạt động điều tra chỉ được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án**?

**Đáp án**: Sai**,** theo Khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định:*để thu thập chứng cứ xác định căn cứ khởi tố vụ án hình sự có thể tiến hành các biện pháp điều tra trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự như: Trưng cầu giám định, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi*, *định giá tài sản.*

**Câu 69.** **Kiểm sát viên bắt buộc phải có mặt khi tiến hành hoạt động hỏi cung bị can?**

**Đáp án**: Sai, vì theo quy định tại điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015, trong hoạt động hỏi cung bị can khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên mới tham gia việc hỏi cung.

“*4. Kiểm sát viên hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết. Việc Kiểm sát viên hỏi cung bị can được tiến hành theo quy định tại Điều này.”*

**Câu 70.** **Biện pháp hỏi cung bị can và lấy lời khai người làm chứng chỉ khác nhau về đối tượng áp dụng?**

**Đáp án**: Sai, vì Biện pháp hỏi cung bị can và lấy lời khai người làm chứng không chỉ khác nhau về đối tượng áp dụng mà còn khác nhau về cơ sở pháp lý, thời gian, địa điểm, thủ tục...

**Câu 71.** **Mọi hoạt động điều tra đều phải có người chứng kiến?**

Đáp án: Sai, vì có một số hoạt động điều tra không cần phải có người chứng kiến như lấy lời khai người làm chứng, đối chất, định giá tài sản...

**Câu 72. Những người có thẩm quyền ra lệnh khám xét thì có quyền ra lệnh kê biên tài sản?**

Đáp án: Sai, vì chỉ những người có thẩm quyền ra lệnh khám xét được quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật TTHS năm 2015 mới có thẩm quyền ra lệnh kê biên tài sản.

*“1. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét. Lệnh khám xét của những người được quy định tại khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành.”*

**Câu 73. Thời hạn điều tra vụ án được tính từ ngày cơ quan điều tra tiếp nhận nguồn tin về tội phạm?**

**Đáp án**: Sai, vì thời hạn điều tra vụ án được tính từ khi quyết định khởi tố vụ án cho tới khi kết thúc điều tra

**Câu 74. Khi xác định vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra thì việc chuyển vụ án đó cho cơ quan điều tra cấp trên phải do Viện kiểm sát quyết định?**

**Đáp án**: Đúng, theo quy định tại Điều 169 Bộ luật TTHS năm 2015 về việc chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền.

*“Viện kiểm sát cùng cấp quyết định việc chuyển vụ án để điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:*

*a) Cơ quan điều tra cùng cấp xét thấy vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra và đề nghị chuyển vụ án;*

*b) Cơ quan điều tra cấp trên rút vụ án để điều tra;*

*c) Điều tra viên bị thay đổi là Thủ trưởng Cơ quan điều tra;*

*d) Viện kiểm sát đã yêu cầu chuyển vụ án mà Cơ quan điều tra không thực hiện.”...*

**Câu 75. Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn quan trọng nhất, có vai trò quyết định trong giải quyết vụ án hình sự?**

**Đáp án**: Sai, vì các giai đoạn đều có vai trò quan trọng như nhau, có mối quan hệ mật thiết với nhau. Kết quả của giai đoạn trước là cơ sở cho giai đoạn sau, giai đoạn sau kiểm tra giai đoạn trước.

**PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN**

**Câu 1. Tại sao nói rằng luật tố tụng hình sự là một ngành luật độc lập?**

**Trả lời**

- Khái niệm luật tố tụng hình sự:

*Luật tố tụng hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

Luật tố tụng hình sự là một ngành luật độc lập vì nó có đối tượng và phương pháp điều chỉnh riêng.

*Đối tượng điều chỉnh*

Đối tượng điều chỉnhcủa Luật tố tụng hình sự là những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Những quan hệ này bao gồm:

Quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự;

Quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

Quan hệ giữa những người tiến hành tố tụng với nhau;

Quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng với người tham gia tố tụng;

Quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng với các cơ quan Nhà nước khác, tổ chức xã hội và cá nhân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự…Các quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của Luật tố tụng hình sự bao giờ cũng có một bên là cơ quan Nhà nước được giao tiến hành các hoạt động giải quyết vụ án hình sự.

Các quan hệ này liên quan hữu cơ với các hoạt động tố tụng hình sự. Các hoạt động tố tụng hình sự làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật tố tụng hình sự và ngược lại, những quan hệ pháp luật tố tụng hình sự làm phát sinh các hoạt động tố tụng hình sự mới.

*Phương pháp điều chỉnh*

Phương pháp điều chỉnhcủa Luật tố tụng hình sự là tổng thể những cách thức được sử dụng để tác động vào các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Để điều chỉnh các quan hệ thuộc đối tượng diều chỉnh của mình luật tố tụng hình sự sử dụng nhiều phương pháp, trong đó các phương pháp cơ bản là:

*Phương pháp quyền uy*: Là phương pháp thể hiện tính quyền lực Nhà nước buộc các chủ thể tham gia phải tuân thủ. Phương pháp này chủ yếu điều chỉnh các quan hệ được thể hiện bằng các quyết định, lệnh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Các quyết định, mệnh lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có tính chất bắt buộc đối với người tham gia tố tụng hình sự, các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân. Các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự cũng chỉ thực hiện quyền lực trong khuôn khổ pháp luật, không được tuỳ tiện ra các quyết định hoặc tiến hành các hoạt động trái pháp luật.

*Phương pháp phối hợp - chế ước:* Đây là hai phương pháp đặc trưng của Luật tố tụng hình sự nhằm đảm bảo cho các hoạt động tố tụng hình được chính xác, nhanh chóng, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

*Phương pháp phối hợp* yêu cầu các chủ thể tố tụng hình sự có trách nhiệm phối hợp với nhau trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Sự phối hợp thể hiện bằng việc các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hỗ trợ, bổ sung cho nhau trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đảm bảo cho mọi chứng cứ liên quan đến vụ án đều được phát hiện và sử dụng làm rõ các đối tượng chứng minh trong vụ án.

*Phương pháp chế ước* đòi hỏi các chủ thể tố tụng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát lẫn nhau để phát hiện những việc làm sai trái, những quyết định thiếu căn cứ để tự mình sử chữa hoặc yêu cầu khắc phục, sửa chữa kịp thời.

**Câu 2:Tại sao nói luật hình sự là luật nội dung, còn luật tố tụng hình sự là luật hình thức?**

**Trả lời**

- Khái niệm luật hình sự:

*Luật hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước và người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội, đến việc xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm, loại và mức hình phạt cần áp dụng đối với tội phạm đó.*

- Khái niệm luật tố tụng hình sự

*Luật tố tụng hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

Đây là quan hệ đặc biệt giữa “luật nội dung” và “luật hình thức”. Luật hình sự là “luật nội dung” quy định về tội phạm và hình phạt. Luật tố tụng hình sự là “luật hình thức” quy định trình tự, thủ tục xác định tội phạm, và mức độ trách nhiệm của người phạm tội. Khi có sự việc xảy ra, không thể xác định ngay được các tình tiết theo quy định của Luật hình sự. Vì vậy, phải trải qua trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hình sự mới xác định được dấu hiệu tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm, Luật hình sự mới phát huy hiệu quả. Ngược lại, để giải quyết vụ án hình sự các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải dựa vào các quy định của Luật hình sự để xác định hành vi phạm tội trên cơ sở các chứng cứ thu thập được và quyết định mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội đó. Hai ngành luật này có quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời.

**Câu 3**: **Hiệu lực của luật tố tụng hình sự được xác định như thế nào?**

**Trả lời**

- Khái niệm luật tố tụng hình sự:

*Luật tố tụng hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

- Khái niệm hiệu lực của luật tố tụng hình sự:

Điều 3 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “ *Bộ Luật tố tụng hình sự có hiệu lực đối với mọi hoạt động tố tụng hình sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”

Theo quy định này, Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam điều chỉnh tất cả các hoạt động tố tụng được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do các cơ quan tiến hành tố tụng (bao gồm cả các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động tố tụng), người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện. Kể cả trong trường hợp thực hiện các hoạt động tố tụng theo uỷ thác (tiến hành thu thập chứng cứ, áp dụng biện pháp ngăn chặn...) thì cơ quan được uỷ thác cũng phải tuân theo quy định của Luật tố tụng hình sự Việt nam.

Lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời, vùng lòng đất thuộc chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, Luật tố tụng hình sự Việt Nam còn điều chỉnh cả các hoạt động tố tụng diễn ra trên tàu bay, tàu thủy của Việt Nam.

Hoạt động tố tụng đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt nam là công dân của nước thành viên của điều ước Quốc tế mà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập thì hoạt động tố tụng hình sự được tiến hành theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thuộc đối tượng được hưởng các đặc quyền ngoại giao hoặc quyền ưu đãi, miễn trừ về lãnh sự theo pháp luật Việt nam, theo các điều ước quốc tế mà nước ta ký kết hoặc gia nhập hoặc theo tập quán quốc tế thì vụ án được giải quyết theo con đường ngoại giao.

**Câu 4. Trình bày nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân? Liên hệ thực tiễn công tác và ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này trong công tác công an?**

**Trả lời**

Quyền con người là một giá trị thiêng liêng, nó hiện hữu trong nhiều lĩnh vực của đời sống trong đó có lĩnh vực tố tụng hình sự. Không phổ biến, không rộng lớn, không diễn ra hàng ngày hàng giờ như các lĩnh vực hành chính, kinh tế, môi trường,… nhưng có thể nói quyền con người trong tố tụng hình sự lại là quyền dễ bị xâm phạm nhất và hậu quả để lại cũng nghiêm trọng nhất khi nó động chạm đến quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của một cá nhân.

Trong tố tụng hình sự, nhằm đáp ứng yêu cầu bảo đảm đầy đủ các quyền tự do, dân chủ của công dân được Hiến pháp quy định. Đó là quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, tài sản, danh dự, nhân phẩm, quyền bất khả xâm phạm về bí mật thư tín, điện tín,... Điều 8 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “Khi tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết”.

Nguyên tắc này đòi hỏi các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải thực hiện trách nhiệm của mình trong phạm vi pháp luật quy định, không được làm tuỳ tiện, vượt khỏi phạm vi giới hạn của luật, dẫn đến việc xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân. Những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự được quyền áp dụng các biện pháp mà luật cho phép, nhưng khi áp dụng phải đảm bảo những căn cứ pháp luật và xét thấy việc áp dụng là thật sự cần thiết. Đặc biệt đối với các biện pháp có tính cưỡng chế, khi áp dụng có tác động ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền của công dân thì phải hết sức thận trọng, phải luôn luôn kiểm tra tính hợp pháp. Nếu thấy việc áp dụng các biện pháp đó không có căn cứ hoặc không còn cần thiết nữa thì phải kịp thời huỷ bỏ. Thực hiện nguyên tắc này phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

Đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật: Trong hoạt động tố tụng hình sự, mọi công dân có vị trí tố tụng hình sự như nhau thì có quyền và nghĩa vụ như nhau, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Người phạm tội thì bị xử lý theo quy định của pháp luật đúng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Trong các giai đoạn tố tụng hình sự, tính chất, mức độ phạm tội như nhau thì bị các biện pháp cưỡng chế, các biện pháp ngăn chặn giống nhau... Trong phiên toà, những người tham gia tố tụng hình sự đều bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ và các yêu cầu, tranh luận trước Tòa án.

Đảm bảo cho mọi công dân không thể bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khác một cách tuỳ tiện, không có căn cứ hoặc không đúng thủ tục pháp luật.

Đảm bảo khi tiến hành các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ phải tuân theo đúng trình tự thủ tục luật định, không được áp dụng các biện pháp xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân như bức cung, nhục hình... Khi có căn cứ cho rằng người bị hại, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác cũng như người thân thích của họ bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Không ai được xâm phạm chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Việc khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện tín… phải theo đúng quy định của Luật tố tụng hình sự.

Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, các cơ quan, tổ chức về những việc làm trái pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó.

Liên hệ thực tiễn công tác và ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này trong công tác công an?

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự.

- Đảm bảo quyền con người trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự, chú ý đến nhóm người yếu thế như bị can, bị cáo…

**Câu 5. Phân tích nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này trong công tác công an?**

**Trả lời**

Chứng minh trong tố tụng hình sự là hoạt động cực kỳ phức tạp, không chỉ là những hành vi khách quan, những hậu quả thực tế mà còn cả những yếu tố tâm lý của người phạm tội. Mọi sai lầm trong chứng minh nhiều khi có thể phải trả giá bằng sinh mệnh của con người.

Do đó, nếu chỉ chứng minh theo hướng suy đoán có tội thì rất dễ dẫn đến việc coi tố tụng hình sự chỉ đơn thuần là việc bắt người và ra bản án kết tội kèm theo những hình phạt cụ thể. Việc định kiến người bị tình nghi, bị can, bị cáo là người có tội kéo theo đó là việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng tràn lan, thiếu căn cứ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người mà nhiều trường hợp khi vụ án được xem xét lại thì họ hoàn toàn vô tội. Lúc đó, có bồi thường oan sai đi chăng nữa thì hậu quả đối với họ không thể nói là đã bù đắp được toàn bộ.

Suy đoán vô tội còn đem đến sự cân bằng trong hoạt động tố tụng hình sự giữa một bên là Nhà nước với bộ máy điều tra, truy tố, xét xử hùng mạnh được bảo đảm bằng quyền lực Nhà nước với một bên yếu thế hơn là người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Như vậy, không chỉ là quyền của người bị buộc tội, nghĩa vụ của bên buộc tội, thể hiện giá trị của văn minh nhân loại trong việc bảo vệ quyền con người, suy đoán vô tội còn phù hợp với quy luật của nhận thức trong tố tụng hình sự.

Nội dung nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 gồm hai nội dung cơ bản:

Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi bất cứ tội phạm nào cũng phải được chứng minh theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình chứng minh tội phạm được thực hiện từ khi có tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, thông qua các thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành các hoạt động điều tra, kết thúc điều tra đề nghị truy tố, truy tố bằng bản cáo trạng và tiến hành xét xử, điều tra công khai tại phiên tòa.

Nếu có căn cứ để kết tội thì Tòa án sẽ ra bản án kết tội. Một người chỉ có thể bị coi là có tội khi có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tức là bản án của tòa án đã tuyên đối với người này là có tội và bản án đó không bị kháng cáo kháng nghị, không có căn cứ để giám đốc thẩm hay tái thẩm bản án.

Người bị tình nghi, bị can, bị cáo không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình, nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Mọi nghi ngờ trong quá trình chứng minh tội phạm của người bị tình nghi, bị can, bị cáo nếu không được loại trừ theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định thì phải được giải thích có lợi cho người bị tình nghi, bị can, bị cáo.

Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi sự buộc tội phải dựa trên những chứng cứ xác thực không còn nghi ngờ. Mọi sự nghi ngờ đối với người bị bắt giữ, bị can, bị cáo đều phải được kiểm tra, chứng minh làm rõ. Nếu không chứng minh làm rõ được sự nghi ngờ thì sự nghi ngờ đối với người bị bắt giữ, bị can, bị cáo phải được giải thích theo hướng có lợi cho họ.

Ý nghĩa:

- Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải tôn trọng sự thật khách quan.

- Không được dung lời nhận tội của bị can, bị cáo là chứng cứ duy nhất để buộc tội.

**Câu 6.** **Trình bày nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự?**

**Trả lời**

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc đầu tiên cơ bản nhất bao trùm, chi phối tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự, các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, của người tham gia tố tụng hình sự.

Nội dung của nguyên tắc này là mọi hoạt động tố tụng hình của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng phải được tiến hành theo các quy định của Luật tố tụng hình sự. Để đảm bảo nguyên tắc này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cần bảo đảm các yêu cầu sau đây:

Cần xây dựng được hệ thống các văn bản pháp luật tố tụng hình sự hoàn chỉnh. Điều này đòi hỏi phải thường xuyên tiến hành hệ thống hoá các văn bản pháp luật tố tụng để phát hiện những quy định trùng lắp, mâu thuẫn hoặc đã lạc hậu để sửa đổi bổ sung kịp thời tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đầy đủ, rõ ràng cho các hoạt động tố tụng.

Cần tăng cường công tác giải thích pháp luật để làm sáng tỏ nội dung và ý nghĩa các quy định của Luật tố tụng hình sự. Tổ chức tuyên truyền phổ biến cho nhân dân hiểu biết các quy định của luật tố tụng. Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký Tòa án có trình độ, có phẩm chất chính trị và đặc biệt phải nắm vững Luật tố tụng hình sự.

Các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự phải nghiêm chỉnh và triệt để tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hình sự. Mọi hoạt động, quyết định trong quá trình giải quyết vụ án phải đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền...

Việc nghiêm chỉnh và triệt để tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hình sự còn là trách nhiệm của người tham gia tố tụng. Khi thực hiện các quyền tố tụng của mình đòi hỏi họ phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục do Luật tố tụng hình sự quy định đồng thời phải thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của họ trong tố tụng.

Các cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan Nhà nước khác, tổ chức xã hội và mọi công dân đều có trách nhiệm giám sát các hoạt động tố tụng để phát hiện kịp thời những vi phạm pháp luật tố tụng hình sự. Những hành vi vi phạm này cần xử lý nghiêm minh.

**Câu 7. Hệ thống tổ chức cơ quan điều tra của Nhà nước ta hiện nay?**

**Trả lời**

Cơ quan điều tra là cơ quan được giao tiến hành các hoạt động điều tra nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố người phạm tội trước pháp luật, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp ngăn ngừa.Cơ quan điều tra được tổ chức theo các hệ thống sau:

*Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân*

Cơ quan điều tra trong công an nhân dân được tổ chức thành hai hệ thống, bao gồm Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan an ninh điều tra.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân tổ chức theo 3 cấp:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có: Văn Phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (gọi tắt là C01); Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (gọi tắt là Cục Cảnh sát hình sự - C02); Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ (gọi tắt là Cục Cảnh sát Kinh tế - C03); Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý (gọi tắt là Cục Cảnh sát Ma túy - C04);.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), gồm có: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), gồm có: Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý; Đội điều tra tổng hợp.

- Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân được tổ chức ở hai cấp:

Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an gồm có: Các phòng điều tra, phòng nghiệp vụ; Văn phòng Cơ quan An ninh điều tra.

Cơ quan An ninh điều tra công an cấp tỉnh gồm có các đội điều tra, các đội nghiệp vụ; Bộ máy giúp việc Cơ quan An ninh điều tra.

*Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân*

Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân cũng được tổ chức thành hai hệ thống bao gồm Cơ quan điều tra hình sự và Cơ quan An ninh điều tra trong quân đội.

- Cơ quan điều tra hình sự được tổ chức theo ba cấp:

Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng gồm có: các Phòng điều tra, Phòng nghiệp vụ và Bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra hình sự;

Cơ quan điều tra hình sự quân khu và cấp tương đương gồm có Ban điều tra; Bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra hình sự .

Cơ quan điều tra hình sự khu vực gồm có: Bộ phận điều tra và Bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra hình sự.

- Cơ quan An ninh điều tra trong Quân đội nhân dân được tổ chức theo hai cấp:

Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng gồm có: Các Phòng điều tra, Phòng nghiệp vụ; Bộ máy giúp việc cơ quan An ninh điều tra.

Cơ quan An ninh điều tra quân khu và cấp tương đương gồm có Ban điều tra; Bộ máy giúp việc cơ quan An ninh điều tra.

*Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát*

Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát chỉ được tổ chức ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có hai bộ phận: Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương.

- Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có: Các Phòng điều tra; Bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra.

- Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có: bộ phận điều tra; Bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra.

**Câu 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra, điều tra viên trong quá trình giải quyết vụ án hình sự?**

**Trả lời**

***-*** Thủ trưởng Cơ quan điều tra là người được bổ nhiệm đứng đầu Cơ quan điều tra để thực hiện chức năng quản lý hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra và tiến hành hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật. Thủ trưởng Cơ quan điều tra do Thủ trưởng ngành bổ nhiệm và cấp giấy chứng nhận.

*Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra*

Trong tố tụng hình sự chức năng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra thể hiện trên hai lĩnh vực: quản lý hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra và tiến hành tố tụng. Khi thực hiện chức năng quản lý hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ quyền hạn sau:

- Trực tiếp tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra;

- Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong việc điều tra vụ án hình sự;

- Kiểm tra các hoạt động điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên;

- Quyết định thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, của Điều tra viên;

- Quyết định thay đổi Điều tra viên;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

Khi Thực hiện chức năng tiến hành tố tụng, Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Quyết định khởi tố vụ án; khởi tố bị can; quyết định không khởi tố vụ án; quyết định nhập hoặc tách vụ án

- Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn;

- Quyết định truy nã bị can; khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, xử lý vật chứng;

- Quyết định trưng cầu giam định, quyết định khai quật tử thi;

- Kết luận điều tra vụ án;

- Quyết định đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra;

- Trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra; cấp, thu hồi giấy chững nhận người bào chữa; ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

Thủ trưởng Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

***-*** Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra là người được bổ nhiệm để giúp Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong việc thực hiện chức năng quản lý hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra và tiến hành điều tra khi được phân công. Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra do Thủ trưởng ngành bổ nhiệm và cấp giấy chứng nhận.

*- Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra*

Là người được bổ nhiệm để giúp Thủ trưởng Cơ quan điều tra thực hiện chức năng quản lý hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra. Vì vậy, khi Thủ trưởng vắng mặt, Phó Thủ trưởng nào được Thủ trưởng Cơ quan điều tra uỷ nhiệm thì có toàn quyền như Thủ trưởng. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được giao. Khi Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công điều tra vụ án họ có nhiệm vụ quyền hạn như Thủ trưởng khi tiến hành điều tra vụ án hình sự. Cụ thể:

- Quyết định khởi tố vụ án; khởi tố bị can; quyết định không khởi tố vụ án; quyết định nhập hoặc tách vụ án.

- Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn;

- Quyết định truy nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, xử lý vật chứng;

- Quyết định trưng cầu giam định, quyết định khai quật tử thi;

- Kết luận điều tra vụ án;

- Quyết định đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra;

- Trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

**Câu 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên trong quá trình giải quyết vụ án hình sự?**

Trả lời

***-*** Điều tra viên là người tiến hành tố tụng, được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ điều tra vụ án hình sự. Điều tra viên là một chức danh pháp lý. Để có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên một người phải có các tiêu chuẩn sau: là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ đại học An ninh, đại học Cảnh sát hoặc đại học Luật, có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra; có thời gian làm công tác thực tiễn theo từng bậc Điều tra viên; có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Điều tra viên có ba bậc: Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp và Điều tra viên cao cấp.

*Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên*

Điều tra viên tiến hành điều tra toàn bộ hay một phần vụ án hình sự theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Việc phân công điều tra vụ án cho Điều tra viên phải có quyết định bằng văn bản. Khi được tiến hành điều tra một phần hay toàn bộ vụ án, Điều tra viên có những nhiệm vụ, quyền hạn sau: Lập hồ sơ vụ án hình sự, triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng; khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, tiến hành đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra và các biện pháp điều tra khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra. Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; Điều tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng Cơ quan điều tra về những quyết định và hoạt động điều tra của mình.Trong khi tiến hành các hoạt động điều tra, Điều tra viên được ưu tiên mua vé đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng, được miễn phí cầu, phà, đường, miễn cước phí giao thông trong thành phố, thị xã. Trong trường hợp cần thiết, để ngăn chăn hành động phạm tội, đuổi bắt người phạm tội, cấp cứu người bị nạn, Điều tra viên được sử dụng các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc của các cơ quan, tổ chức, và cá nhân, kể cả những người điều khiển phương tiện ấy, trừ các phương tiện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế và những người được hưởng quyền ưu đại miên trừ ngoại giao lãnh sự. Điều tra viên phải hoàn trả ngay các phương tiện đó khi tình huống cấp thiết không còn. Nếu các phương tiện bị hư hỏng hoặc bị mất thì Cơ quan điều tra có trách nhiệm bồi thường. Những việc Điều tra viên không được làm:

- Điều tra viên không được làm những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức hoặc cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân không được làm;

- Không được tư vấn cho bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật;

- Không được can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết các vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án;

- Không được đem hồ sơ vụ án hoặc tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan, nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền;

- Không được tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ án mà mình có thẩm quyền giải quyết ngoài nơi quy định.

Câu 10. Điều 15 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tôi có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”.* Phân tích nội dung quy định trên, từ đó rút ra ý nghĩa đối với hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Trả lời:

- Đây là nguyên tắc quan trọng của Luật Tố tụng hình sự… Nguyên tắc này ghi nhận quá trình tố tụng hình sự là quá trình chứng minh tội phạm và người phạm tội là quá trình tiếp cận chân lý khách quan của vụ án hình sự.

Ghi nhận nguyên tắc này vào Bộ luật tố tụng hình sự là cần thiết để cụ thể hoá những quy định của Hiến pháp nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng hình sự bảo vệ chặt chẽ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng hoạt động trong mối liên hệ mật thiết, thống nhất trong toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự và đều có trách nhiệm là nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Các cơ quan và những người đó phải chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định của mình.

Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự luật quy định rõ trách nhiệm của những người có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng, người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án... thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Câu 11. Vì sao Điều 85 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: “Những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo là tình tiết cần phải chứng minh trong vụ án hình sự”. Nêu những chứng cứ thường được sử dụng để chứng minh về đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo? Cần áp dụng biện pháp gì để thu thập chứng cứ đó?

Trả lời:

*Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự là hệ thống các tình tiết phản ánh về vụ án hình sự cần phải được làm rõ để giải quyết vụ án hình sự đúng pháp luật.*

Nội dung những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

*- Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;*

*- Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội;*

*- Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;*

*- Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;*

*- Nguyên nhân và điều kiện phạm tội;*

*- Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.*

\* Những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo là những tình tiết cần phải chứng minh trong vụ án hình sự vì:

- Nó là những tình tiết thuộc về đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo nó chỉ ra những đặc điểm của chủ thể tội phạm trong các yếu tố cấu thành tội phạm.

- Nó là những tình tiết cần phải chứng minh để xác định trách nhiệm hình sự mức hình phạt, trách nhiệm dân sự của bị can, bị cáo.

- Đáp ứng nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong Luật Hình sự Việt nam

\* Những chứng cứ thường được sử dụng:

- Lịch sử bản thân, tiền án, tiền sự, khả năng giáo dục, điều kiện sống…

- Trình độ nhận thức pháp luật, nhận thức hình vi phạm tội…

- Những đặc điểm liên quan đến chính sách xã hội…

\* Cần áp dụng các biện pháp để thu thập chứng cứ đó:

- Lấy lời khai của người làm chứng, bị hại…

- Hỏi cung bị can

- Báo cáo của các cơ quan, tổ chức có liên quan…

**Câu 12. Vì sao phải phân loại chứng cứ? Phân tích nội dung của các loại chứng cứ? Ý nghĩa của việc phân loại này đối với công tác điều tra, xét xử?**

**Trả lời**

Việc phân loại chứng cứ có một vị trí quan trọng trong quá trình chứng minh vụ án. Nó giúp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ đúng với quy định của pháp luật và xác định đúng vị trí của chứng cứ trong tổng thể các chứng cứ đã thu thập được trong vụ án hình sự.

Tùy thuộc vào từng cơ sở phân loại mà người ta phân chia chứng cứ thành những loại khác nhau bao gồm:

- Dựa vào mối quan hệ giữa chứng cứ với đối tượng chứng minh có thể phân chia thành chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp;

- Dựa vào xuất xứ của chứng cứ (lấy từ nguồn nào, do đâu phản ánh) có thể phân chia thành chứng cứ gốc và chứng cứ sao chép lại, thuật lại.

- Dựa vào mối quan hệ của chứng cứ với đối tượng bị buộc tội để phân chia thành chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội.

- Ý nghĩa:

+ Giúp cho xác cơ quan tiến hành tố tụng xác định được đâu là chứng cứ trực tiếp, gián tiếp, chứng cứ gốc, chứng cứ sao chép lại, thuật lại và chứng cứ buộc tội, gỡ tội để đánh giá được đúng đắn bản chất của sự việc đồng thời giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng kịp thời và thu thập được đầy đủ.

+ Giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng cần được thu thập kịp thời và đầy đủ…

+ Giúp cho việc lựa chọn khi thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ một cách tổng hợp toàn diện trong việc chứng minh, tránh được sai lầm dẫn đến sót lọt, oan sai, đảm bảo công tác điều tra, truy tố, xét xử được chính xác khách quan, toàn diện, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

**Câu 13. Các loại nguồn chứng cứ quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự*?***

**Trả lời**

Nguồn chứng cứ là nơi chứa đựng và phản ánh những thông tin có thể xác định là chứng cứ của vụ án hình sự, được Luật tố tụng hình sự quy định.

Theo khoản 1 Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định có những loại nguồn sau đây:

-Vật chứng;

- Lời khai, lời trình bày;

- Dữ liệu điện tử;

- Kết luận giám định, định giá tài sản;

- Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;

- Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác;

- Các tài liệu, đồ vật khác.

**Câu 14. Phân tích các thuộc tính của chứng cứ trong tố tụng hình sự?**

**Trả lời**

*Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.*

Theo khái niệm pháp lý về chứng cứ nêu trên thì một tài liệu được sử dụng làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải có đầy đủ ba thuộc tính sau đây: tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp.

*Thứ nhất,* tính khách quan.

Một tài liệu được sử dụng làm chứng cứ để chứng minh về vụ án hình sự phải là những gì có thật, tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, không phụ thuộc vào khả năng con người có nhận biết được hay không. Những gì là suy đoán, tưởng tượng, giả thiết… không tồn tại trong hiện thực khách quan thì không coi là chứng cứ. Những phản ánh sai lệch, nhưng thông tin giả tạo, xuyên tạc sự thật không được dùng làm chứng cứ để xác định những tình tiết của vụ án.

Các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự phải tôn trọng sự thật khách quan, phải thẩm tra xác minh những tài liệu thu được, chỉ dùng làm chứng cứ khi những tài liệu thu được phản ánh cái có thật, kiên quyết chống định kiến chủ quan hoặc làm giả tài liệu, phải kịp thời phát hiện những hành vi làm giả tài liệu chứng cứ.

*Thứ hai,* tính liên quan

Những gì có thật phải có mối quan hệ khách quan với những sự kiện cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, giúp cho nhận thức về vụ án hình sự, làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự. Mối quan hệ ở đây có thể ở những mức độ khác nhau như quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp, quan hệ nhân- quả, quan hệ theo không gian- thời gian… Nếu những gì có thật không có liên quan đến vụ án hình sự thì không được dùng làm chứng cứ.

Xác định tính liên quan là một trong các thuộc tính cơ bản của chứng cứ xuất phát từ tính hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự, yêu cầu của hoạt động tố tụng hình sự và quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Mặt khác, thực tiễn hoạt động giải quyết các vụ án hình sự cho thấy rằng khi vụ án hình sự xảy ra có thể thu được rất nhiều sự kiện, tài liệu có thật và trong không ít trường hợp không thể xác định được ngay tính liên quan của chúng. Do đó, cần phải xác định xem tài liệu nào là có liên quan đến vụ án và chỉ dùng để chứng minh về vụ án hình sự khi xác định được tính liên quan đến vụ án hình sự đó.

Tài liệu thu được phải có mối liên hệ khách quan với những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Đây là mối liên hệ giữa sự kiện dùng làm căn cứ để chứng minh với những sự kiện cần phải chứng minh làm sáng tỏ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Việc xác định tính liên quan của tài liệu đã thu thập được trong vụ án phải căn cứ vào các quy luật khách quan, tuyệt đối không được áp đặt tính liên quan bằng sự suy diễn chủ quan của người tiến hành tố tụng hình sự trong quá trình đánh giá các tài liệu thu thập được.

*Thứ ba,* tính hợp pháp.

Chứng cứ phải được xác định từ những nguồn chứng cứ (phương tiện chứng minh) và được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Luật Tố tụng hình sự.

Theo khoản 1 Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự thì nguồn chứng cứ bao gồm:

- Vật chứng;

- Lời khai, lời trình bày;

- Dữ liệu điện tử;

- Kết luận giám định, định giá tài sản;

- Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;

- Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác;

- Các tài liệu đồ vật khác.

Chứng cứ phải được thu thập bằng các hoạt động điều tra (hỏi cung, lấy lời khai, khám xét, thực nghiệm điều tra…) hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu,đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. (Khoản 1 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự).

Việc thu thập, bảo quản, kiểm tra, đánh giá chứng cứ phải đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

Tóm lại, những gì được coi là chứng cứ phải có đầy đủ ba thuộc tính trên. Mỗi thuộc tính đều thể hiện những khía cạnh khác nhau của chứng cứ. Chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau, thiếu bất kỳ một thuộc tính nào thì không được coi là chứng cứ. Nếu xét trong quan hệ nội tại giữa các thuộc tính của chứng cứ thì tính khách quan và tính liên quan là nội dung của chứng cứ, còn tính hợp pháp là hình thức của chứng cứ.

**Câu 15. Vật chứng là gì? Có ý kiến cho rằng: Trong các nguồn chứng cứ, vật chứng là nguồn chứng cứ quan trọng nhất”. Quan điểm trên đúng hay sai? Vì sao?**

**Trả lời**

Điều 89 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *“Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”*.

Vật chứng là những vật (đồ vật, súc vật, thực vật, các chất rắn, láng…) mà dựa vào đó có thể xác định các sự kiện có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Những vật này mang những thông tin phản ánh về vụ án hình sự dưới dạng dấu vết vật chất.

Trong các loại nguồn chứng cứ thì vật chứng có vai trò đặc biệt. Sự kiện thực tế khách quan và nguồn phản ánh cùng tồn tại ở vật chứng. Đây là điểm khác biệt của vật chứng với các loại nguồn chứng cứ khác. Vật chứng tồn tại dưới dạng vật chất cho nên tiến hành thu giữ kịp thời, đầy đủ, bảo quản tốt thì những thông tin do vật chứng xác định sẽ đảm bảo khách quan. Nếu để vật chứng mất mát, hư háng thì không thể thay thế bằng vật khác được. Thông thường, vật chứng xác định chứng cứ trực tiếp có giá trị chứng minh rất cao, giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng.

Quan điểm trên là sai vì tùy từng vụ án cụ thể mà mỗi nguồn chứng cứ có vai trò, vị trí khác nhau.

**Câu 16. Phân tích các loại vật chứng được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015?**

**Trả lời**

Điều 89 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *“Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”*.

Vật chứng là những vật (đồ vật, súc vật, thực vật, các chất rắn, lỏng…) mà dựa vào đó có thể xác định các sự kiện có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Những vật này mang những thông tin phản ánh về vụ án hình sự dưới dạng dấu vết vật chất.

Trong các loại nguồn chứng cứ thì vật chứng có vai trò đặc biệt. Sự kiện thực tế khách quan và nguồn phản ánh cùng tồn tại ở vật chứng. Đây là điểm khác biệt của vật chứng với các loại nguồn chứng cứ khác. Vật chứng tồn tại dưới dạng vật chất cho nên tiến hành thu giữ kịp thời, đầy đủ, bảo quản tốt thì những thông tin do vật chứng xác định sẽ đảm bảo khách quan. Nếu để vật chứng mất mát, hư háng thì không thể thay thế bằng vật khác được. Thông thường, vật chứng xác định chứng cứ trực tiếp có giá trị chứng minh rất cao, giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng.

- Các loại vật chứng

Vật chứng thể hiện ở những dạng sau đây:

+ Vật chứng là những vật dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội như dao, súng, đạn, mìn, chó, hổ, cá sấu… hoặc là những phương tiện giao thông, thông tin được sử dụng vào việc phạm tội như xe máy, bộ đàm… những bất động sản dùng vào việc phạm tội như ngôi nhà, phòng trọ (trong các vụ án tổ chức đánh bạc, chứa mại dâm…)

+ Vật chứng là những vật mang dấu vết tội phạm như quần áo dính máu trong vụ án giết người, cánh tủ mang dấu vân tay của người cậy phá…

+ Vật chứng là những vật được coi là đối tượng của tội phạm như tài sản của Nhà nước, công dân… (kể cả tiền là đối tượng của tội phạm).

+ Vật chứng còn là những vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Ví dụ: Các vật được mua bằng tiền do phạm tội mà có hoặc phát hiện thấy vật đã để lại dấu vết ở hiện trường (như tại hiện trường thu được sợi vải và khi khám xét phát hiện chiếc áo đã để lại dấu vết ở hiện trường; tại hiện trường thu thập dấu vết dép và khi khám xét thu đôi dép của người phạm tội là vật để lại dấu vết dép ở hiện trường…)

**Câu 17.** **Phân tích những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự? Ý nghĩa của vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ?**

**Trả lời**

*Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự là hệ thống các tình tiết phản ánh về vụ án hình sự cần phải được làm rõ để giải quyết vụ án hình sự đúng pháp luật.*

Như vậy, khi giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chứng minh làm rõ nhiều tình tiết khác nhau trong vụ án hình sự. Căn cứ vào ý nghĩa pháp lý của các tình tiết này có thể phân loại những vấn đề phải chứng minh như sau:

*Nhóm thứ nhất*, những vấn đề phải chứng minh thuộc về bản chất của vụ án hình sự bao gồm:

- Chứng minh về việc có tội phạm xảy ra hay không?

Theo đó, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải có đầy đủ các tài liệu chứng cứ để xác định xem có sự việc xảy ra hay không? (như thời gian, địa điểm, quá trình diễn biến sự việc…); sự việc đó có dấu hiệu của một tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự hay không?

- Chứng minh để xác định đối tượng phạm tội?

Phải có đầy đủ chứng cứ khẳng định chính đối tượng là người hoặc pháp nhân đã gây ra vụ án hình sự, thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự.

*Nhóm thứ hai*, những vấn đề phải chứng minh nhằm xác định mức độ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải có đầy đủ các chứng cứ để xác định:

- Những tình tiết định khung hình phạt tăng nặng, giảm nhẹ (cấu thành tội phạm tăng nặng hoặc cấu thành tội phạm giảm nhẹ).

- Những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo (Điều 51, Điều 52, Điều 85 Bộ luật Hình sự).

- Những tình tiết được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho người phạm tội (Điều 29, Điều 59, Điều 88 Bộ luật Hình sự).

- Những tình tiết thuộc về đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo có thể là những đặc điểm có quan hệ đến việc thực hiện tội phạm như lịch sử bản thân, tiền án, tiền sự… hoặc những đặc điểm phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo như hoàn cảnh sống, trình độ nhận thức pháp luật, nhận thức hành vi phạm tội… hoặc những đặc điểm có liên quan đến chính sách xã hội như dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội…

- Tính chất mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

*Nhóm thứ ba*, những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án. Tùy theo từng vụ án cụ thể, mà những tình tiết này có thể là:

- Tung tích của bị hại (trong trường hợp bị hại là người đã chết, là người bị bệnh tâm thần, là trẻ em…)

- Mối quan hệ của người làm chứng với bị hại, bị can, bị cáo…

- Mức độ nhận thức về hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội…

- Yêu cầu của những người tham gia tố tụng như bị hại, nguyên đơn dân sự…

*Ý nghĩa*

+ Giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có cơ sở để đề ra kế hoạch giải quyết vụ án hình sự; giúp cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử có định hướng; nhanh chóng và đạt hiệu quả cao; tránh việc tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự một cách tuỳ tiện, tràn lan.

+ Giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xác định được phạm vi giới hạn của quá trình chứng minh làm rõ vụ án hình sự; góp phần quan trọng để bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và công dân.

+ Khi giải quyết vụ án hình sự thì các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải có đủ chứng cứ chứng minh những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự.

+ Trách nhiệm chứng minh những vấn đề này thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Không thể lấy việc bị can bị cáo không chứng minh được họ vô tội để làm căn cứ ra các quyết định tố tụng hình sự.

**Câu 18. Trình bày quá trình chứng minh vụ án hình sự?**

**Trả lời**

Các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không trực tiếp thấy những tình tiết đã xảy ra trong vụ án hình sự. Nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự về sự thật của vụ án hình sự là nhận thức gián tiếp thông qua các chứng cứ. Để giải quyết được vụ án hình sự, xử lý người phạm tội thì các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải xác định những chứng cứ từ đó biết những tình tiết của vụ án, tính chất mức độ của hành vi phạm tội…

Như vậy, chứng minh là việc xác định các chứng cứ để làm sáng tỏ vụ án. Quá trình chứng minh là quá trình nhận thức các sự kiện, các tình tiết của vụ án thông qua các chứng cứ. Đây là một quá trình khó khăn, phức tạp, bao gồm những hoạt động thực tiễn và hoạt động tư duy có quan hệ chặt chẽ, đan xen với nhau. Quá trình này bao gồm nhiều hoạt động khác nhau phải tuân theo trình tự, thủ tục của Luật tố tụng hình sự. Việc tuân theo trật tự này đảm bảo cho quá trình chứng minh được khách quan, toàn diện.

Quá trình chứng minh có thể chia ra làm các bước sau đây: Thu thập chứng cứ, bảo quản chứng cứ, kiểm tra chứng cứ, đánh giá chứng cứ.

**Thứ nhất,** thu thập chứng cứ.

Đây là giai đoạn mở đầu, có vai trò quan trọng mở ra khả năng giải quyết nhanh chóng vụ án hình sự. Bất kỳ một hành vi phạm tội nào cũng đều để lại những dấu vết nhất định trong thế giới khách quan, được phản ánh ở những dạng khác nhau. Tuy nhiên, nếu không kịp thời áp dụng các biện pháp thích hợp để phát hiện các nguồn lưu giữ những thông tin về vụ án thì sẽ gặp khó khăn cho việc làm rõ sự thật của vụ án. Do đó, việc thu thập chứng cứ cần được tiến hành khẩn trương, kịp thời.

Khoản 1 Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định “Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.”

Bên cạnh đó, tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã mở rộng quyền thu thập chứng cứ bằng cách quy định “Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa.

Những người tham gia tố tụng khác, cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án.”

**Thứ hai,** bảo quản chứng cứ.

Bảo quản chứng cứ là giữ cho chứng cứ được nguyên vẹn, không làm mất mát, biến dạng hay sai lệch chứng cứ. Thực chất việc bảo quản chứng cứ là bảo vệ giá trị chứng minh của chứng cứ chứ không phải đơn thuần là bảo vệ giá trị kinh tế, văn hóa. Nếu vật chứng bị mất, bị biến dạng hoặc biên bản khám nghiệm hiện trường bị tẩy xóa… thì rõ ràng việc sử dụng nó để chứng minh vụ án sẽ gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp.

Chứng cứ được xác định bởi những nguồn khác nhau. Do đó, tùy theo từng loại nguồn chứng cứ mà có các phương pháp bảo quản khác nhau. Vật chứng được bảo quản theo Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với các loại nguồn chứng cứ khác được bảo quản chặt chẽ tại hồ sơ vụ án.

Việc bảo quản chứng cứ cần phải được quan tâm ngay từ khi phát hiện và thu thập chứng cứ cũng như trong suốt quá trình chứng minh vụ án.

**Thứ ba,** kiểm tra chứng cứ.

Có rất nhiều yếu tố tác động đến tính khách quan của các thông tin phản ánh trong những nguồn chứng cứ đã thu được. Do đó, việc kiểm tra chứng cứ đã thu thập được là cần thiết để giải quyết đúng đắn vụ án.

Kiểm tra chứng cứ là xác định xem chứng cứ thu được có đảm bảo đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ hay không. Việc kiểm tra chứng cứ được tiến hành trong tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự (điều tra, truy tố, xét xử…)

Kiểm tra chứng cứ xoay quanh việc làm rõ các thuộc tính của chứng cứ. Việc kiểm tra phải chú ý đến đặc điểm của từng loại chứng cứ, nguồn chứng cứ, đặc điểm của từng loại biện pháp thu thập…

**Thứ tư,** đánh giá chứng cứ.

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy của người tiến hành tố tụng nhằm xác định giá trị chứng minh của những chứng cứ đã thu thập được. Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy của người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự được thể hiện trong các thao tác như nghiên cứu, phân tích, so sánh, tổng hợp, kết luận.

Trách nhiệm đánh giá chứng cứ được quy định tại Điều 108 - Bộ luật Tố tụng hình sự:*“*Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án*”*

**Câu 19.** **Trình bày nguyên tắc đánh giá chứng cứ?**

**Trả lời**

- Nguyên tắc khách quan, toàn diện và đầy đủ khi xem xét đánh giá chứng cứ. Tiêu chuẩn để đánh giá chứng cứ là thực tế khách quan. Trong trường hợp có nhiều chứng cứ thu được cho những thông tin trái ngược nhau thì phải căn cứ vào thực tế khách quan để xem xét đánh giá mà không định trước giá trị của bất kỳ chứng cứ nào.

- Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Trong hoạt động xét xử, việc xác định và đánh giá các chứng cứ tại phiên tòa được thực hiện theo nguyên tắc này nhằm đảm bảo cho Hội đồng xét xử thực sự độc lập trong việc xác định sự thật của vụ án mà không phụ thuộc vào các quan điểm đánh giá chứng cứ của vụ án trong các giai đoạn trước đó như khởi tố, điều tra, truy tố…

- Nguyên tắc đánh giá chứng cứ trong mối quan hệ tổng thể các vấn đề của vụ án. Thực hiện nguyên tắc này trong trường hợp khi có một vấn đề nào đó đang tồn tại đủ chi phối toàn bộ quá trình bao gồm nhiều vấn đề khác nhau thì ta không cần phải chứng minh thêm vấn đề khác nữa. Ví dụ: Bị cáo chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì không cần phải chứng minh những vấn đề khác vẫn có thể kết luận được vụ án (đình chỉ vụ án hình sự)…

- Nguyên tắc giải thích sự nghi ngờ theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo. Trước hết, chúng ta khẳng định rằng mọi quyết định tố tụng hình sự cần phải được dựa trên những căn cứ đầy đủ và chính xác. Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, do những yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến quá trình làm sáng tỏ sự thật của vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chỉ thu thập được một số tài liệu chứng cứ nhất định mà khi đánh giá những chứng cứ đó thì không đưa ra được một kết luận dứt khoát mà chỉ đưa ra được một nhận định có tính nghi ngờ về bị can, bị cáo. Khi đó, cần áp dụng nguyên tắc này để loại trừ khả năng có thể làm oan người vô tội. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng không phải là cứ có nghi ngờ thì lập tức áp dụng nguyên tắc này mà chỉ áp dụng khi điều nghi ngờ không thể làm rõ được nữa vì không còn cơ sở xác minh, không thể xác minh được, không còn thời hạn do pháp luật quy định…

**Câu 20.** **Thế nào là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự? Phân tích nội dung khái niệm?**

**Trả lời**

*- Khái niệm: biện pháp ngăn chặn là một trong những biện pháp cưỡng chế của tố tụng hình sự, do những cơ quan hoặc người có thẩm quyền áp dụng đối với bị can, bị cáo, người đang bị truy nã, người phạm tội tự thú, đầu thú và người chưa bị khởi tố về hình sự (trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang) nhằm kịp thời ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây khó khăn, cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

- Biện pháp ngăn chặn trong TTHS là biện pháp cưỡng chế. Trong các biện pháp cưỡng chế của tố tụng hình sự thì các biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc hơn. Vì các biện pháp này tác động ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân, nó có thể hạn chế một số quyền của công dân trong một thời gian nhất định.

- Đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn có thể là bị can, bị cáo, người đang bị truy nã, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc người chưa bị khởi tố về hình sự (là những người bị giữ trong trường khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc người bị bắt theo quyết định truy nã),

- Chủ thể áp dụng biện pháp ngăn chặn bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. Trong trường hợp khẩn cấp thì ngoài cơ quan đó còn có những người khác có quyền áp dụng như: Người thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương; Người chỉ huy các đơn vị Bộ đội biên phòng theo quy định của pháp luật; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng; Người chỉ huy các đơn vị Cảnh sát biển theo qui định của pháp luật... Trong trường hợp thấy người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay đến nơi qui định.

- Ý nghĩa: Việc quy định các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự có một ý nghĩa rất quan trọng trong lĩnh vực đấu tranh phòng và chống tội phạm, góp phần tích cực bảo vệ sự vững mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tuân thủ đúng các quy định của luật tố tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn là yếu tố cơ bản để thực hiện chế độ dân chủ, tôn trọng và bảo vệ quyền cơ bản của con người, của công dân.

**Câu 21.** **Vì sao nói biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là một trong những biện pháp cưỡng chế của luật tố tụng hình sự?**

**Trả lời**

Trong hoạt động tố tụng hình sự, pháp luật tố tụng hình sự cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp có tính cưỡng chế khác nhau. Căn cứ vào mục đích của các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự có thể chia các biện pháp này thành các nhóm như sau:

*Nhóm một*: Các biện pháp ngăn chặn bao gồm: giữ, bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lĩnh, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh;

*Nhóm hai*: Các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo thu thập chứng cứ như xem xét dấu vết trên thân thể, khám xét...;

*Nhóm ba*: Các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo hoạt động tố tụng hình sự được tiến hành bình thường như áp giải, dẫn giải...;

*Nhóm bốn*: Các biện pháp bảo đảm thi hành án: kê biên tài sản...;

Trong các biện pháp cưỡng chế của tố tụng hình sự thì các biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc hơn, cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền đối với bị can, bị cáo, người đang bị truy nã, người phạm tội tự thú hoặc người chưa bị khởi tố về hình sự (trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang). Các biện pháp này tác động ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân, nó có thể hạn chế một số quyền của công dân trong một thời gian nhất định

**Câu 22.** **Phân tích mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn?**

**Trả lời**

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm đạt được các mục đích sau đây:

- Để kịp thời ngăn chặn tội phạm

Tội phạm là một hiện tượng xã hội phức tạp, diễn biến cũng như tính chất của hành vi phạm tội rất đa dạng. Có trường hợp phạm tội đang diễn ra, hành vi phạm tội đã xâm hại đến những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ hoặc hành vi phạm tội sẽ xảy ra đe dọa xâm hại đến những khách thể quan trọng, cần phải ngăn chặn ngay.

- Áp dụng biện pháp ngăn chặn để tránh những hành vi gây khó khăn cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử

Cơ quan có thẩm quyền có cơ sở để khẳng định rằng nếu không áp dụng biện pháp ngăn chặn thì người bị buộc tội sẽ thực hiện những hành vi gây cản trở cho tiến trình tố tụng hình sự, làm cho cơ quan có thẩm quyền không thu được tài liệu chứng cứ, việc giải quyết vụ án bị kéo dài.

Đặc điểm của tội phạm là lợi dụng mọi sơ hở trong công tác quản lý xã hội, quản lý kinh tế để gây án, sau khi gây án thì tìm mọi cách để trốn tránh pháp luật, làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, dùng mọi thủ đoạn để che giấu hành vi phạm tội, tung tích của mình gây ra những khó khăn cản trở cho quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trước tình hình đó, yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm là phải phát hiện chính xác nhanh chóng, xử lý nghiêm minh kịp thời mọi hành vi phạm tội.

Trường hợp này thường áp dụng khi bị can, bị cáo có hành vi chuẩn bị trốn, đang trên đường trốn; Bị can, bị cáo không chịu có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự nhiều lần mà không có lý do chính đáng; Bị can, bị cáo làm giả chứng từ, tiêu hủy chứng cứ, đe dọa mua chuộc, khống chế người làm chứng hoặc bị can, bị cáo là những đối tượng ngoan cố, lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, nơi cư trú không rõ ràng.

- Để ngăn chặn người bị buộc tội sẽ tiếp tục phạm tội

Cơ quan có thẩm quyền thông qua các hoạt động của mình thu được các tài liệu khẳng định rằng nếu không áp dụng các biện pháp ngăn chặn thì người bị buộc tội sẽ tiếp tục phạm tội.

Luật tố tụng hình sự quy định đây là trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn xuất phát từ đặc điểm của tội phạm là người phạm tội rồi còn có thể tiếp tục phạm tội với nhiều nguyên nhân khác nhau như do bản chất chống đối xã hội của một số đối tượng phản cách mạng, lưu manh chuyên nghiệp, do động cơ đê hèn, trả thù người tố giác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự, do muốn làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà phạm tội mới như hối lộ, thủ tiêu người làm chứng, thực hiện các hành vi phạm tội khác để xóa dấu vết vật chứng.

Các thông tin để xác định người bị buộc tội có thể tiếp tục phạm tội gồm:

+ Căn cứ vào nhân thân của người bị buộc tội như bị can, bị cáo là là người đã có nhiều tiền án, tiền sự, là đối tượng tái phạm nguy hiểm, lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn.

+ Căn cứ vào hành vi cụ thể của người bị buộc tội trong từng vụ án cụ thể như bị can, bị cáo có hành vi đe doạ, khống chế, trả thù người làm chứng, người bị hại hoặc có hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện hoặc các điều kiện thuận lợi khác cho việc thực hiện tội phạm.

- Để bảo đảm thi hành án

Bảo đảm việc thi hành bản án và quyết định của Toà án là yêu cầu quan trọng của tố tụng hình sự, giai đoạn thi hành án hình sự có nhiệm vụ thi hành trên thực tế những bản án và những quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật đối với người phạm tội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Trong thực tế, không ít những người đã bị kết án nhưng có những biểu hiện gây khó khăn cho việc thi hành án như trốn thi hành án, chống đối cán bộ thi hành án. Toà án thường áp dụng trong các trường hợp sau đây:

­­­­+ Sau khi Tòa án sơ thẩm tuyên án phạt tù nếu có căn cứ cho rằng bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục gây án thì Tòa án có thể quyết định bắt giam ngay để đảm bảo thi hành án

+ Đối với những bị cáo không bị bắt giam nhưng Tòa án cấp phúc thẩm phạt tù thì Tòa án ra quyết định bắt giam ngay để đảm bảo thi hành án trừ trường hợp có căn cứ cho hoãn thi hành án.

Câu 23. Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp và những trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 như thế nào?

Trả lời

Xuất phát từ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tình hình diễn biến thực tế tội phạm do các đối tượng phạm tội gây ra. Yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm là “mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật”. Thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm cho thấy, đối tượng phạm tội thường dùng những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để phá hoại an ninh quốc gia và gây mất trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, để phù hợp với Hiến pháp nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp là nhằm chủ động đấu tranh và đối phó với những đối tượng phạm tội một cách kịp thời, không để cho chúng gây ra những thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân hoặc trốn tránh pháp luật.

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự do cơ quan hoặc người có thẩm quyền áp dụng đối với người chưa bị khởi tố về hình sự khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội hoặc sau khi thực hiện tội phạm người đó có những hành động cản trở điều tra khám phá tội phạm, xét thấy cấp bách cần phải giữ ngay.

Để đảm bảo cho việc giữ người khẩn cấp được đúng đắn, đạt hiệu quả cao nhất, tránh việc giữ người tràn lan và lạm dụng biện pháp ngăn chặn này, xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của cá nhân, Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định 3 trường hợp giữ khẩn cấp sau:

- ***Trường hợp thứ nhất***: Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (theo điểm a khoản 1 Điều 110);

- ***Trường hợp thứ hai:*** Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn (theo điểm b khoản 1 Điều 110);

- ***Trường hợp thứ ba***: Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ (theo điểm c khoản 1 Điều 110).

Câu 24. Phân tích trường hợp giữ người khẩn cấp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: “Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”?

Trả lời

Trong trường hợp giữ người khẩn cấp này thì tội phạm chưa xảy ra nhưng cơ quan có thẩm quyền qua quá trình kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu thu thập được và có đủ chứng cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải giữ ngay để kịp thời ngăn chặn người đó gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội.

Để giữ người theo trường hợp thứ nhất này cần phải thỏa mãn 2 điều kiện sau đây:

- *Điều kiện thứ nhất: có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm.*

Nghĩa là cơ quan có thẩm quyền theo luật định phải có những tài liệu, chứng cứ chứng minh một người đang chuẩn bị thực hiện một tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 14 Bộ luật hình sự năm 2015: “Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm”.

Các điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm như: lựa chọn thời gian, địa điểm, bày mưu tính kế cho việc thực hiện tội phạm, phân công vai trò, nhiệm vụ cho đồng bọn, vạch kế hoạch đối phó với cơ quan bảo vệ pháp luật…

“Đang chuẩn bị thực hiện tội phạm” được hiểu là người phạm tội chưa bắt tay vào thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm mà mới chỉ có các hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm như chuẩn bị công cụ, phương tiện... Đang chuẩn bị thực hiện tội phạm tuy không còn là phạm trù ý thức (những suy nghĩ trong đầu) của người phạm tội mà ý định đó đã được thể hiện bằng các hành động ra ngoài thế giới khách quan. Chẳng hạn, một người đang chuẩn bị dao, gậy, dây dù để đi cướp tiệm vàng thì việc chuẩn bị dao, gậy, dây dù này chưa phải là hành vi cướp tài sản được quy định trong cấu thành tội phạm cướp tài sản (Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015). Nói cách khác thì người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm mới chỉ tạo ra những tiền đề cần thiết để thực hiện hành vi phạm tội. Đây là đặc điểm quan trọng để phân biệt hành vi của giai đoạn chuẩn bị phạm tội với hành vi của giai đoạn phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

Những hành vi nêu trên tuy chưa trực tiếp xâm hại đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, chưa làm thay đổi, biến dạng đối tượng tác động của tội phạm nhưng nó đã đặt khách thể đó vào tình trạng bị đe dọa nguy hiểm, cần phải bảo vệ kịp thời cho nên cần phải nhanh chóng ngăn chặn ngay.

Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm có nghĩa là cơ quan có thẩm quyền đã có những tài liệu, chứng cứ nhất định để xác định người đó đã có hành vi nêu trên và cần phải ngăn chặn ngay trước khi tội phạm được thực hiện. Những tài liệu này được thu thập bằng những biện pháp theo luật định như: công tác kiểm tra xác minh, kiểm tra hành chính, quần chúng cung cấp…

- *Điều kiện thứ hai: Tội phạm mà người đó đang chuẩn bị thực hiện phải là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

Theo Luật hình sự Việt Nam, không phải mọi hành vi chuẩn bị phạm tội đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ những người chuẩn bị phạm một trong các tội sau đây thì phải chịu trách nhiệm hình sự[[1]](#footnote-1):

- Điều 108 (tội phản bội Tổ quốc); Điều 110 (tội gián điệp); Điều 111 (tội xâm phạm an ninh lãnh thổ); Điều 112 (tội bạo loạn); Điều 113 (tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân); Điều 114 (tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); Điều 117 (tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); Điều 118 (tội phá rối an ninh); Điều 119 (tội chống phá trại giam); Điều 120 (tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân); Điều 121 (tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân);

- Điều 123 (tội giết người); Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác);

- Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản);

- Điều 299 (tội khủng bố); Điều 300 (tội tài trợ khủng bố); Điều 301 (tội bắt cóc con tin); Điều 302 (tội cướp biển); Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); Điều 324 (tội rửa tiền).

Như vậy, trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra đối với người có hành vi chuẩn bị thực hiện một trong những tội danh nêu trên.

**Câu 25. Nêu thẩm quyền áp dụng biện pháp Giữ người trong trường hợp khẩn cấp?**

**Trả lời**

Theo quy định của Khoản 2 Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự thì những người sau đây có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực truộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

**Câu 26. Phân loại các trường hợp phạm tội quả tang? Nêu thẩm quyền thủ tục bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã ?**

**Trả lời**

- Phạm tội quả tang là hành vi phạm tội đang diễn ra hoặc vừa mới xảy ra một cách cụ thể rõ ràng, ai trông thấy cũng biết đó là hành vi phạm tội và xác định được ngay người có hành vi phạm tội mà không cần phải điều tra xác minh gì thêm.

- Đặc điểm của trường hợp phạm tội quả tang:

+ Hành vi phạm tội đang diễn ra hoặc vừa mới xảy ra.

+ Hành vi phạm tội cụ thể rõ ràng, ai trông thấy cũng biết là hành vi phạm tội và xác định được ngay người có hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội cụ thể: tội phạm thực hiện bằng hành vi nguy hiểm dưới hình thức hành động hoặc không hành động; đang hoặc vừa mới trực tiếp xâm hại đến quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.

Hành vi phạm tội rõ ràng: hành vi phạm tội không bị những thủ đoạn che lấp, dễ xác định đó là hành vi phạm tội, không bị che lấp bởi các hoạt động khác hoặc các vi phạm khác.

Dễ dàng xác định được đó là tội phạm và người phạm tội. Thể hiện việc ai chứng kiến cũng biết ngay đó là hành vi phạm tội (tuy vậy trong một số trường hợp chỉ có những người có trách nhiệm mới có thể biết được như cán bộ kiểm tra, cán bộ hải quan…).

+ Hành vi phạm tội quả tang có tính cấp bách cần phải bắt ngay người đó để ngăn chặn kịp thời.

- Căn cứ vào thời điểm phát hiện tội phạm và thời điểm bắt giữ để chia làm ba trường hợp quả tang như sau:

\* Trường hợp một: Người đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện.

+ Đang thực hiện tội phạm là đang thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể nhưng chưa thực hiện tội phạm đến cùng thì bị phát hiện.

Hành vi đã được bắt đầu nhưng chưa kết thúc, đang gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Cần phải bắt ngay không cho tội phạm tiếp diễn.

Tội phạm mà người phạm tội đang thực hiện có thể đã hoàn thành (cấu thành hình thức) hoặc chưa hoàn thành nhưng tội phạm này rõ ràng chưa kết thúc. VD: Đang rải truyền đơn chống chính quyền, đang lén lút lấy tài sản.

+ Đang thực hiện tội phạm còn là trường hợp người phạm tội đã thực sự bắt đầu thực hiện tội phạm nhưng mới thực hiện được hành vi đi liền ngay trước hành vi mô tả trong cấu thành tội phạm. VD: Rút chốt lựu đạn để ném; đang lên đạn để bắn; gõ cửa chủ nhà ra mở để cướp tài sản.

+ Đối với những tội phạm mà hành vi phạm tội được thực hiện trong một thời gian dài, không bị gián đoạn thì bất cứ lúc nào phát hiện ra cũng đều là phạm tội quả tang (các tội tàng trữ).

+ Đối với hành vi phạm tội liên tục thì chỉ có thể bắt quả tang khi hành vi đó đang được thực hiện.

Đối với những tội phạm tuy đang diễn ra nhưng phức tạp, thiếu cụ thể rõ ràng thì không thể bắt quả tang được (VD: tội khai báo gian dối, tội buộc người lao động thôi việc trái phép).

Đối với hành vi đang tiêu thụ tài sản do chiếm đoạt được (có sự gián đoạn về thời gian) thì không coi là phạm tội quả tang. Nếu cần thì có thể xem xét theo trường hợp khẩn cấp thứ ba.

\* Trường hợp thứ hai: Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện và bị bắt ngay.

Đây là trường hợp người phạm tội vừa thực hiện tội phạm xong chưa kịp chạy trốn, chưa kịp cất giấu vật chứng hoặc đang tìm cách cất dấu vật chứng thì bị phát hiện và bị bắt ngay. Các chứng cứ về hành vi phạm tội còn rất cụ thể, rõ ràng (vật chứng, sự nhận thức của người làm chứng, người bị hại).

Bắt người phạm tội trong trường hợp này phải có chứng cứ chứng minh người đó vừa gây tội xong chưa kịp chạy trốn và sự phát hiện bắt giữ người phạm tội xảy ra tức thời ngay sau khi thực hiện tội phạm.

\* Trường hợp thứ ba: Đang bị đuổi bắt ngay khi phạm tội hoặc ngay sau khi phạm tội.

Đây là trường hợp người phạm tội đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện nên đã chạy trốn; bị đuổi bắt và bắt được. Việc đuổi bắt và bắt được phải liên tục ngay sau khi chạy trốn. Nếu có gián đoạn về thời gian thì không coi là phạm tội quả tang.

\* Thẩm quyền, thủ tục bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản tiếp nhận và giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Khi bắt người phạm tội quả tang thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt.

Khi bắt người trong trường hợp này công dân không được khám người bị bắt, chỉ được quyền tước vũ khí, của người bị bắt và giao lại cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận người bị bắt. Tuy nhiên, để tước vũ khí của người bị bắt thì có thể có động tác lục tìm vũ khí khi thấy có khả năng người bị bắt cất giấu vũ khí trong người.

Việc quy định không cho công dân khám xét nhằm đảm bảo cho người bị bắt không bị những hành vi lợi dụng việc khám xét để xâm hại đến tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị bắt.

Mặc dù Điều 194 luật tố tụng hình sự có quy định trong trường hợp bắt người thì việc khám không cần có lệnh, nhưng người có quyền khám ở đây là cán bộ chiến sỹ công an đang làm nhiệm vụ, điều tra viên và phải tuân theo quy định về khám xét.

- Công dân bắt người phạm tội quả tang hoặc đang có lệnh truy nã phải giải ngay người bị bắt đến Cơ quan công an, Viện kiểm sát hoặc ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Tuyệt đối không được tự ý giữ lại đánh đập, tra tấn nhục hình hoặc xâm phạm nhân phẩm người bị bắt; cũng không được tự ý giam giữ họ mà phải giải ngay người bị bắt đến nơi qui định nói trên.

- Cơ quan tiếp nhận người bị bắt do công dân giải đến trong trường hợp này (thông thường là công an xã, phường, thị trấn,) phải:

+ Lập biên bản phạm tội quả tang hoặc biên bản bắt người đang có lệnh truy nã theo đúng quy định.

+ Sau khi lập biên bản phải dẫn giải ngay người bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền cùng với biên bản đã lập và các vật chứng, tài sản bị tạm giữ. Công an xã, phường, thị trấn tuyệt đối không được tạm giữ dưới bất kỳ hình thức nào. (Về tạm giữ theo thủ tục hành chính không thuộc trường hợp này).

- Cơ quan có thẩm quyền phải thẩm vấn ngay người bị bắt để quyết định tạm giữ hoặc thả tự do cho người bị bắt. Đối với trường hợp người bị bắt là người đang có lệnh truy nã thì sau khi lấy lời khai xong cơ quan điều tra ra lệnh tạm giữ và giải ngay người đó đến trại tạm giam nơi gần nhất đồng thời báo ngay cho cơ quan đã ra lệnh truy nã đến nhận người.

Câu 27. Phân biệt tạm giữ người theo thủ tục tố tụng hình sự và tạm giữ người theo thủ tục hành chính?

Trả lời

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tạm giữ theo TTHS** | **Tạm giữ theo thủ tục hành chính** |
| Khái niệm | Tạm giữ trong tố tụng hình sự là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã để cơ quan có thẩm quyền có thời gian thu thập chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ phạm tội của người bị bắt và quyết định khởi tố về hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn thích hợp hoặc trả tự do cho người bị bắt. | Tạm giữ người theo thủ tục hành chính là một trong những biện pháp ngăn chặn hành chính và bảo đảm cho việc xử lý VPHC do người có thẩm quyền theo quy định của Luật xử lý VPHC năm 2012 áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để quyết định xử lý VPHC |
| Cơ sở pháp lý | Điều 117,118 Bộ luật TTHS năm 2015 | Điều 122, 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 |
| Đối tượng | người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã | Người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hành chính trong trường hợp cần ngăn chặn ngay đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác; khi cần ngăn chặn ngay hành vi bạo lực gia đình, vi phạm quy định cấm tiếp xúc; khi cần ngăn chặn ngay hành vi buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới mà người đó có dấu hiệu bỏ trốn, tiêu hủy hoặc cản trở việc xử lý. |
| Mục đích tạm giữ | để cơ quan có thẩm quyền có thời gian thu thập chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ phạm tội của người bị bắt và quyết định khởi tố về hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn thích hợp hoặc trả tự do cho người bị bắt. | ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi vi phạm hành chính và đảm bảo cho công tác xử lý vi phạm hành chính |
| Thẩm quyền | K2 điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015 | Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 |
| Thủ tục | Điều 117, Điều 118 Bộ luật TTHS năm 2015 | QĐ tạm giữ người theo thủ tục hành chính không phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp  Việc gia hạn tạm giữ không cần phải có sự phê chuẩn của VKS cùng cấp |
| Nơi tạm giữ | ở nhà tạm giữ hoặc buồng tạm giữ của trại tạm giam | Nơi tạm giữ là nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính được bố trí tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi làm việc của người có thẩm quyền ra QĐ tạm giữ người VPHC |
| Thời hạn | 3 ngảy, trường hợp cần thiết có thể gia hạn 2 lần, mỗi lần không quá 3 ngày | Không quá 12 giờ, trường hợp cần thiết kéo dài hơn nhưng không quá 24 giờ; đối với vùng núi xa xôi, hải đảo biên giới thời hạn tạm giữ tối đa không quá 48 giờ. |

Câu28. Phân tích căn cứ bắt bị can, bị cáo để tạm giam?Những vấn đề cần chú ý khi áp dụng trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam?

Trả lời

Đối tượng có thể bị bắt trong trường hợp này phải là bị can, bị cáo. Tuy nhiên không phải mọi bị can, bị cáo đều bị bắt để tạm giam mà chỉ có những bị can, bị cáo khi có căn cứ theo quy định của pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền mới có thể áp dụng trường hợp bắt người này.

Bản chất của việc bắt người trong trường hợp này chỉ là hành vi tố tụng để thực hiện biện pháp tạm giam chính vì vậy khi áp dụng trường hợp bắt người này ta phải căn cứ vào Điều 113 và Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Như vậy để áp dụng trường hợp bắt người này thì cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào những căn cứ tạm giam quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- ***Căn cứ thứ nhất***: Bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng;

Theo quy định tại Điều 9 - Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm đến 15 năm tù; Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

- ***Căn cứ thứ hai***: Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên 02 năm khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp:

+ Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;

+ Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can;

+ Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn;

+ Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội;

+ Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

- ***Căn cứ thứ ba***: Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

*- Những vấn đề cần chú ý khi áp dụng trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam?*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ các trường hợp:

- Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;

- Tiếp tục phạm tội;

- Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này;

- Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

**Câu 29. Trình bày điều kiện, thẩm quyền, thủ tục, áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh?**

**Trả lời**

- Bảo lĩnh là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, áp dụng với bị can, bị cáo khi có cá nhân hoặc tổ chức làm giấy cam đoan không để bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội và đảm bảo sự có mặt của họ theo đúng thời gian và địa điểm ghi trên giấy triệu tập.

- Người bị áp dụng biện pháp này không bị cách ly khỏi xã hội, không bị tước tự do và được ở nơi cư trú của mình. Đây là biện pháp ngăn chặn ít nghiêm khắc hơn để thay thế biện pháp ngăn chặn khi có những căn cứ theo luật định.

*-Điều kiện áp dụng*

+ Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, thông thường biện pháp này áp dụng với trường hợp bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiệm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

+ Bị can bị cáo khai báo thành khẩn, cố gắng khắc phục hậu quả do mình

gây ra, có nơi ở rõ ràng.

+ Có cá nhân hoặc tổ chức tự nguyện đứng ra nhận bảo lĩnh.

* *Thẩm quyền áp dụng*

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 121 BLTTHS Những người sau đây có quyền áp dụng biện pháp bảo lĩnh:

+ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành (Chú ý: quyết định của những người được quy định ở điểm này của Bộ luật phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành) ;

+ Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;

+ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử.

* *Thủ tục bảo lĩnh*

+ Cơ quan, tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan, tổ chức nhận bảo lĩnh phải có giấy cam đoan và có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

+ Cá nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, nhân thân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thu nhập ổn định và có điều kiện quản lý người được bảo lĩnh thì có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người thân thích của họ và trong trường hợp này thì ít nhất phải có 02 người. Cá nhân nhận bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan có xác nhận của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.

+ Trong giấy cam đoan, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh phải cam đoan không để bị can, bị cáo vi phạm các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh được thông báo về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc nhận bảo lĩnh.

* Bị can, bị cáo được bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

+ Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

+ Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

+ Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

**Câu 30. Trình bày điều kiện áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm?**

**Trả lời**

Đặt tiền để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự dùng để thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam được áp dụng với bị can, bị cáo buộc họ phải đặt tiền để bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng.

Áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm với bị can, bị cáo khi có điều kiện:

- Chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng.

- Có hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng.

- Có khả năng tài chính để đặt tiền bảo đảm.

**Câu 31. Trình bày điều kiện, thẩm quyền, thủ tục, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú?**

**Trả lời**

Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự có thể áp dụng với bị can, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhằm đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án.

Khác với các biện pháp ngăn chặn khác như bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú không bị tước tự do thân thể của người bị áp dụng, mà chỉ hạn chế quyền tự do đi lại của họ trong một khu vực nhất định để khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì họ có mặt theo giấy triệu tập.

*Điều kiện áp dụng*

- Bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng nhưng có tình tiết giảm nhẹ.

- Bị can, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, khai báo thành khẩn, không có biểu

hiện trốn tránh pháp luật, cản trở điều tra, truy tố, xét xử.

*Thẩm quyền áp dụng*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự, những người quy định tại Khoản 1 Điều 113 BLTTHS, Thẩm phán được phân công chủ toạ phiên toà có quyền áp dụng biện pháp này.Cụ thể:

+ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành;

+ Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;

+ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử.

*Thủ tục áp dụng*

-  Bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

+ Không đi khỏi nơi cư trú nếu không được cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho phép;

+ Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

+ Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

+ Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

-Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

- Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo và giao bị can, bị cáo cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị quân đội đó để quản lý, theo dõi họ.

- Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội quản lý họ và phải có giấy cho phép của người đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Nếu bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo phải báo ngay cho cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú biết để xử lý theo thẩm quyền.

**Câu 32**. **Nêu các trường hợp hủy bỏ biện pháp ngăn chặn?**

**Trả lời**

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn là việc cơ quan có thẩm quyền tố tụng theo quy định của pháp luật không tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn với người đang bị áp dụng.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn thuộc một trong các trường hợp sau:

- Quyết định không khởi tố vụ án.

- Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án

- Đình chỉ điều tra đối với bị can, đình chỉ vụ án đối với bị can.

- Bị cáo được Tòa án tuyên bố không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt, hình phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ.

**Câu 33. Điều tra viên cần phải làm gì để đảm bảo nguyên tắc: “Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự” (Điều 7 BLTTHS 2015) trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự?**

**Trả lời**

Để bảo đáp pháp chế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự Điều tra viên cần phải:

- Tuân theo đúng thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

- Đảm bảo đúng căn cứ, thẩm quyền khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

- Đảm bảo mọi quyết định trong giai đoạn khởi tố vụ án phải có căn cứ đúng quy định.

- Tuân theo đúng trình tự khởi tố vụ án hình sự...

- Tạo điều kiện cho Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

- Mọi vi phạm trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự đều phải được kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh...

**Câu 34. Trình bày khái niệm khởi tố vụ án hình sự là gì? Ý nghĩa của việc khởi tố vụ án hình sự trong quá trình giải quyết vụ án hình sự?**

**Trả lời**

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng hình sự trong đó các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận các nguồn tin về tội phạm, kiểm tra, xác minh các nguồn tin ấy nhằm xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm, trên cơ sở đó ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động tiếp theo.

Bản chất của khởi tố vụ án hình sự đó là giai đoạn mở đầu của quá trình tố tụng hình sự, là cơ sở pháp lý cho các hoạt động tiếp theo, bởi nó có có điểm bắt đầu khi các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận được nguồn tin về tội phạm, kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền ra được một trong hai quyết định là khởi tố vụ án hình sự hay không khởi tố vụ án hình sự. Đồng thời, nhiệm vụ của giai đoạn này là phát hiện sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm hay không và mục tiêu là phát hiện chính xác, nhanh chóng, công minh, kịp thời... mọi sự việc có dấu hiệu tội phạm.

Ý nghĩa của việc khởi tố vụ án hình sự trong quá trình giải quyết vụ án hình sự: khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của quá trình giải quyết vụ án án hình sự, kết quả của giai đoạn này làm cơ sở cho việc mở ra các hoạt động tố tụng hình sự tiếp theo hoặc có thể chấm dứt mọi hoạt động tố tụng hình sự đối với nguồn tin về tội phạm, cụ thể:

- Nếu cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì nó sẽ là cơ sở pháp lý để mở đầu quá trình điều tra công khai làm rõ sự thật khách quan của vụ án hình sự; làm phát sinh quan hệ pháp Luật Tố tụng hình sự; một số biện pháp điều tra, biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự.

- Ngược lại, nếu cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì nó sẽ là văn bản pháp lý chấm dứt hoạt động tố tụng hình sự đối với nguồn tin về tội phạm. Tuỳ theo từng trường hợp có thể chuyển sang xử lý hành chính hoặc các biện pháp khác (hoà giải ở cơ sở, chuyển đến Toà dân sự...).

**Câu 35. Nguyên tắc: “Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự” (**Điều 18Bộ luật TTHS năm 2015**) thể hiện như thế nào trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự?**

**Trả lời**

Điều 18 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội.

Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định.”

Như vậy, trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các cơ quan có thẩm quyền cần chú ý:

- Khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm thì phải giải quyết theo đúng trình tự luật định. Không tuỳ tiện kéo dài thời gian, đùn đẩy trách nhiệm...

- Tuân theo đúng các quy định của pháp luật về căn cứ khởi tố vụ án hình sự và căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Không được từ chối khởi tố trái pháp luật hoặc khởi tố tuỳ tiện...

- Khởi tố phải theo đúng thẩm quyền...

**Câu 36. Căn cứ khởi tố vụ án hình sự quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015**?

**Trả lời**

- Điều 18 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự có quy định:

“Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội.

Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định.”

- Điều 143 Bộ luật tố tụng hình năm 2015 cũng quy định: “Chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu của tội phạm”.

Như vậy, căn cứ khởi tố vụ án hình sự là dấu hiệu của tội phạm đã được xác định. Để quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền phải có tài liệu xác định:

- Có sự việc đã xảy ra: Có sự việc xảy ra trên thực tế là chúng ta xác nhận sự việc đó là sự việc có thật nó đã diễn ra. Và để xác định sự việc đó là có thật xảy ra trên thực tế chúng ta phải xác định được: Thời gian xảy ra sự việc; địa điểm xảy ra sự việc; nội dung diễn biến của sự việc đó; con người sự vật sự việc liên quan đến sự việc đã xảy ra đó...

- Sự việc đó có dấu hiệu một tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

Dấu hiệu của tội phạm trong giai đoạn này thông thường được thể hiện là có sự việc phạm tội, chứ không phải thể hiện trong việc xác định người phạm tội. Để xác định được người phạm tội thường phải trải qua một loạt các hoạt động điều tra mà thông thường được tiến hành sau đã khi khởi tố vụ án hình sự. Khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, chỉ cần xác định sự việc đã xảy ra chứa đựng các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự.

Như vậy, chúng ta thấy khi xác định vụ việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ có căn cứ để khởi tố vụ án hình sự.

**Câu 37. Những trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại?**

**Trả lời**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, những tội phạm sau đây chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi có yêu cầu của bị hại:

Khoản 1 Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

Khoản 1 Điều 135: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Khoản 1 Điều 136: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội

Khoản 1 Điều 138: Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

Khoản 1 Điều 139: Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính

Khoản 1 Điều 141: Tội hiếp dâm

Khoản 1 Điều 143: Tội cưỡng dâm

Khoản 1 Điều 155: Tội làm nhục người khác

Khoản 1 Điều 156: Tội vu khống

Khoản 1 Điều 226: Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại chỉ áp dụng đối với các tội phạm nêu trên chứ không áp dụng cho các tội khác kể cả cùng tội danh nhưng thuộc các khoản khác.

Nhưng điều đó cũng không có nghĩa khi có các hành vi nói trên xảy ra và có yêu cầu của bị hại thì đều phải khởi tố vụ án hình sự mà khi khởi tố theo yêu cầu của bị hại vẫn phải tuân theo quy định tại Điều 143 Bộ luật tố tụng hình sự, tức là phải có yêu cầu khởi tố về hình sự và sự việc có dấu hiệu tội phạm.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra, xác minh để xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm hay không. Nguồn tin trong trường hợp này có thể do chính bị hại cung cấp hoặc được thu thập từ các nguồn khác.

Nếu không có dấu hiệu tội phạm thì dù bị hại có yêu cầu khởi tố cũng không được khởi tố. Ngược lại, nếu đã xác định có dấu hiệu tội phạm nhưng bị hại không yêu cầu khởi tố thì cũng không được khởi tố và có thể xử lý theo các hình thức khác.

Như vậy, để khởi tố vụ án hình sự các tội phạm trên phải có các căn cứ sau:

- Có sự việc xảy ra;

- Sự việc có dấu hiệu tội phạm;

- Có yêu cầu của bị hại.

Yêu cầu về việc khởi tố vụ án hình sự của bị hại trong trường hợp này được thể hiện bằng lời nói (phải lập biên bản ghi lại) hoặc bằng đơn do chính bị hại viết.

Đối với bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết thì yêu cầu khởi tố của người đại diện của họ cũng được coi là yêu cầu của bị hại.

Trong trường hợp vụ án đã được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nhưng nếu bị hại rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ.

Tuy nhiên, trường hợp có căn cứ để xác định bị hại đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trái ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy bị hại đã rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án đó.

Đối với những trường hợp trên, nếu vụ án đã được đình chỉ do bị hại rút yêu cầu thì sau đó họ không có quyền yêu cầu lại; trừ trường hợp có căn cứ để xác định việc họ rút yêu cầu là do bị ép buộc, cưỡng bức.

**Câu 38. Những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự? Ý nghĩa của việc quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự?**

**Trả lời**

Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định có 8 căn cứ không khởi tố vụ án hình sự bao gồm:

*1. Không có sự việc phạm tội*

Không có sự việc phạm tội có thể là không có sự việc gì xảy ra mà do tố giác sai, nhận biết lầm, do vu khống, giả tạo... hoặc có sự việc xảy ra nhưng sự việc đó không có dấu hiệu tội phạm như có người chết do tự sát mà không có các tội phạm có liên quan như giết người, bức tử, giúp người khác tự sát, không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng...

Đó còn là các trường hợp mà pháp luật hình sự quy định không phải là tội phạm như phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, thực nghiệm khoa học, thi hành mệnh lệnh khi bắt giữ người phạm tội...

*2. Hành vi không cấu thành tội phạm*

Hành vi không cấu thành tội phạm là hành vi không thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành của tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự.

Đây là trường hợp có hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra, nhưng hành vi đó không quy định trong Bộ luật hình sự; hành vi đó tuy về hình thức có một số dấu hiệu trong cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự nhưng không đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đó như: người thực hiện hành vi không có lỗi, hành vi tuy về hình thức có dấu hiệu trong cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự nhưng tính chất mức độ nguy hiểm không đáng kể (khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015)...

*3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự*

Theo Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật hình sự có quy định khác.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật hình sự.

Mặc dù để quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền chỉ cần xác định sự việc có dấu hiệu tội phạm mà chưa cần xác định căn cứ về người thực hiện hành vi nguy hiểm, nhưng đây là trường hợp thông qua quá trình kiểm tra, xác minh ban đầu đã xác định được người thực hiện hành vi nguy hiểm nhưng người đó lại chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Trong trường hợp này phải có căn cứ khẳng định là người thực hiện hành vi nguy hiểm chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự như dựa vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân hoặc các loại giấy tờ có giá trị pháp lý khác... Nếu có nghi ngờ thì phải trưng cầu giám định về tuổi.

*4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật*

Về nguyên tắc, mội hành vi phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự một lần. Vì vậy, nếu có căn cứ xác định vụ việc xảy ra đã được giải quyết bằng một bản án hoặc quyến đình đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì không khởi tố vụ án hình sự.

Luật quy định trong trường hợp này không được khởi tố để tránh tình trạng một hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhiều lần. Đồng thời cũng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, thực hiện nguyên tắc của tố tụng hình sự là đảm bảo hiệu lực của bản án và quyết định của Toà án.

*5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự*

Khi có nguồn tin về tội phạm, qua kiểm tra, xác minh nếu có căn cứ để khẳng định hành vi phạm tội đó đã quá 5 năm đối với các tội ít nghiêm trọng, 10 năm đối với tội nghiêm trọng, 15 năm đối với các tội rất nghiêm trọng, 20 năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng và trong thời hạn nói trên, người phạm tội không phạm tội mới mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt từ 1 năm tù trở lên đồng thời người phạm tội không bị truy nã thì mặc dù có dấu hiệu tội phạm vẫn không khởi tố vụ án hình sự.

Đối với các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia và tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh thì không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

*6. Tội phạm đã được đại xá*

Đại xá là quyết định miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho một loại tội phạm nào đó nhân sự kiện trọng đại của đất nước. Việc đại xá do Quốc hội quyết định. Đối với những tội phạm được đại xá thì không được khởi tố vụ án hình sự.

Quyết định đại xá chỉ có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản và đã xảy ra trước khi ban hành văn bản đại xá.

*7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác*

Mục đích của hình phạt là trừng trị và giáo dục người có tội trở thành người lương thiện. Nếu họ đã chết thì không cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự nữa. Nếu có căn cứ cần phải điều tra với người khác thì tiến hành theo thủ tục tái thẩm.

*8. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố*

Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự thì chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết. Nếu không có yêu cầu của những người này thì không được khởi tố vụ án hình sự.

**\*Ý nghĩa:**

Việc quy định về những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự là để tránh việc khởi tố vụ án hình sự một cách tuỳ tiện, thiếu căn cứ pháp luật. Đồng thời, để đạt được mục đích của việc truy cứu trách nhiệm hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự quy định những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự nhằm giúp cơ quan có thẩm quyền có cơ sở pháp lý để không khởi tố vụ án hình sự.

**Câu 39. Có ý kiến cho rằng: *Trong mọi trường hợp có dấu hiệu tội phạm, cơ quan có thẩm quyền đều phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.* Ý kiến đó đúng hay sai? Tại sao?**

**Trả lời**

- Ý kiến đó là sai.

- Bởi vì: Mặc dù Điều 143 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định khi phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì phải khởi tố vụ án hình sự, nhưng bên cạnh đó, Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự. Trong đó có những trường hợp mặc dù có dấu hiệu tội phạm nhưng cơ quan có thẩm quyền cũng không khởi tố vụ án hình sự. Cụ thể là các trường hợp sau:

- Hành vi không cấu thành tội phạm

- Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật

- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

- Tội phạm được đại xá

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết trừ trường hơp cần tái thẩm đối với người khác:

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự

- Không có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại hoặc người đại diện của bị hại đối với những trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật TTHS năm 2015

Từ sự phân tích trên, có thể khẳng định, không phải mọi trường hợp phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền đều khởi tố vụ án hình sự.

**Câu 40. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án?**

**Trả lời**

Theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan điều tra có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trừ những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết.

Người có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự là Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra chỉ được ra quyết định khởi tố vụ án hình sự khi được phân công, ủy nhiệm.

Theo khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp sau đây:

- Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

- Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

- Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.

Theo khoản 4 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án mà chính xác là Hội đồng xét xử có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.

Khi phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử cũng có thể không ra quyết định khởi tố vụ án hình sự mà yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố. Viện kiểm sát có thể trực tiếp khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự.

Nếu trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án phát hiện tội phạm hoặc người phạm tội mới thì Tòa án không có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự mà trả lại hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung.

**Câu 41. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Bộ đội biên phòng?**

**Trả lời**

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Bộ đội biện phòng*

Bộ đội biên phòng có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu khi đang thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện thấy tội phạm quy định tại Chương XIII (Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia) và các Điều 150 (Tội Tội mua bán người), 151 (Tội mua bán người dưới 16 tuổi), 152 (Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi), 153 (Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi), 188 (Tội buôn lậu), 189 (Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới), 192 (Tội sản xuất, buôn bán hàng giả), 193 (Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm), 195 (Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi), 207 (Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả), 227 (Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên), 235 (Tội gây ô nhiễm môi trường), 236 (Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại), 242 (Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản), 247 (Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy), 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (Tội mua bán trái phép chất ma túy), 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy), 253 (Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy), 254 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy), 255 (Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), 256 (Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy), 303 (Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), 304 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự), 305 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ), 306 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ), 309 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân), 330 (Tội chống người thi hành công vụ), 337 (Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước), 338 (Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước), 346 (Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới), 347 (Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép), 348 (Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép), 349 (Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép) và 350 (Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép) của Bộ luật hình sự xảy ra trong khu vực biên giới trên đất liền, bờ biển, hải đảo và các vùng biển do Bộ đội biên phòng quản lý.

Người có thẩm quyền khởi tố Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng; Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đồn trưởng Đồn biên phòng; Chỉ huy trưởng trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng.

Các Phó Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng; Phó Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm; Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm; Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Đồn trưởng Đồn biên phòng; Phó Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự khi cấp trưởng vắng mặt và uỷ nhiệm lại cho họ.

**Câu 42. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Hải quan?**

***Trả lời***

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Hải quan*

Cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại các Điều 188 (Tội buôn lậu), 189 (Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới) và 190 (Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm) của Bộ luật hình sự thì có quyền khởi tố vụ án hình sự.

Người có thẩm quyền khởi tố là Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu.

Phó Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Phó Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan, Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi được cấp trưởng uỷ nhiệm.

**Câu 43. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Kiểm lâm?**

***Trả lời***

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Kiểm lâm*

Cơ quan Kiểm lâm có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại các Điều 232 (Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản), 243 (Tội hủy hoại rừng), 244 (Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm), 245 (Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên), 313 (Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy) và 345 (Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng) của Bộ luật hình sự.

Người có thẩm quyền quyết định khởi tố là Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm.

Phó Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm chỉ được quyết định khởi tố vụ án hình sự khi được cấp trưởng uỷ nhiệm.

**Câu 44. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của lực lượng Cảnh sát biển?**

***Trả lời***

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của lực lượng Cảnh sát biển*

Các đơn vị thuộc lực lượng Cảnh sát biển có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại Chương XIII (Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia) và các Điều 188 (Tội buôn lậu), 189 (Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới), 227 (Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên), 235 (Tội gây ô nhiễm môi trường), 236 (Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại), 237 (Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường), 242 (Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản), 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (Tội mua bán trái phép chất ma túy), 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy), 253 (Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy), 254 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy), 272 (Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy), 273 (Tội cản trở giao thông đường thủy), 282 (Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy), 284 (Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), 303 (Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), 304 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự), 305 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ), 309 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân), 311 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc), 346 (Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới), 347 (Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép) và 348 (Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép) của Bộ luật hình sự xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do lực lượng Cảnh sát biển quản lý.

Người có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự là: Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và pháp luật, Hải đoàn trưởng, Hải đội trưởng và Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển.

Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy có quyền có thẩm quyền khởi tố vụ án đối với các tội phạm quy định tại các Điều 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (Tội mua bán trái phép chất ma túy), 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy), 253 (Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy) và 254 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy) của Bộ luật hình sự.

Phó Tư lệnh Cảnh sát biển, Phó Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Phó Cục trưởng Cục nghiệp vụ và pháp luật, Phó Hải đoàn trưởng, Phó Hải đội trưởng và Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi cấp trưởng vắng mặt và uỷ nhiệm lại cho họ.

**Câu 45. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Kiểm ngư?**

**Trả lời**

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan Kiểm ngư*

Cơ quan Kiểm ngư có quyền khởi tố vụ án hình sự nếu khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại các Điều 111 (Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ), 242 (Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản), 244 (Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm), 245 (Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên), 246 (Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại), 305 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ) và 311 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc) của Bộ luật hình sự xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Kiểm ngư quản lý

Người có thẩm quyền khởi tố vụ án là Cục trưởng Cục Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng.

Khi Cục trưởng Cục Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng vắng mặt thì một cấp phó được uỷ nhiệm có quyền khởi tố vụ án.

**Câu 46. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân?**

**Trả lời**

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan khác trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra*

- Thẩm quyền của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc lực lượng An ninh nhân dân:

Trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân thì Cục trưởng, Trưởng phòng các đơn vị: Cục Quản lý xuất nhập cảnh; các cục nghiệp vụ an ninh ở Bộ Công an; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; các phòng nghiệp vụ an ninh thuộc Công an Công an cấp tỉnh có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan An ninh Điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Phó cục trưởng, trưởng phòng các cơ quan an ninh được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chỉ được ra quyết định khởi tố vụ án khi được ủy quyền.

Đội An ninh ở Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện) trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân thì tiến hành ngay việc truy bắt người có hành vi phạm tội chạy trốn, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án và báo ngay cho Cơ quan An ninh Điều tra Công an cấp tỉnh.

- Trong lực lượng Cảnh sát nhân dân các Cục trưởng, trưởng phòng được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra: Cục Cảnh sát giao thông; Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trại giam. Trong lĩnh vực quản lý của mình phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án.

Phó Cục trưởng, Phó Trưởng phòng, Phó Giám thị trại giam của các cơ quan trên chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi được được Thủ trưởng uỷ nhiệm.

**Câu 47. Trình bày thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhân dân?**

**Trả lời**

*Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra*

Trong Quân đội nhân dân, ngoài các Cơ quan điều tra quy định tại Điều 163 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Cụ thể là:

- Giám thị Trại giam trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền Điều tra của Cơ quan Điều tra hình sự đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương khi phát hiện những hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền Điều tra của Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân, xảy ra trong khu vực đóng quân của đơn vị thì có quyền tiến hành các biện pháp kiểm tra xác minh và quyết định khởi tố vụ án và chuyển cho cơ quan điều tra theo thẩm quyền.

Giám thị, Phó Giám thị Trại giam, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn tương đương có quyền khởi tố vụ án khi được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

**Câu 48. Trình bày thủ tục tiếp nhận các loại nguồn tin về tội phạm?**

**Trả lời**

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm tổ chức thường trực để tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Trường hợp cá nhân đến tố giác và báo tin về tội phạm thì:

Ghi nhận nguồn tin vào sổ “Tiếp nhận tố giác và báo tin về tội phạm”.

+ Khi có cá nhân trực tiếp tố giác và báo tin về tội phạm, cán bộ tiếp nhận phải lập biên bản theo đúng thủ tục pháp luật, có chữ ký của người báo tin.

Nếu cá nhân tố giác có đơn thì phải xem đơn đã đầy đủ các sự kiện cần thiết chưa: họ, tên, địa chỉ, nội dung sự việc. Nếu tin quan trọng có thể ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.

Nếu tin đó không thuộc thẩm quyền của mình thì sau khi tiếp nhận tin cần hướng dẫn người báo tin đến đúng cơ quan có thẩm quyền để báo tin nếu xét thấy việc này không ảnh hưởng đến việc điều tra xác minh, ngăn chặn tội phạm hoặc không gây khó khăn cho người báo tin. Trong trường hợp cần ngăn chặn ngay tội phạm thì phải có biện pháp kịp thời đúng quy định của pháp luật.

+ Trường hợp nhận được đơn tố giác qua đơn thư thì phải tiếp nhận và đưa vào sổ theo dõi để giải quyết.

+ Trường hợp nhận được tố giác của cá nhân qua điện thoại thì cán bộ trực ban phải ghi nội dung tố giác vào sổ trực ban và báo ngay cho lãnh đạo biết để giải quyết. Trường hợp này cần phải xác định họ tên, địa chỉ của người báo tin, nội dung sự việc (địa điểm, thời gian, diễn biến của sự việc).

- Những tin báo về tội phạm do cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội cung cấp phải được thể hiện bằng văn bản và ghi vào sổ theo dõi. Nội dung tin báo này là những tin tội phạm xảy ra tại cơ quan, tổ chức hoặc là những tin về tội phạm do cá nhân cung cấp.

- Tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo nói, báo viết, báo hình, báo điện tử) cần được tiếp nhận và ghi rõ nguồn tin theo loại và thời gian. Ví dụ: tên bài, tên báo, ngày phát hành, tác giả... Nguồn tin tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm tiếp nhận. Trong trường hợp chưa rõ thẩm quyền thì Viện kiểm sát ghi nhận rồi chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Khi người phạm tội tự thú thì cơ quan tiếp nhận phải lập biên bản ghi theo đúng quy định của pháp luật. Người tự thú bao gồm: những người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị phát giác hoặc đã bị phát hiện, bị giam giữ, bị phạt tù hoặc đang bị truy nã mà ra tự thú đều được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước.

- Thủ tục sau khi tiếp nhận nguồn tin báo về tội phạm: mọi trường hợp phân loại và giải quyết nguồn tin về tội phạm đều phải do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định. Vì vậy, sau khi tiếp nhận nguồn tin, cán bộ tiếp nhận phải báo ngay cho thủ trưởng để quyết định.

**Câu 49. Trình bày thời hạn kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố?**

**Trả lời**

Theo Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định:

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp cần có thêm thời gian để kiểm tra xác minh hoặc có quan có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng.

Chậm nhất là 05 ngày trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh quy định tại khoản này, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh.

**Câu 50. Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền phải xác minh làm rõ những nội dung gì? Những biện pháp có thể được áp dụng để xác minh?**

**Trả lời**

Khi tiến hành kiểm tra, xác minh các nguồn tin về tội phạm Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cần tập trung xác định:

- Có sự việc xảy ra như tố giác, tin báo hay không. Nội dung này yêu cầu phải thu thập các thông tin, tài liệu để xác định sự việc như tin báo tố giác là có tồn tại trên thực tế hay không.

- Sự việc đó có dấu hiệu tội phạm hay không có dấu hiệu tội phạm. Cơ quan kiểm tra xác minh phải thu thập các thông tin, tài liệu để xác định Sự việc xảy ra xâm phạm đến khách thể nào được luật hình sự bảo vệ, có phải do con người gây ra hay không; hậu quả, tác hại cho xã hội... Trong giai đoạn này chú trọng vào làm rõ sự việc, vì vậy cần chú trọng vào các yếu tố khách quan của sự việc xảy ra. Để đảm bảo quyết định khởi tố có căn cứ cần sơ bộ xác định các dấu hiệu đặc trưng trong cấu thành cơ bản của một tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự.

- Có các căn cứ quy định tại Điều 157 - Bộ luật tố tụng hình sự hay không: Bên cạnh việc xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm, các cơ quan có thẩm quyền cũng cần kiểm tra, xác minh có xuất hiện các căn cứ tuổi của người thực hiện hành vi nguy hiểm, sự vuệc đó đã được giải quyết hay chưa, khoảng thời gian từ khi xảy ra vụ việc đến khi phát hiện xử lý, có thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại hay không và người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại trong các trường hợp luật định có yêu cầu khởi tố vụ án hay không...

Khi kiểm tra xác minh xong, kết quả giải quyết tin báo, tố giác hoặc kiến nghị khởi tố phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin, kiến nghị khởi tố hoặc người đã tố giác tội phạm.

Khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định các hoạt động cơ quan có thẩm quyền có có thể áp dụng để giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gồm:

- Thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin;

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức xã hội, công dân cung cấp những tài liệu cần thiết và giải thích những vấn đề có liên quan đến việc giải quyết tin về tội phạm (gồm lời khai, vật chứng, tài liệu...);

+ Thông báo rộng rãi cho quần chúng nhân dân biết để cung cấp tài liệu tin tức cần thiết để làm rõ sự việc;

- Lấy lời khai của những người có liên quan đến sự việc.

- Cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi.

- Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản.

Đây là các biện pháp kiểm tra xác minh theo quy định của Luật tố tụng hình sự. Song song với những biện pháp này các lực lượng còn có thể áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để thẩm tra xác minh tin báo về tội phạm. Tuy nhiên kết quả của các hoạt động này chỉ có tính chất định hướng và củng cố cho các hoạt động kiểm tra, xác minh công khai. Khi thu được các thông tin, tài liệu thì phải chuyển hoá thành kết quả của các hoạt động tố tụng để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của Luật tố tụng hình sự.

**Câu 51. Trình bày căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố?**

**Trả lời**

Căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

Theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sau khi hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp:

Thứ nhất: Đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả;

Thứ hai: Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát và gửi quyết định tạm đình chỉ đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trường hợp quyết định tạm đình chỉ không có căn cứ thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ để tiếp tục giải quyết. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

Trường hợp tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì việc giám định, định giá tài sản hoặc tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

**Câu 52. Trình bày căn cứ phục hồi việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố?**

**Trả lời**

Trường hợp nào thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành phục hồi việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

Điều 149 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định:

Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không còn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định phục hồi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

**Câu 53. Việc tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời**

Theo Điều 150 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Tranh chấp thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết.

Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp tỉnh, giữa các Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương giải quyết. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, giữa các Cơ quan điều tra quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi đầu tiên tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết.

Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải quyết.

**Câu 54. Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được thể hiện như thế nào?**

**Trả lời**

Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là mối quan hệ pháp lý do quy phạm pháp Luật Tố tụng hình sự điều chỉnh.

Mối quan hệ này thể hiện bởi phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự, các cơ quan này phải có sự phối hợp và chế ước lẫn nhau trong quá trình tố tụng hình sự.

Mối quan hệ được thể hiện trong cả giai đoạn khởi tố vụ án hình sự từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện Kiểm sát tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, cho đến việc các cơ quan này tiến hành biện pháp kiểm tra, xác minh để quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Cụ thể:

- Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho Viện kiểm sát biết để kiểm sát quá trình xử lý, giải quyết. Nếu Viện kiểm sát tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thì sau khi tiếp nhận phải chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để kiểm tra xác minh.

- Sau khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát để Viện kiểm sát giám sát việc khởi tố của cơ quan điều tra.

Thực hiện chức năng kiểm sát của mình, Viện kiểm sát có quyền huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra nếu thấy rằng quyết định đó không có căn cứ pháp luật.

- Trong trường hợp Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, nhưng Viện kiểm sát xét thấy quyết định đó không có căn cứ thì Viện kiểm sát quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra và ra quyết định khởi tố án hình sự giao cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền mở cuộc điều tra.

- Cơ quan điều tra có quyền kiến nghị lên Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp khi thấy các quyết định của Viện kiểm sát là không có căn cứ.

Như vậy, mối quan hệ giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là mối quan hệ có sự phối hợp và chế ước lẫn nhau và do quy phạm pháp Luật Tố tụng hình sự điều chỉnh.

**Câu 55. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự?**

**Trả lời**

Viện kiểm sát là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đảm bảo việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và hợp pháp. Để mọi tội phạm được phát hiện đều bị khởi tố, Viện kiểm sát phải kiểm sát từ khâu tiếp nhận, đến kiểm tra, giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được thể hiện rõ ở ba nội dung sau đây:

*Thứ nhất, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm*

- Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; phê chuẩn, không phê chuẩn các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Khi cần thiết, đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện.

- Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố vụ án hình sự.

- Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự.

- Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong các trường hợp do Bộ luật tố tụng quy định.

- Hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội.

*Thứ hai, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong việc tiếp nhận và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm*

- Tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến, tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết.

- Kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động:

+ Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm đầy đủ, đúng pháp luật;

+ Kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát;

+ Cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm;

+ Khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm;

+ Yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra.

- Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Thứ ba, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự*

- Khi thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự;

+ Hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật;

+ Trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên Tòa án trên một cấp;

+ Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định;

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Khi kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và đúng pháp luật;

+ Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự;

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Câu 56. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về lấy lời khai người làm chứng?

Trả lời

- Khái niệm biện pháp lấy lời khai người làm chứng: *Lấy lời khai người làm chứng là biện pháp điều tra bằng cách triệu tập và hỏi những người có hiểu biết về vụ án hoặc người bị tội phạm gây thiệt hại về vật chất, tinh thần, sức khoẻ để thu thập những thông tin cần thiết làm rõ sự thật vụ án hình sự.*

- Khi tiến hành lấy lời khai cần tuân thủ theo các quy định sau:

+ Về địa điểm: Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành tại nơi tiến hành điều tra, nơi cư trú, nơi làm việc hoặc nơi học tập của người đó.

+ Về thủ tục:

Nếu vụ án có nhiều người làm chứng thì phải lấy lời khai riêng từng người và không để cho họ tiếp xúc, trao đổi với nhau trong thời gian lấy lời khai.

Trước khi lấy lời khai, Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải giải thích cho người làm chứng biết quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 66 của Bộ luật này. Việc này phải ghi vào biên bản.

Trước khi hỏi về nội dung vụ án, Điều tra viên phải hỏi về mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, bị hại và những tình tiết khác về nhân thân của người làm chứng. Điều tra viên yêu cầu người làm chứng trình bày hoặc tự viết một cách trung thực và tự nguyện những gì họ biết về vụ án, sau đó mới đặt câu hỏi.

Trường hợp xét thấy việc lấy lời khai của Điều tra viên không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật hoặc xét cần làm rõ chứng cứ, tài liệu để quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hoặc để quyết định việc truy tố thì Kiểm sát viên có thể lấy lời khai người làm chứng. Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Câu 57. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và thủ tục khởi tố bị can?

Trả lời

*Khởi tố bị can là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định khởi tố về hình sự một người hoặc một pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi phạm tội là cơ sở pháp lý mở đầu việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ.*

Khởi tố bị can không phải là một biện pháp điều tra thu thập chứng cứ, mà quyết định khởi tố bị can là cơ sở pháp lý cho các hoạt động điều tra và xử lý đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội theo đúng quy định của pháp luật. Đây là cơ sở pháp lý cho các hoạt động tố tụng hình sự như áp dụng các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp cưỡng chế khác và các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật.

Khoản 1, Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự quy định “Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can”. Tức là phải có các tài liệu chứng cứ để khẳng định rằng một người hoặc một pháp nhân đã thực hiện hành vi có đủ yếu tố cấu thành một tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự (phải chỉ rõ khởi tố theo tội danh nào, điều khoản nào của Bộ luật hình sự)

Tài liệu, chứng cứ để khởi tố có thể là: Biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lời khai của người làm chứng, người bị hại, báo cáo của thanh tra, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, kết luận giám định, lý lịch của người phạm tội...

*- Thẩm quyền khởi tố bị can:* Những người sau đây có quyền ra quyết định khởi tố bị can:

+ Thủ trưởng Cơ quan điều tra;

+ Viện trưởng Viện kiểm sát

+ Thủ trưởng đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm, lực lượng Kiểm ngư đối với trường hợp phạm tội quả tang ít nghiêm trọng...

*- Thủ tục khởi tố bị can:*

Quyết định khởi tố bị can phải được thể hiện bằng văn bản. Nội dung quyết định khởi tố bị can bao gồm những vấn đề sau đây: Thời gian, địa điểm ra quyết định; Họ tên chức vụ người ra quyết định; Họ tên, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp hoàn cảnh gia đình của bị can; Bị can bị khởi tố về tội gì, theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự, thời gian địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của hành vi phạm tội

Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội khác nhau thì trong quyết định phải ghi rõ từng tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng. Nếu trong vụ án có nhiều bị can thì mỗi bị can có quyết định khởi tố riêng.

Cơ quan ra quyết định khởi tố bị can phải giao ngay quyết định này cho bị can và giải thích quyền và nghĩa vụ cho họ, phải lập biên bản giao nhận. Bị can phải ký vào biên bản và có quyền ghi ý kiến của mình về việc họ bị khởi tố.

Sau khi khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải chụp ảnh, lập danh chỉ bản của bị can và đưa vào hồ sơ vụ án.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố bị can và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn việc khởi tố. Quyết định khởi tố của Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra.

Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can và gửi cho Cơ quan điều tra.

Trong trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra quyết định khởi tố bị can.

Cơ quan điều tra phải giao ngay quyết định khởi tố bị can của mình hoặc của Viện kiểm sát và giải thích quyền, nghĩa vụ cho bị can. Nếu Viện kiểm sát phê chuẩn hoặc huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can thì ngay sau khi nhận được quyết định huỷ bỏ đó, Cơ quan điều tra phải giao ngay cho người bị khởi tố. Việc giao nhận quyết định phải được lập biên bản.

Khi tiến hành điều tra, nếu có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã khởi tố hoặc còn hành vi phạm tội khác thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố. Các thủ tục đối với quyết định thay đổi bổ sung quyết định khởi tố bị can được tiến hành như quyết định khởi tố bị can.

Khi xét thấy việc bị can tiếp tục giữ chức vụ gây khó khăn cho việc điều tra (bị can có thể lợi dụng chức vụ để tiếp tục phạm tội, tiêu huỷ chứng cứ, gây áp lực với người làm chứng...) thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với cơ quan, tổ chưc có thẩm quyền quản lý bị can, tạm đình chỉ chức vụ bị can. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, các cơ quan, tổ chức này phải trả lời bằng văn bản cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã có kiến nghị.

Cơ quan điều tra cần gửi cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý bị can công văn yêu cầu và bản sao quyết định khởi tố bị can. Nếu cơ quan quản lý bị can không giải quyết yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thì có quyền kiến nghị lên cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý bị can.

Câu 58. Trình bày quy định của pháp luật tố tụng về lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị hại, người làm chứng; hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi?

Trả lời

- Khi lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng, hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung cho người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

- Việc lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, hỏi cung bị can phải có mặt người bào chữa hoặc người đại diện của họ.

Việc lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng phải có người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ tham dự.

- Người bào chữa, người đại diện có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can là người dưới 18 tuổi nếu được Điều tra viên, Kiểm sát viên đồng ý. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa, người đại diện có thể hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can.

- Thời gian lấy lời khai người dưới 18 tuổi không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

- Thời gian hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp:

+ Phạm tội có tổ chức;

+ Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn;

+ Ngăn chặn người khác phạm tội;

+ Để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án;

+ Vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

+ Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ tiến hành đối chất giữa bị hại là người dưới 18 tuổi với bị can, bị cáo để làm sáng tỏ tình tiết của vụ án trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

Câu 59. So sánh khám người với xem xét dấu vết trên thân thể?

Trả lời

- Nêu khái niệm khám nguời và xem xét dấu vết trên thân thể:

+ Khái niệm khám người: *Khám người là biện pháp điều tra để thu thập chứng cứ có thể áp dụng đối với người bị bắt, bị can, bị cáo hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người vũ khí, hung khí, chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.*

+ Khái niệm xem xét dấu vết trên thân thể: *Xem xét dấu vết trên thân thể là hoạt động điều tra được tiến hành bằng cách tiến hành xem xét trên thân thể người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị hại, người làm chứng để phát hiện trên người họ dấu vết của tội phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với vụ án.*

- Giống nhau:

+ Đều là biện pháp điều tra tố tụng

+ Đều trực tiếp ảnh hưởng tới quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

+ Đều tuân thủ nguyên tắc về khám xét …

+ Mục đích:Tìm kiếm dấu vết tội phạm,dấu vết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

+ Khi tiến hành người tiến hành, người chứng kiến phải là người cùng giới tính với người bị áp dụng.

- Khác nhau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Khám người** | **Xem xét dấu vết**  **Trên thân thể** |
| Đối tượng | Bị can, bị cáo, ngưòi bị bắt người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm… | Người bị bắt, bị can, bị cáo, người bị hại, người làm chứng người bị tạm giữ... |
| Căn cứ | Điều 192 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 | Điều 203 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 |
| Phạm vi | Phạm vi khám người bao gồm thân thể, quần áo, đồ vật và phương tiện theo người | Phạm vi xem xét là trên thân thể của người bị áp dụng. |
| Thẩm quyền | Những người quy định tại điều 113 khoản 1, điều 110 khoản 2 trong trường hợp không thể trì hoãn | Điều tra viên tiến hành |
| Thủ tục | Đọc lệnh, giải thích lệnh,lập biên bản, có người chứng kiến, có thể khám không cần lệnh (Điều 194) | Lập biên bản, nếu đòi hỏi phải có chuyên môn về y học thì phải mời bác sĩ pháp y tham gia theo quy định pháp luật |

Câu60. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra?

Trả lời

Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, bảo đảm việc điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ. Viện kiểm sát phải kịp thời phát hiện những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra và đề ra các biện pháp khắc phục

\* Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can theo quy định của Bộ luật này;

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra; khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này;

- Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên theo quy định của Bộ luật này; nếu hành vi của Điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự;

- Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra theo quy định của Bộ luật này. Trong trường hợp không phê chuẩn thì trong quyết định không phê chuẩn phải nêu rõ lý do;

- Huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can;

- Quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

\* Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát điều tra

Khi thực hiện công tác kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra;

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng;

- Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra;

- Yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp tài liệu cần thiết về vi phạm pháp luật của Điều tra viên; yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý nghiêm minh Điều tra viên đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra;

- Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Câu 61. So sánh biện pháp hỏi cung bị can và biện pháp lấy lời khai người làm chứng?

Trả lời

Khái niệm hỏi cung bị can và lấy lời khai người làm chứng

- Hỏi cung bị can: là biện pháp điều tra do điều tra viên tiến hành bằng cách hỏi trực tiếp người đã bị khởi tố về hình sự với tư cách là bị can.

+ Lấy lời khai người làm chứng: là biện pháp điều tra do điều tra viên tiến hành bằng cách triệu tập và hỏi những người có hiểu biết về vụ án.

\* Giống nhau:

- Đều là biện pháp điều tra do điều tra viên tiến hành nhằm mục đích phát hiện, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm.

- Đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật

\* Khác nhau:

- Đối tượng: Đối tượng của hỏi cung bị can là người đã bị khởi tố về hình sự. Còn đối tượng của biện pháp lấy lời khai người làm chứng là những người biết các tình tiết của vụ án được cơ quan có thẩm quyền triệu tập để lấy lời khai.

- Thủ tục:

+ Hỏi cung bị can: Sau khi có quyết định khởi tố bị can thì điều tra viên phải tiến hành hỏi cung bị can ngay. Việc hỏi cung có thể tiến hành tại cơ quan điều tra, trụ sở uỷ ban nhân dân xã phường hoặc tại nhà ở, nơi làm việc của bị can hoặc tại nơi xảy ra tội phạm.

Việc triệu tập bị can: Nếu bị can đang bị tạm giam thì việc triệu tập thông qua Ban giám thị trại tạm giam. Nếu bị can đang tại ngoại thì điều tra viên phải gửi giấy triệu tập cho bị can.

Tiến hành hỏi cung: Khi tiến hành hỏi cung lần đầu, điều tra viên phải đọc quyết định khởi tố bị can, giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can. Khi hỏi cung bị can, điều tra viên phải hỏi về căn cước lai lịch, lịch sử bản thân bị can (nhằm xác minh và thu thập thêm các tài liệu cần thiết khác), hỏi về hành vi phạm tội của bị can... Trong vụ án có nhiều bị can thì phải hỏi riêng từng người không để họ tiếp xúc với nhau. Có thể cho bị can tự viết lời khai. Sau khi viết tự khai thì điều tra viên và bị can cùng ký xác nhận vào tờ khai. Điều tra viên phải lập biên bản hỏi cung, Biên bản hỏi cung phải được lập theo quy định tại Điều 178 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Lấy lời khai người làm chứng: Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành tại nơi điều tra hoặc có thể tại nơi ở, nơi làm việc của người làm chứng.

Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành tại nơi điều tra hoặc có thể tại nơi ở, nơi làm việc của người làm chứng.

Trước khi lấy lời khai, điều tra viên, cán bộ điều tra phải giải thích cho người làm chứng biết quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 66 của Bộ luật này. Việc giải thích này được ghi vào biên bản.

Trước khi hỏi về nội dung vụ án, điều tra viên cần xác định mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, người bị hại và những tình tiết khác về nhận thân của người làm chứng.

Điều tra viên yêu cầu người làm chứng kể lại hoặc viết lại những gì họ biết về vụ án, sau đó mới đặt câu hỏi. Câu hỏi của điều tra viên cần rõ ràng, dễ hiểu và hướng cho người làm chứng khôi phục lại những điều mà họ có thể quên do thời gian. Cần có thời gian để người làm chứng hồi tưởng, nhớ lại... Không được đặt câu hỏi có tính chất gợi ý.

Khi lấy lời khai người làm chứng phải hỏi rõ vì sao họ biết được tình tiết đó. Nếu không làm rõ được vấn đề này thì không dùng làm chứng cứ những tình tiết trong lời khai mà họ đã trình bày.

Nếu có mâu thuẫn giữa lời khai của người làm chứng với các chứng cứ khác thì phải làm rõ nguyên nhân. Nếu vụ án có nhiều người làm chứng thì phải hỏi riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau trong khi thời gian lấy lời khai... Biên bản ghi lời khai người làm chứng được lập theo quy định. Khi lấy lời khai NLC chưa đủ 16 tuổi phải có người giám hộ hợp pháp của người làm chứng. Khi lấy lời khai người dân tộc, người nước ngoài phải có người phiên dịch...

Câu 62. Phân biệt khởi tố vụ án với khởi tố bị can?

Trả lời

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Khởi tố vụ án** | **Khởi tố bị can** |
| Đối tượng | Sự việc có dấu hiệu tội phạm | Là cá nhân hoặc pháp nhân thương mại phạm tội |
| Căn cứ | Điều 143 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm.  Như vậy, căn cứ để khởi tố vụ án hình sự là bốn dấu hiệu của tội phạm. | Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can.  - Căn cứ khởi tố bị can là bốn yếu tố cấu thành tội phạm. |
| Thẩm quyền | Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. | Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và thủ trưởng đơn vị bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, lực lượng kiểm ngư (trong một số trường hợp luật định) |
| Trình tự,  thủ tục | Điều 154 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ căn cứ khởi tố, điều, khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiến hành điều tra.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.  Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Tòa án phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp. | Theo quy định Điều 179: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra.  Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can.  Trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can hoặc trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can nếu đã yêu cầu nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra.  Sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra nếu Viện kiểm sát phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm trong vụ án chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố bị can và trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.  Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra phải giao ngay quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và giải thích quyền, nghĩa vụ cho bị can.  Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải chụp ảnh, lập danh bản, chỉ bản của người bị khởi tố và đưa vào hồ sơ vụ án.  Việc giao, nhận các quyết định nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này. |
| Phạm vi | Rộng hơn | Hẹp hơn |
| Thời gian | Có trước | Sau khi có quyết định khởi tố vụ án |

Câu 63. Phân tích những điểm cần chú ý đối với trường hợp hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi.

Trả lời

- Hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước thời gian, địa điểm hỏi cung cho người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

- Thời gian hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp:

+ Phạm tội có tổ chức;

+ Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn;

+ Ngăn chặn người khác phạm tội;

+ Để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án;

+ Vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

Câu 64. Đối với các quyết định của Viện kiểm sát mà Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không đồng ý thì phải làm thế nào?

Trả lời

Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sáttrong giai đoạn điều tra.

Trong trường hợp không nhất trí với các quyết định của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vẫn phải thực hiện nhưng có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị của Cơ quan điều tra hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan đã kiến nghị.

Câu 65. Quy định của pháp luật về thời hạn điều tra vụ án hình sự?

Trả lời

Điều 172 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thời hạn điều tra vụ án hình sự như sau:

Thời hạn điều tra vụ án hình sự không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc điều tra.

Trường hợp cần gia hạn điều tra do tính chất phức tạp của vụ án thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát gia hạn điều tra.

Việc gia hạn điều tra được quy định như sau:

+ Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng;

+ Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, lần thứ nhất không quá 03 tháng và lần thứ hai không quá 02 tháng;

+ Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá 04 tháng;

+ Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra ba lần, mỗi lần không quá 04 tháng.

Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà thời hạn gia hạn điều tra đã hết nhưng do tính chất rất phức tạp của vụ án mà chưa thể kết thúc việc điều tra thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể gia hạn thêm một lần không quá 04 tháng.

Đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền gia hạn thêm một lần không quá 04 tháng.

Trường hợp thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, nhập vụ án thì tổng thời hạn điều tra không vượt quá thời hạn quy định trên.

Câu 66. Quy định của pháp luật về thời hạn điều tra bổ sung, điều tra lại vụ án hình sự?

Trả lời

Điều tra bổ sung là việc Viện kiểm sát hoặc Toà án thụ lý hồ sơ vụ án nhưng thấy chứng cứ chưa đầy đủ để luận tội hoặc thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà tự mình không thể bổ sung; có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên trả lại hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung.

Thời hạn điều tra bổ sung

+ Đối với những vụ án mà Viện kiểm sát trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung là không quá 2 tháng

+ Đối với những vụ án mà Toà án trả lại để điều tra bổ sung là không quá 1 tháng.

+ Thời hạn điều tra bổ sung tính từ khi cơ quan điều tra nhận được hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đến khi cơ quan điều tra có bản kết luận điều tra bổ sung. Viện kiểm sát chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần và Hội đồng xét xử chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần.

Căn cứ để tiến hành điều tra lại là khi Viện kiểm sát hoặc Toà án xác định vụ án không có cơ sở để giải quyết.

- Thời hạn điều tra lại và việc gia hạn điều tra lại theo thủ tục và quy định chung tại Điều 172 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Thời hạn điều tra lại được tính kể từ khi cơ quan điều tra nhận được hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát và Toà án.

Trong trường hợp vụ án được trả lại để điều tra lại thì thời hạn điều tra và gia hạn điều tra được xác định theo thủ tục chung.

Câu 67. Quy định của pháp luật về thời hạn phục hồi điều tra vụ án hình sự?

Trả lời

Phục hồi điều tra là tiếp tục tiến hành điều tra với những vụ án đã đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra khi có căn cứ hủy bỏ quyết định đình chỉ hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thời hạn phục hồi điều tra

Trường hợp phục hồi điều tra quy định tại Điều 235, 174 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì thời hạn điều tra tiếp không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và không quá 03 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi có quyết định phục hồi điều tra cho đến khi kết thúc điều tra.

Trong trường hợp cần gia hạn điều tra do tính chất phức tạp của vụ án thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết hạn điều tra, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát gia hạn điều tra. Việc gia hạn điều tra được quy định như sau:

+ Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 01 tháng;

+ Đối với tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng;

+ Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 03 tháng.

Câu 68. Trình bày quy định của pháp luật về thẩm quyền gia hạn điều tra vụ án hình sự?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 172 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì thẩm quyền gia hạn điều tra được quy định như sau:

- Đối với tội phạm ít nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra;

- Đối với tội phạm nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;

- Đối với tội phạm rất nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ hai. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;

- Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương gia hạn điều tra lần thứ ba.

- Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thụ lý điều tra thì việc gia hạn điều tra thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương.

**Câu 69. Phân tích biện pháp khám xét theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015?**

Trả lời

*Khám xét là biện pháp điều tra được tiến hành bằng cách tìm tòi, lục soát trên người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử nhằm phát hiện thu giữ vật chứng, đồ vật tài liệu có liên quan đến vụ án.*

**-** *Căn cứ khám xét*

Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Theo Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự thì chỉ được khám xét khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, thư tín... có vật chứng cần thu thập, có người đang bị truy nã lẩn trốn, có vật khác cần thu giữ (vật cấm lưu hành), người bị bắt cóc, tử thi chôn giấu...

Nếu không có căn cứ để nhận định như trên thì không được khám xét. Không được khám xét dựa trên suy diễn chủ quan hoặc chỉ có sự nghi ngờ mà không xác định rõ được đối tượng.

*- Thẩm quyền khám xét*

Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự có quyền ra lệnh khám xét. Lệnh khám xét của những người được quy định tại khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự phải được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành.

Trong trường hợp khẩn cấp, những người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự có quyền ra lệnh khám xét.

Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 192 và khoản 1 Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự quy định những người sau có thẩm quyền ra lệnh khám xét:

+ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh khám xét phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành;

+ Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;

+ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp;

+ Hội đồng xét xử.

\* Khoản 2 Điều 193 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: Trong trường hợp khẩn cấp, những người có quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp có quyền ra lệnh khám xét. Sau khi khám xong trong hạn 24 giờ, người ra lệnh khám phải báo cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản. Cụ thể, những người sau đây có quyền ra lệnh khám xét trong trường hợp khẩn cấp được:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

- Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực truộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

*“Trường hợp khẩn cấp”* là trường hợp có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, địa điểm... của một người có những đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án cần phải khám xét để thu giữ ngay vì có những dấu hiệu cho thấy họ có thể cất giấu, tiêu huỷ những đồ vật tài liệu đó hoặc là trường hợp có căn cứ để nhận định trong chỗ ở địa điểm có người đang bị truy nã lẩn trốn cần phải khám xét để bắt giữ.

*- Thủ tục khám xét*

*+ Khám xét người*

Người bị khám có thể là bị can, người bị bắt, hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người vũ khí, hung khí, chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

Phạm vi khám người bao gồm thân thể, quần áo, đồ vật và phương tiện theo người. Việc khám người phải tuân theo thủ tục sau:

Khám người phải có lệnh theo đúng quy định của pháp luật. Có thể tiến hành khám người mà không cần có lệnh trong trường hợp bắt người hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người vũ khí, hung khí, chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

Khi bắt đầu khám phải đọc lệnh và đưa cho đương sự đọc lệnh khám, giải thích cho đương sự và những người có mặt biết quyền và nghĩa vụ của họ.

Người tiến hành khám phải yêu cầu đương sự đưa ra những đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án, nếu đương sự từ chối thì tiến hành khám.

Khi khám người thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến.

Khám người phải lập biên bản theo đúng quy định của luật tố tụng hình sự.

*+ Khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện*

*Chỗ ở là nơi mà một hộ gia đình hoặc một người đang dùng để cư trú cố định hoặc tạm thời.*

*Nơi làm việc là khu vực làm việc của một người tại trụ sở cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác.*

*Địa điểm có thể là bất kỳ nơi nào khác có những vật chứng cần thu giữ, có người đang bị truy nã lẩn trốn.*

*Phương tiện là cái mà người đó sử dụng vào một mục đích nào đó như phương tiện giao thông , vận chuyển, liên lạc,máy tính….*

Việc khám chỗ ở, địa điểm cũng được tiến hành theo đúng quy định về khám người, đồng thời phải chú ý một số thủ tục sau đây:

Khi khám phải có mặt người chủ hoặc người đủ 18 tuổi trở lên trong gia đình họ, có đại diện chính quyền xã, phường hoặc thị trấn chứng kiến; trong trường hợp đương sự và người trong gia đình cố tình vắng mặt, bỏ trốn lâu ngày mà việc khám xét không thể trì hoãn được thì phải có đại diện chính quyền và hai người láng giềng chứng kiến.

Không được khám chỗ ở vào ban đêm trừ trường hợp không thể trì hoãn được nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Khi khám chỗ làm việc của một người thì phải có mặt của người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản và phải có đại diện cơ quan hoặc tổ chức chứng kiến.

Việc khám xét phương tiện phải có mặt chủ sở hữu hoặc người quản lý phương tiện và người chứng kiến.Trường hợp chủ sở hữu hoặc người quản lý phương tiện vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có hai người chứng kiến.

Khi khám xét phương tiện có thể mời người có chuyên môn liên quan đến phương tiện tham gia.

Khi tiến hành khám chỗ ở, địa điểm, những người có mặt không được tự ý rời khỏi nơi đang bị khám, không được liên hệ, trao đổi với nhau hoặc với người khác cho đến khi khám xong.

*\* Trình tự tiến hành khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện*

Khám chỗ ở địa điểm chỉ được tiến hành khi có lệnh theo đúng quy định của pháp luật.

Người thi hành lệnh khám phải đọc lệnh và giải thích lệnh cho những người có mặt hiểu rõ.

Người thi hành lệnh khám xét yêu cầu đương sự hoặc các thành viên khác trong gia đình hoặc chủ nơi làm việc đưa ra hoặc chỉ rõ nơi cất giấu đồ vật tài liệu có liên quan đến vụ án. Sau đó, có thể không cần khám nữa hoặc vẫn tiếp tục khám.

Lập biên bản khám xét theo đúng quy định pháp luật.

Câu 70. Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định hiện nay?

Trả lời

Trưng cầu giám định là hoạt động của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được thực hiện theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm sử dụng tri thức khoa học và các nhà chuyên môn vào việc nghiên cứu, kết luận về các vấn đề cần giám định để thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án hình sự.

Theo Điều 206 Bộ luật TTHS năm 2015 thì Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định:

+ Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án;

+ Tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó;

+ Nguyên nhân chết người;

+ Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khoẻ hoặc khả năng lao động;

+ Chất ma tuý, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ;

+ Mức độ ô nhiễm môi trường.

Câu 71. Quy định của pháp luật về biện pháp đối chất?

Trả lời

Đối chất là biện pháp điều tra được tiến hành bằng cách tiến hành hỏi hai hay nhiều người cùng một lúc về cùng một vấn đề có liên quan đến vụ án hình sự nhằm làm rõ mâu thuẫn trong các lời khai của họ.

- Mục đích của hoạt động đối chất nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa các lời khai với nhau tìm ra chứng cứ quan trọng cho việc giải quyết vụ án

- Điều kiện tiến hành đối chất: Khi xuất hiện trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai hay nhiều người. Mâu thuẫn ở đây là những mâu thuẫn có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ cũng như cho việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện. đồng thời đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất.

- Đối tượng đưa ra để tiến hành đối chất có thể: bị can với bị can; bị can với người bị tình nghi, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại; giữa người bị hại với người làm chứng; giữa người bị làm chứng với nhau...

- Chủ thể tiến hành việc đối chất: Điều tra viên thụ lý vụ án tiến hành; Kiểm sát viên (có thể tiến hành đối chất trong trường hợp cần thiết).

- Thủ tục đối chất

+ Việc đối chất phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Trước khi tiến hành đối chất, Điều tra viên phải lấy lời khai từng người xác định những vấn đề cần đưa ra đối chất.

+ Nếu việc đối chất có sự tham gia của người làm chứng, người bị hại thì trước hết Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc khai báo gian dối. Việc này phải ghi vào biên bản.

+ Khi bắt đầu đối chất, Điều tra viên hỏi về quan hệ giữa những người tham gia đối chất.

Sau đó hỏi họ về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Cho từng người trình bày lời khai của mình. Hỏi dứt điểm về vấn đề này mới chuyển sang vấn đề khác. Điều tra viên có thể hỏi thêm từng người.

Điều tra viên có thể để cho những người tham gia đối chất hỏi lẫn nhau.

Biên bản đối chất phải được ghi đầy đủ câu hỏi và câu trả lời của những người tham gia đối chất. Biên bản đối chất được lập theo quy định tại Điều 178 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc đối chất có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

Câu 72. Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bao gồm những biện pháp nào? Trường hợp nào thì được áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt?

Trả lời

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định tại Điều 223 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 gồm:

- Ghi âm, ghi hình bí mật;

- Nghe điện thoại bí mật;

- Thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

Các biện pháp điều tra đặc biệt chỉ được tiến hành sau khi khởi tố vụ án.

Có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các trường hợp:

- Tội xâm phạm an ninh quốc gia;

- Tội phạm về ma túy;

- Tội phạm về tham nhũng;

- Tội khủng bố;

- Tội rửa tiền;

- Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**Câu 73. Thẩm quyền, thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt?**

Trả lời

*Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*

Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực thụ lý, điều tra thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng.

*- Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*

Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn. Trường hợp phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn.

*- Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*

Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp:

+ Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan điều tra có thẩm quyền;

+ Có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;

+ Không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Câu 74. Phân biệt đình chỉ điều tra với đình chỉ vụ án?

Trả lời:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đình chỉ điều tra** | **Đình chỉ vụ án** |
| **Bản chất** | *Đình chỉ điều tra là việc cơ quan điều tra không tiến hành đối với vụ án đó nữa khi có những căn cứ theo quy định của pháp luật* | *Đình chỉ vụ án là việc các cơ quan tiến hành tố tụng chấm dứt các hoạt động tố tụng đối với vụ án đó.* |
| **Căn cứ** | Điều 230 Bộ luật tố tụng hình sự: Có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự;  Đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm. | Điều 282 Bộ luật tố tụng hình sự: Có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 [Điều 155](http://vi.wikisource.org/wiki/B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_T%E1%BB%91_t%E1%BB%A5ng_h%C3%ACnh_s%E1%BB%B1_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_Vi%E1%BB%87t_Nam_2003/Ph%E1%BA%A7n_th%E1%BB%A9_hai/Ch%C6%B0%C6%A1ng_VIII#105) hoặc các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 [Điều 157](http://vi.wikisource.org/wiki/B%E1%BB%99_lu%E1%BA%ADt_T%E1%BB%91_t%E1%BB%A5ng_h%C3%ACnh_s%E1%BB%B1_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_Vi%E1%BB%87t_Nam_2003/Ph%E1%BA%A7n_th%E1%BB%A9_hai/Ch%C6%B0%C6%A1ng_VIII#107) của Bộ luật này;  Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa.  Trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo mà căn cứ để đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can, bị cáo thì có thể đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo. |
| ***Thẩm quyền*** | Cơ quan điều tra | Viện kiểm sát, Tòa án |
| **Trình tự thủ tục** | Điều 230 Bộ luật tố tụng hình sự | Điều 282 Bộ luật tố tụng hình sự |

Câu 75. Khi tiến hành biện pháp nhận biết giọng nói, Điều tra viên cần chú ý vấn đề gì?

Trả lời

- Khái niệm:*Nhận biết giọng nói là hoạt động điều tra được tiến hành bằng cách cho bị hại, người làm chứng hoặc người bị bắt, bị tạm giữ, bị can nghe để khẳng định đúng là giọng nói của đối tượng liên quan đến vụ án hình sự mà họ đã nghe thấy trước đây hay không.*

- Điều kiện tiến hành: Số giọng nói được đưa ra để nhận biết ít nhất phải là ba và phải có âm sắc, âm lượng tương tự nhau.

- Thành phần tham gia: Những người sau đây phải tham gia việc nhận biết giọng nói: Giám định viên về âm thanh; người được yêu cầu nhận biết giọng nói; người được đưa ra để nhận biết giọng nói, trừ trường hợp việc nhận biết giọng nói được thực hiện qua phương tiện ghi âm; người chứng kiến.

- Thủ tục tiến hành: Trước khi tiến hành nhận biết giọng nói, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận biết giọng nói.

Nếu người làm chứng, bị hại được yêu cầu nhận biết giọng nói thì trước khi tiến hành, Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố ý khai báo gian dối. Việc này phải ghi vào biên bản.

Điều tra viên phải hỏi trước người được yêu cầu nhận biết giọng nói về những đặc điểm mà nhờ đó họ có thể nhận biết được giọng nói.

Trong quá trình tiến hành nhận biết giọng nói, Điều tra viên không được đặt câu hỏi gợi ý. Sau khi người được yêu cầu nhận biết giọng nói đã xác nhận được tiếng nói trong số giọng nói được đưa ra thì Điều tra viên yêu cầu họ giải thích là họ đã căn cứ vào đặc điểm gì mà xác nhận giọng nói đó.

Biên bản nhận biết giọng nói được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật tố tụng hình sự. Biên bản ghi rõ nhân thân, tình trạng sức khỏe của người được yêu cầu nhận biết giọng nói và của những người được đưa ra để nhận biết giọng nói; đặc điểm của giọng nói được đưa ra để nhận biết, lời trình bày của người nhận biết giọng nói; điều kiện về không gian khi thực hiện nhận biết giọng nói.

Câu 76. Nêu các trường hợp tạm đình chỉ điều tra?

Trả lời

*Tạm đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra tạm ngừng việc tiến hành điều tra đối với cả vụ án hoặc đối với một bị can khi có những căn cứ nhất định.*

Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra nếu thuộc các trường hợp sau đây:

- Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án.

- Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra;

- Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra. Trong trường hợp này, việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

Câu 77. Nêu các trường hợp đình chỉ điều tra?

Trả lời

*Đình chỉ điều tra là việc cơ quan điều tra không tiến hành đối với vụ án đó nữa khi có những căn cứ theo quy định của pháp luật.*

Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:

- Có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 (khởi tố theo yêu cầu của bị hại) và Điều 157 (căn cứ không khởi tố vụ án) của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 (tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội) hoặc Điều 29 (căn cứ miễn trách nhiệm hình sự) hoặc khoản 2 Điều 91 (nguyên tắc xử lý với người dưới 18 tuổi phạm tội) của Bộ luật hình sự;

- Đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

Thẩm quyền đình chỉ điều tra

- Cơ quan điều tra;

- Viện kiểm sát.

Câu 78. Xác định thẩm quyền xét xử trong trường hợp bị cáo phạm tội ở nước ngoài?

Trả lời

Theo quy định taị Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì Trường hợp bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ở Việt Nam thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tùy trường hợp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hoặc Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử.

Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự thì Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử theo quyết định của Chánh án Tòa án quân sự trung ương.

Câu 79. Trường hợp tội tội phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam thì thẩm quyền xét xử được xác định như thế nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 270 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì trường hợp Tội phạm xảy ra trên tàu bay hoặc tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biển đó được đăng ký.

Câu 80. Đồng chí hãy trình bày quy định của pháp luật về việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử vụ án hình sự?

Trả lời

- Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giữa các Tòa án quân sự khu vực trong cùng một quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu quyết định.

- Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, giữa các Tòa án quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi kết thúc việc điều tra quyết định.

- Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, giữa các Tòa án quân sự cấp quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương quyết định.

- Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

- Việc chuyển vụ án để xét xử theo thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 274 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Câu 81. Tòa án giải quyết như thế nào trong những trường hợp sau đây?

***a. Phát hiện tội phạm, người phạm tội mới trước khi mở phiên tòa sơ thẩm.***

***b. Phát hiện tội phạm, người phạm tội mới trong khi xét xử.***

Trả lời

a. Trong quá trình chuẩn bị xét xử mà Tòa án phát hiện người phạm tội khác hoặc hành vi phạm tội mới thì quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự.

b. Nếu tại phiên tòa qua xét xử mà Tòa án phát hiện được tội phạm mới hoặc người tội phạm mới thì Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc yêu cầu Việc kiểm sát khởi tố vụ án theo qui định của Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Câu 82. Nêu hướng giải quyết và quyết định tố tụng đưa ra của Hội đồng xét xử phúc thẩm trong các tình huống sau đây?

***1. Xác định được căn cứ giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.***

***2. Có đầy đủ chứng cứ xác định bị cáo phạm tội khác nặng hơn tội đã bị Tòa án sơ thẩm kết án.***

***3. Có đầy đủ chứng cứ xác định bị cáo còn phạm một tội khác.***

Trả lời

1. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nếu có căn cứ, tòa án cấp phúc thẩm có thể giảm hình phạt hoặc áp dụng điều khoản mà Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn....

2.Theo quy định tại Khoản 3 Điều 357. Tòa án cấp phúc thẩm có thể tăng hình phạt hoặc áp dụng điều khoản mà Bộ luật hình sự về tội nặng hơn...

3. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 khi có căn cứ để xác định bị cáo còn phạm một tội khác thì thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung...

Câu 83. Khái niệm, đặc điểm của xét xử vụ án hình sự?

Trả lời

- Khái niệm: *Xét xử vụ án hình sự là việc Toà án có thẩm quyền đưa vụ án hình sự ra xét xử theo trình tự thủ tục do pháp Luật Tố tụng hình sự quy định nhằm xác định có tội phạm xảy ra hay không, người bị truy tố có phạm tội hay không phạm tội và những vấn đề cần thiết khác nhằm đưa ra bản án, quyết định có căn cứ và hợp pháp.*

- Giai đoạn xét xử vụ án hình sự có những đặc điểm sau:

- Giai đoạn xét xử vụ án hình sự chỉ có thể tiến hành sau khi vụ án đã trải qua giai đoạn điều tra và truy tố người phạm tội. Giai đoạn này được mở đầu từ thời điểm Toà án án nhận được hồ sơ vụ án hình sự do Viện kiểm sát chuyển sang cùng với quyết định truy tố người phạm tội bằng một cáo trạng. Giai đoạn xét xử vụ án hình sự kết thúc khi bản án, hoặc quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

- Chủ thể tiến hành tố tụng trong giai đoạn này là Toà án, Viện kiểm sát và có sự tham gia tố tụng của bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người giám định, người phiên dịch.

- Nhiệm vụ của giai đoạn xét xử vụ án hình sự trước hết là chuẩn bị các Điều kiện cần thiết đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên toà, tiếp theo là tại phiên toà Hội đồng xét xử phải xem xét, đánh giá phân tích toàn diện mọi chứng cứ của vụ án dựa trên nhưng quy định của Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự để xác định bị cáo trong vụ án có hành vi phạm tội hay không, nếu có hành vi phạm tội thì hành vi đó phạm vào tội gì được quy định trong Bộ luật hình sự để từ đó ra bản án và các quyết định cần thiết khác.

Để thực hiện được các nhiệm vụ này, quá trình xét xử vụ án hình sự có thể trải qua các giai đoạn khác nhau như xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.

Câu 84. Mục đích, ý nghĩa của việc xét xử vụ án hình sự?

Trả lời

Toà án thay mặt Nhà nước thực hiện xét xử tại phiên toà nhằm:

- Bảo vệ sự vững mạnh của Nhà nước, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa

- Góp phần bảo vệ tài sản và những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Trừng trị và trấn áp người phạm tội, đồng thời giáo dục, cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội.

- Góp phần vào việc ngăn chặn những người đang có ý định đi vào con đường phạm tội phải từ bỏ ý định phạm tội. Phê phán, lên án những tư tưởng lạc hậu, coi thường pháp luật. Tuyên truyền và giáo dục quần chúng nhân dân có ý thức tôn trọng pháp luật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 85. Thẩm quyền xét xử theo đối tượng trong xét xử vụ án hình sự?

Trả lời

Thẩm quyền xét xử theo đối tượng là sự phân định thẩm quyền xét xử giữa Toà án nhân dân và Toà án quân sự căn cứ vào đối tượng phạm tội.

Những người phạm tội là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, dân quan tự vệ phối thuộc chiến đấu với quân đội và những người được tập trung làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý (không phụ thuộc họ phạm tội gì, ở nơi nào)

Những người khác không thuộc các đối tượng kể trên phạm tội có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho quân đội. Việc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội là gây thiệt hại về người, tài sản, danh dự, uy tín của quân đội, kể cả tài sản của quân đội được giao cho dân quân tự vệ hoặc bất kỳ người nào quản lý, sử dụng để phục vụ chiến đấu hoặc phục vụ quân đội.

Những người không còn phục vụ cho quân đội bị phát hiện thực hiện tội phạm trong thời gian phục vụ quân đội hoặc những người đang phục vụ quân đội bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước khi vào quân đội về những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội.

Trong trường hợp vụ án vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của ta nhân dân thì Toà án quân sự xét xử toàn bộ vụ án. Nếu vụ án có thể tách riêng thì Toà án quân sự và Toà án nhân dân xét xử bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền của mình.

Như vậy, những đối tượng còn lại không thuộc những đối tượng nói trên thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân.

Nếu có tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa Toà án quân sự và Toà án nhân dân thì Chánh án Toà án nhân dân tối cao xét và quyết định.

Câu 86. Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ trong xét xử vụ án hình sự.

Trả lời

Thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ là sự phân định thẩm quyền xét xử căn cứ vào nơi tội phạm được thực hiện hoặc nơi kết thúc điều tra.

Thông thường vụ án được xét xử ở Toà án nơi tội phạm thực hiện. Khi không xác định được nơi tội phạm thực hiện hoặc tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau thì Toà án nơi kết thúc điều tra vụ án tiến hành xét xử.

Trường hợp bị cáo phạm tội ở nước ngoài thì thẩm quyền xét xử vụ án được xác định như sau:Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ở Việt Nam thì Toà án nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tuỳ từng trường hợp Chánh án Toà án nhân dân tối cao ra quyết định giao vụ án cho Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội hoặc Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử. Nếu vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự Thì vụ án do Toà án quân sự cấp quân khu trở lên xét xử theo quyết định của Chánh án Toà án quân sự trung ương.

Đối với những vụ án xảy ra trên tàu bay, tàu biển của nước CHxã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ở ngoài không phận hoặc lãnh hải Việt Nam thuộc thẩm quyền xét xử của toà án Việt Nam, nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biển đó được đăng ký có thẩm quyền xét xử.

Thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự được quy định như sau:

Vụ án hình sự (thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự) xảy ra trên địa phận thuộc Toà án quân sự cấp nào thì Toà án quân sự cấp đó có thẩm quyền xét xử.Trong trường hợp người phạm tội thuộc thuộc đơn vị của quân khu và tổ chức tương đương có tổ chức Toà án quân sự thì vụ án đó do Toà án quân sự của quân khu và tổ chức tương đương xét xử, không phụ thuộc vào nơi tội phạm xảy ra.Trong trường hợp không xác định được nơi tội phạm xảy ra hoặc Trong trường hợp vụ án mà Toà án quân sự có thẩm quyền xét xử vụ án do trong vụ án có nhiều người phạm tội thuộc các đơn vị khác nhau hoặc do người phạm tội thực hiện tội phạm ở nhiều nơi thì Viện kiểm sát truy tố bị can ra Toà án quân sự nào thì Toà án quân sự đó xét xử.

Câu 87. Trình bày giới hạn xét xử trong tố tụng hình sự.

Trả lời

Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: Toà án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử.

Toà án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một Điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.Toà án không được xét xử người và những hành vi mà Viện kiểm sát chưa truy tố; hoặc xét xử theo tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Nếu như xét xử, Toà án phát hiện còn có người khác phạm tội hoặc tội phạm khác của bị cáo chưa được truy tố thì Toà án có thể ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tội phạm mới và giao cho Viện kiẻm sát quyết định điều tra người phạm tội mới. Trong trường hợp Toà án phát hiện bị cáo phạm tội danh nặng hơn thì Toà án ra quyết định điều tra bổ sung theo tội danh nặng hơn, đề nghị Viện kiểm sát thay đổi tội danh đã truy tố. Nếu Viện kiểm sát không đồng ý thay đổi tội danh và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Toà án vẫn quyết định xét xử theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Toà án không được xét xử theo tội danh nặng hơn đối với một tội phạm, nhưng Toà án có quyền xử theo khung hình phạt khác khung hình phạt mà đã được Viện kiểm sát truy tố, kể cả khung hình phạt nặng hơn khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng khi khung hình phạt đó thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án cấp đó. Nếu qua xét xử Toà án thấy cần đổi tội danh thì Hội đồng xét xử chỉ có thể đổi tội danh nhẹ hơn hoặc thay đổi tội danh có khung hình phạt tương đương với tội phạm đã bị truy tố.

Trước khi mở phiên toà, nếu Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố thì Toà án ra quyết định đình chỉ vụ án. Nếu rút một phần thì Toà án xét xử phần không rút quyết định truy tố. Ngay tại phiên toà, sau khi xét hỏi, Kiểm sát viên có thể rút toàn bộ hay một phần quyết định truy tố hoặc kết luận theo tội danh nhẹ hơn, nhưng Hội đồng xét xử vẫn có thể kết tội bị cáo theo kết quả xét xử của Toà án. Nếu Viện kiểm sát không đồng ý thì Viện kiểm sát có thể kháng nghị và bị cáo có quyền kháng cáo.Nếu tại phiên toà, sau khi xét hỏi, Kiểm sát viên chỉ rút quyết định truy tố đối với một tội hoặc một số tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với tội khác hay Kiểm sát viên chỉ rút quyết định truy tố đối với một hoặc một số bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo hoặc các bị cáo còn lại thì Hội đồng xét xử vẫn xét xử toàn bộ vụ án và có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận việc rút quyết định truy tố đó. Căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận được ghi trong bản án.Trong trường hợp nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút quyết định truy tố của Kiểm sát viên và Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên cho rằng việc rút quyết định truy tố đó là đúng, thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nếu Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi nghị án thì Hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tố đó. Nếu thấy việc rút quyết định truy tố đó là có căn cứ thì Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo vô tội. Nếu thấy việc rút quyết định truy tố đó không có căn cứ thì Hội đồng xét xử không có quyền tuyên bố bị cáo vô tội mà ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị Viện kiểm sát cấp trên. Nếu Viện kiểm sát cấp trên thống nhất với ý kiến của Toà án thì Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp ra quyết định huỷ quyết định truy tố của Viện kiểm sát cấp dưới và chuyển hồ sơ cho Toà án xét xử lại vụ án trong vòng 30 ngày. Nếu Viện kiểm sát cấp trên đồng ý với việc rút quyết định truy tố của Viện kiểm sát cấp dưới thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Toà án đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đó biết.

Câu 88. Quyền hạn thủ tục kháng cáo kháng nghị trong xét xử vụ án hình sự.

Trả lời

- Những người có quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo.

Đối với những người có quyền kháng cáo thì có quyền kháng cáo bản án và quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ hay một phần bản án của Toà án sơ thẩm. Thông thường, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo nhằm giảm nhẹ hình phạt, thay đổi tội danh nhẹ hơn, giảm mức bồi thường thiệt hại, quyết định lại việc xử lý vật chứng.v.v. theo chiều hướng có lợi cho bị cáo. Tuy vậy, người được Toà án tuyên là vô tội cũng có quyền kháng cáo phần lý do bản án sơ thẩm đã tuyên là họ vô tội, nếu họ thấy lý do mà Toà án đưa ra đối với sự vô tội của họ không đúng với thực tế khách quan, xúc phạm vào danh dự của họ. Quyền kháng cáo của bị cáo do chính bị cáo thực hiện, hoặc bị cáo uỷ quyền cho người bào chữa thực hiện. Nếu bị cáo là người chưa thành niên hoặc là người có nhược điểm về thể chất, tâm thần thì người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo mà không cần phải có sự uỷ quyền của bị cáo.Người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo về phần hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, về phần bồi thường thiệt hại hoặc về việc Toà án không kết tội bị cáo, hoặc về các quyết định khác của Toà án.Nếu người bị hại chết thì nhân thân của người bị hại như cha, mẹ, con, vợ chồng, anh chị em ruột có quyền kháng cáo; nếu người bị hại là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo;Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại.Nếu nguyên đơn dân sự là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.Người bảo vệ quyền lợi của người chưa thành niên, người có nhược điểm thể chất hoặc tâm thần có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định của Toà án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ mà mình bảo vệ.Người được Toà án tuyên bố là không có tội có quyền kháng cáo phần lý do bản án sơ thẩm đã tuyên không có tội.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản sao bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết tại trụ sở xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm việc cuối cùng của bị cáo.Thời hạn kháng cáo đối với những quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án của Toà án cấp sơ thẩm trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

***- Kháng nghị của Viện kiểm sát***

Viện kiểm sát cùng cấp với Toà án cấp sơ thẩm và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Trong kháng nghị của Viện kiểm sát phải ghi rõ: ngày tháng kháng nghị, kháng nghị về vấn đề gì trong bản án hoặc quyết định sơ thẩm; lý do của việc kháng nghị và yêu cầu của Viện kiểm sát. Viện kiểm sát có thể kháng nghị toàn bộ hay một phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm, hoặc kháng nghị với toàn bộ hay một số bị cáo của vụ án hình sự. Kháng nghị của Viện kiểm sát có thể theo cả hai chiều hướng: tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình phạt, tăng hoặc giảm nhẹ các khoản bồi thường thiệt hại cho phù hợp với tính chất, mức độ của vụ án hình sự.Do cả hai Viện kiểm sát cùng có quyền kháng nghị, cho nên nếu trong một vụ án mà cả hai kháng nghị có nội dung bổ sung cho nhau thì Toà án cấp phúc thẩm xem xét cả hai kháng nghị. Nếu hai bản kháng nghị mâu thuẫn nhau thì Toà án yêu cầu một trong hai Viện kiểm sát rút kháng nghị. Nếu cả hai Viện kiểm sát đều không rút kháng nghị thì Toà án cấp phúc thẩm xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Thời hạn kháng nghị đối với bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng nghị đối với những quyết định của Toà án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định.

***- Thủ tục kháng cáo và kháng nghị***

Người kháng cáo phải gửi đơn đến Toà án để xử sơ thẩm hoặc Toà án cấp phúc thẩm. Trong đơn phải ghi rõ thời gian kháng cáo, tư cách người kháng cáo, nội dung kháng cáo, lý do kháng cáo và yêu cầu kháng cáo. Người kháng cáo cũng có thể trình bày bằng miệng trực tiếp trước Toà án. Trong trường hợp này, cơ quan Toà án phải lập biên bản theo những yêu cầu đã nêu trên.Đối với bị cáo đang bị tạm giam, Ban giám thị trại tạm giam tạo Điều kiện cho họ thực hiện quyền kháng cáo, tiếp nhận và chuyển đơn kháng cáo của họ cho Toà án. Thời hạn kháng cáo từ ngày Ban giám thị nhận được đơn kháng cáo của người đang bị tạm giam.Nếu đơn kháng cáo của người có quyền kháng cáo gửi qua bưu điện thì ngày kháng cáo được tính từ ngày bưu điện đóng dấu vào phong bì. Nếu đơn kháng cáo gửi qua ban giám thị trại tạm giam thì ngày kháng cáo được tính từ ngày Ban giám thị trại tạm giam nhận được đơn kháng cáo.

Viện kiểm sát kháng nghị bằng văn bản và được gửi cho Toà án đã xét xử sơ thẩm.Thời hạn kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Tức là kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án là ngày thứ nhất và ngày cuối cùng là ngày thứ 15. Nếu ngày cuối cùng là ngày lễ hoặc ngày chủ nhật thì ngày làm việc tiếp theo là ngày cuối cùng. Sau khi có kháng cáo, kháng nghị thì Toà án cấp sơ thẩm phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người bị kháng cáo, kháng nghị, những người tham gia tố tụng biết. Việc thông báo này nhằm giúp cho những người tham gia tố tụng biết diễn biến của quá trình tố tụng và chuẩn bị ý kiến của mình hoặc tài liệu hay chứng cứ mới có liên quan đến việc xét xử vụ án và họ có thể gửi cho Toà án cấp phúc thẩm.Đối với trường hợp tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo bị kháng nghị khai rằng họ chưa nhận được bản sao bản kháng nghị của Viện kiểm sát, nhưng đã được thông báo về kháng nghị thì Toà án cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án. Nếu bị cáo bị kháng nghị chưa nhận được bản sao bản kháng nghị của Viện kiểm sát và cũng chưa được thông báo về việc kháng nghị, thì Toà án cấp phúc thẩm cần hỏi bị cáo có đề nghị hoãn phiên toà hay không. Nếu bị cáo đề nghị hoãn phiên toà thì Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị cáo hoãn phiên toà và thông báo luôn cho bị cáo biết kháng nghị của Viện kiểm sát.Nếu kháng cáo, kháng nghị toàn bộ bản án hoặc quyết định của Toà án thì toàn bộ bản án, quyết định của Toà án chưa có hiệu lực pháp luật. Nếu kháng cáo, kháng nghị một phần bản án hoặc quyết định của Toà án thì phần còn lại (phần không bị kháng cáo, kháng nghị) hết thời hạn luật định đưa vào thi hành ngay.Khi có kháng cáo, kháng nghị thì Toà án sơ thẩm phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Toà án phúc thẩm trong thời hạn 7 ngày, kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị để Toà án cấp phúc thẩm chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

***- Bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị***

Trước khi bắt đầu phiên toà hoặc ngay tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo hoặc Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà thì việc xét xử phúc thẩm được đình chỉ. Người có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị có quyền bổ sung, thay đổi, rút một phần hay rút toàn bộ nội dung kháng cáo, kháng nghị trong thời gian phiên toà phúc thẩm chưa được mở hoặc trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án tại phiên toà. Để đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo, việc bổ sung, thay đổi không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, tức là không được bổ sung, thay đổi theo chiều hướng tăng nặng so với nội dung kháng cáo, kháng nghị ban đầu, như không được bổ sung làm tăng nặng hình phạt, tăng mức bồi thường, thay đổi tội danh nặng hơn v.v... mà chỉ được bổ sung, thay đổi theo chiều hướng giảm nhẹ hơn so với nội dung kháng cáo, kháng nghị ban đầu.

Trong trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ. Bản án hoặc quyết định của Toà án cấp sơ thẩm bắt đầu có hiệu lực. Trong trường hợp này, Toà án cấp phúc thẩm thông báo cho Toà án cấp sơ thẩm biết để Toà án cấp sơ thẩm ra quyết định thi hành bản án hình sự.

**BÀI TẬP TÌNH HUỐNG**

**Bài 1:**

Hồi 23 giờ ngày 02/5/2018, chị Hương đi làm về đến nhà C2 khu tập thể Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội. Khi chị dựng xe Honda Dream ở cầu thang thì bất ngờ bị một đối tượng dùng dao chém liên tiếp vào đầu và mặt làm chị bị trọng thương gục xuống, thủ phạm lấy xe tẩu thoát.

Công an quân Cầu Giấy tiến hành tiếp cận hiện trường, qua ghi lời khai, ông Ba và ông Hiền (cùng ở khu tập thể) cho biết: khoảng 22 giờ 45 phút hai ông nhìn thấy một nam thanh niên lảng vảng ở khu vực cầu thang đầu nhà C2. Khi được cơ quan điều tra cho xem một số hình ảnh trong có ảnh của Nguyễn Văn Phương (sinh năm 1976, trú tại phường K, đã có hai tiền án) thì hai ông đều khẳng định người thanh niên mà các ông đã nhìn thấy đó chính là Nguyễn Văn Phương.

Hồi 21 giờ ngày 03/5/2018, Cơ quan điều tra phát hiện thấy chiếc xe máy của chị Hương đang gửi ở tại nhà ông Hàn (làm nghề trông giữ xe ở phường K, quận Cầu Giấy). Ông Hàn cho biết đó là chiếc xe của khách gửi từ đêm hôm trước nhưng chưa đến lấy. Hồi 22 giờ cùng ngày, khách gửi xe là Hoàng Văn Bình đến lấy xe máy liền bị cán bộ điều tra yêu cầu về trụ sở làm việc. Tại đây anh Bình khai đã mua xe của Nguyễn Văn Phương ở phường K. Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phương.

**Hỏi:** **Xác định tư cách tố tụng của những người trên?**

**Gợi ý trả lời**

Xác định tư cách tố tụng của các đối tượng trên như sau:

- **X**ác định tư cách tố tụng:

Chị Hương là bị hại (Điều 62, Bộ luật tố tụng hình sự)

Ông Ba, ông Hiền, bà Hân là người làm chứng khi được cơ quan có thẩm quyền triệu tập để làm rõ các tình tiết có liên quan.

Ông Hoàng Văn Bình là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Điều 65, Bộ luật tố tụng hình sự)

Nguyễn Văn Phương là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (Điều 58, Bộ luật Tố tụng hình sự). Ngoài ra với mỗi giai đoạn khác nhau, về tư cách tham gia tố tụng của Phương còn có thể là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo....

**Bài 2:**

Do thua lô đề không có tiền tiêu xài nên Trần Minh (sinh ngày 1/2/1999) rủ Lê Vượng (sinh ngày 25/9/2003) và Vũ Ngọc (sinh ngày 1/2/2003) là học sinh trường phổ thông Trần Phú bàn nhau đi bắt cóc cháu Dương (là con anh Đông và chị Lan trú tại Phường A, thị xã B, tỉnh C) để lấy tiền chuộc. Khoảng 16h30 ngày 22/9/2018, Vượng và Ngọc đến nhà bác Trọng mượn xe máy nói là đi mua sách. Sau đó bọn chúng đến nhà trẻ và nói với cô giáo Thương là anh Đông chịLan bận nên nhờ đón cháu Dương về. Trên đường đưa cháuDương về nhà Minh, vì thấy người lạ nên cháu Dương khóc và không chịu để Ngọc, Vượng chở đi. Thấy vậy, anh Nguyễn Hải, chị Loan và một số người đi đường nghi ngờ đã đến hỏi Ngọc và Vượng cho rõ. Thấy nguy cơ bị lộ, Ngọc bế cháu Dương chạy đi, Vượng ở lại nhặt cục gạch và ném thẳng vào mặt anh Hải, Hải tránh được nên trúng vào cửa kính xe ô tô nhà chị Hương làm vỡ kính trị giá khoảng 6 triệu đồng. Anh Hải lao tới thì bị Vượng dùng dao đâm một nhát vào bụng và đe dọa mọi người ai xông vào sẽ bị đâm chết. Sau đó, Vượng phóng xe đuổi theo Ngọc rồi tiếp tục đèo Ngọc đưa cháu Dương về nhà của Minh.

Khi nhận được tin báo qua kiểm tra xác minh, củng cố tài liệu cơ quan điều tra đã ra quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Minh, Vượng, Ngọc. Ngày 25/9/2018, cơ quan điều tra công an thị xã B đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Minh, Vượng, Ngọc và giao cho Điều tra viên Nguyễn Văn Hoàng thụ lý. Quá trình điều tra anh Đông là bố cháu Dương có đơn yêu cầu thay đổi Điều tra viên Hoàng.

Ngày 02/12/2018, Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã B ra bản cáo trạng truy tố Minh, Vượng, Ngọc và chuẩn bị chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân thị xã B. Đến đây, ông Trọng có dơn xin lại chiếc xe mà ông đã cho bọn Ngọc mượn, kiểm sát viên Nguyễn Kiên Quyết thụ lý vụ án đã không đồng ý. Ông Trọng có đơn yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên Quyết vì giữa Quyết và gia đình anh Đông có quan hệ thông gia. Sau khi xem xét Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã không đồng ý.

Tại thời điểm này gia đình Vượng đã thuê ông Hiêng Xum, một luật sư danh tiếng ở Campuchia là chỗ thân quen với chị gái của Vượng sang Việt Nam để bào chữa cho Vượng. Bà Trần Thị Chung mẹ của bị can Minh, đã thuê anh Linh, luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho Minh, Ngọc.

Ngày 23/2/2019 Tòa án nhân dân thị xã B quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, sau khi chủ tọa phiên tòa phổ biến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, Vũ Ngọc từ chối luật sư Linh vì cho rằng luật sư Linh còn quá trẻ, không có khả năng bào chữa cho mình. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của Ngọc không đồng ý với ý kiến của Ngọc và yêu cầu luật sư tiếp tục bào chữa cho Ngọc.

**Hỏi:** **Với tình tiết trên đồng chí hãy:**

**1. Xác định tư cách tham gia tố tụng của những người nói trên?**

**2. Có cần phải thay đổi Điều tra viên Hoàng không? Nếu thay đổi thì ai có thẩm quyền thay đổi?**

**3. Nhận xét gì về việc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thị xã B không đồng ý thay đổi Điều tra viên Quyết?**

**4. Ông Hiêng Xum, luật sư Linh có thể được cấp giấy chứng nhận người bào chữa để tham gia tố tụng trong vụ án này không? Tại sao? Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận người bào chữa?**

**5. Trường hợp này, Tòa án có chấp nhận việc từ chối luật sư của Vũ Ngọc hay không? Tại sao?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Xác định tư cách tham gia tố tụng hình sự

Minh, Vượng, Ngọc là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (phân tích)

Dương là người bị hại

Đông, Lan là người đại diện hợp pháp của người bị hại

Hải là người bị hại

Loan, Thương là người làm chứng

Trọng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Hương là nguyên đơn dân sự

Bố mẹ Vượng là người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Vượng

Bố mẹ của Vượng là bị đơn dân sự

2. Việc anh Đông yêu cầu thay đổi Điều tra viên Hoàng mà không nêu ra được lý do thì không thể thay đổi Điều tra viên Hoàng, nếu anh Đông đưa ra được lý do chính đáng là anh Hoàng có quan hệ thân thích với các bị can thì đây là một căn cứ để thẩm tra xác minh xem xét và quyết định thay đổi Điều tra viên Hoàng. Thẩm quyền thay đổi Điều tra viên trong trường hợp này thuộc về Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra - công an thị xã B.

3. Việc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B không đồng ý với đơn yêu cầu thay đổi kiểm sát viên Quyết vì theo quy định của pháp luật thì người có quyền lợi liên quan đến vụ án không có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng hình sự? còn nếu đúng như Kiểm sát viên Quyết có quan hệ thông gia với người bị hại thì Kiểm sát viên Quyết phải từ chối tham gia tố tụng hình sự, nếu không sẽ bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B thay đổi.

4. Căn cứ vào pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thấy hiện nay không có văn bản nào quy định luật sư người nước ngoài được tham gia với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trước cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam và tại Điều 70,76 Luật luật sư cũng quy định rất rõ về vấn đề này. Vì vậy, không chấp nhận luật sư Hiêng Xum làm luật sư bào chữa cho bị can Vượng. Còn đối với Luật sư Linh thì có đủ điều kiện để làm người bào chữa cho bị can Minh, Ngọc vì quyền lợi của 2 bị can này không đối lập nhau và cơ quan có thẩm quyền phải có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho Luật sư Linh. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận người bào chữa trong trường hợp này thuộc về Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B (nếu chuyển hồ sơ sang bên tòa án thì thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bào chữa cho Luật sư Linh thuộc về Chánh án Tòa án nhân dân thị xã B).

5. Trường hợp này, tòa án không chấp nhận yêu cầu của Ngọc và tiến hành xét xử theo thủ tục chung có sự tham gia của Luật sư Linh.

**Bài 3:**

Vũ Ngọc Long (15 tuổi) đang cùng bạn chơi đánh đu. Cháu Nguyễn Văn Hạnh (10 tuổi) bế em đứng xem, cách nơi Long chơi 2,7m. Trong khi chơi, Long vướng vào Hạnh. Long tức giận dùng chân đá vào bụng Hạnh một cái và nói: *“Mày đứng lùi ra không bố mày đánh chết bỏ mẹ mày đấy”*. Long tiếp tục chơi đánh đu. Bị đánh đau, Hạnh bế em về nhà, vừa đi vừa chửi Long.

Về nhà, Hạnh kể cho bố mình nghe chuyện bị Long đánh. Ông Thuận (bố Hạnh) dắt Hạnh ra chỗ Long chơi đáo để hỏi chuyện. Bố con ông Thuận đi đến cách chỗ Long chơi khoảng 20m thì Hạnh kêu đau bụng, nôn ra chất dịch màu nâu nhạt và bị ngất. Gia đình đưa Hạnh ra trạm xá xã cấp cứu, nhưng Hạnh đã chết. Theo bản giám định pháp y kết luận: *“Nguyên nhân cháu Hạnh chết là do chấn thương mạnh khu vực tá tràng, động mạch thận và vùng túi mật*”.

**Hỏi**: **Với tài liệu trên đồng chí hãy phân tích và làm rõ:**

**1.Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án để định tội danh được chính xác và khách quan?**

**2. Xác định chứng cứ và nguồn chứng cứ thu thập?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Để cho việc định tội danh được chính xác cần phải làm rõ một số vấn đề sau:

- Chứng minh những tình tiết cụ thể khi vụ án xảy ra như: Vị trí đứng bế em của cháu Hạnh, hiện trường khi xảy ra vụ án.

- Làm rõ hành động đá vào bụng cháu Hạnh, khi đá như vậy Long có biết hành động của mình là nguy hiểm và có thể dẫn đến cái chết của cháu Hạnh không.

- Thái độ chủ quan của Long khi có hành vi đá vào người cháu Hạnh.

- Xác định chính xác độ tuổi của Long khi thực hiện hành vi để có chứng cứ làm rõ cơ sở chịu trách nhiệm Hình sự của Long.

2. Xác định chứng cứ và nguồn chứng cứ :

- Lấy lời khai của Long và Hạnh để xác định chứng cứ...

- Lấy lời khai của những người chơi đánh đu cùng với Long

- Lấy lời khai của ông Thuận

- Kết luận giám định

- Các biên bản của hoạt động điều tra: biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể v.v...

**Bài 4.**

Phạm Tấn Phước và Nguyễn Thị Hương trước đây có thời gian yêu nhau, nhưng do gia đình ngăn cản nên không được đến hôn nhân. Khoảng 19 giờ ngày 20/7. Sau khi uống rượu Phạm Tấn Phước rủ Nguyễn Thị Hương đi chơi. Trên đường đi qua giếng nước của UBND xã M, Phước bảo Hương dừng lại để tâm sự, vừa nói, Phước vừa xông tới ôm Hương và đòi Hương cho quan hệ tình dục nhưng Hương đã phản ứng đẩy Phước ra. Trước sự phản ứng kịch liệt của Hương, Phước đã xô Hương bật ngửa rơi xuống giếng nước có chiều sâu 6,8m rồi Phước bỏ chạy về nhà nằm xem ti vi. Do mực nước trong giếng cạn nên Hương đã không chết. Đến 23 giờ cùng ngày ông An và anh Vương ở gần đó nghe tiếng kêu cứu nên đã chạy đến kéo Hương lên và đưa đi cấp cứu. Theo kết quả giám định pháp y: Nguyễn Thị Hương bị tổn hại 61% sức khoẻ.

**Hỏi**: **Với tài liệu trên đồng chí hãy phân tích và làm rõ:**

**1. Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án?**

**2. Xác định chứng cứ và các biện pháp thu thập chứng cứ?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án :

- Hành vi của Phước có phải là hành vi phạm tội hay không? Thời gian địa điểm xảy ra vụ án v.v...

- Phước có phải là người phạm tội hay không? hành vi của Phước cấu thành tội phạm không? Tội gì? Lỗi và động cơ mục đích, năng lực trách nhiệm hình sự của Phước.

- Điều kiện, hoàn cảnh diễn biến của vụ việc…..

- Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Phước như thế nào.

- Tính chất và mức độ hậu quả tác hại do Phước gây ra như thế nào?

2. Xác định các nguồn chứng cứ :

- Biên bản ghi lời khai của ông An và anh Vương

- Biên bản ghi lời khai của Phước

- Biên bản ghi lời khai của Hương

- Kết luận giám định

- Biên bản khám nghiệm hiện trường v.v...

Để trở thành chứng cứ cần đảm bảo ba thuộc tính của chứng cứ: tính khách quan, liên quan và hợp pháp.

Biện pháp thu thập: Lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định, đối chất, hỏi cung bị can….

**Bài 5**.

Ngày 25/4/2019 trong khi tuần tra trên địa bàn tổ 1B, phường H, anh An (cảnh sát khu vực) phát hiện Bình và Cường đang bẻ khóa để trộm chiếc xe máy SH của ông Hùng. An bắt được Bình, còn Cường thì bỏ chạy không bắt được. Đến ngày 29/4/2019 trên đường đi đến trụ sở cơ quan, anh An phát hiện Cường đang ngồi trong quán cà phê. Anh An đã cùng đồng đội vào bắt được Cường.

**Hỏi: Việc bắt Bình và Cường là đúng hay sai? Tại sao?**

**Gợi ý trả lời:**

- Việc **An bắt Bình là đúng**, tại vì : trong trường hợp này, Bình đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị An phát hiện. Căn cứ theo Điều 111 Bộ luật TTHS năm 2015 về bắt người phạm tội quả tang thì  “ bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan có thẩm quyền”. Do đó, An bắt Bình là đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc **An bắt Cường là sai**, tại vì : Theo tình tiết trong trường hợp trên thì sau vài ngày, An phát hiện Cường đang ngồi trong quán cafe có nghĩa là đã có sự gián đoạn về mặt thời gian giữa việc đuổi bắt và việc bỏ trốn nên không còn gọi là bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang nữa. Do đó, An không được bắt mà phải báo cho cơ quan có thẩm quyền biết để cơ quan có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại Điểm b, khoản 1, Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 “người cùng thực hiện tội phạm, hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn”. Vì thế, An cùng đồng đội bắt Cường là không đúng theo quy định của pháp luật bởi trong trường hợp này phải có lệnh để giữ Cường theo quy định của pháp luật.

**Bài 6**.

Tiến thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên đường H, ngay sau đó đã bị quần chúng nhân dân đuổi theo và bắt được. Tiến bị dẫn giải đến trụ sở Công an quận K vào lúc 10h sáng. Sau khi xem xét trường hợp phạm tội của Tiến, Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra - công an quận K đã ra Quyết định tạm giữ Tiến vào lúc 16h cùng ngày.

**Hỏi :**

**a) Theo quy định Bộ luật TTHS năm 2015, thủ tục tạm giữ Tiến được thực hiện như thế nào?**

**b) Thời hạn tạm giữ Tiến được tính từ thời điểm nào? Tiến có thể bị tạm giữ tối đa là bao lâu?**

**c) Giả sử trong quá trình tạm giam, phát hiện Tiến là người bị bệnh nặng và có nơi cư trú rõ ràng thì Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể ra Quyết định hủy bỏ Lệnh tạm giam để thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú được không? Vì sao?**

**Gợi ý trả lời:**

a, Thủ tục tạm giữ Tiến được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015.

- Phải có quyết định tạm giữ với Tiến.

- Giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ theo Điều 59 Bộ luật TTHS năm 2015.

-Trong thời hạn 12 giờ từ khi ra quyết định tạm giữ, cơ quan điều tra phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu có liên quan đến Viện kiểm sát nhân dân quận K.

-Thông báo cho chính quyền địa phương và gia đình Tiến được biết.

b) Theo quy định tại Khoản 1, Điều 118 Bộ luật TTHS năm 2015 thì thời hạn tạm giữ tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận người bị bắt. Do đó, trong trường hợp này thời hạn tạm giữ Tiến tính từ lúc 10h sáng ngày Tiến bị dẫn giải đến trụ sở công an quận.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 118, Bộ luật TTHS năm 2015 thì Tiến có thể bị tạm giữ tối đa 9 ngày.

c, Trong trường hợp này thủ trưởng cơ quan điều tra không thể ra quyết định hủy bỏ lệnh tạm giam để thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tại vì: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015 thì quyết định tạm giam của thủ trưởng cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành nên căn cứ vào Khoản 2, Điều 125 Bộ luật TTHS năm 2015 thì biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn thì việc hủy bỏ hoặc thay thế phải do viện kiểm sát quyết định.

**Bài 7.**

Công an quận H nhận được tin trình báo: Trưa ngày 20/10/2019, chị Nga đang đi trên đường Hàng Bài thì bị hai tên đi xe máy Exciter màu vàng không biển kiểm soát, giật sợi dây chuyền vàng rồi tẩu thoát. Cùng thời gian này có nhiều vụ cướp giật xảy ra tương tự.

Công an quận đã tiến hành điều tra. Ngày 30/10/2019, Công an phường Q đã bắt quả tang Nguyễn Văn Hải sinh năm 1971, ở phố Tạ Hiện, quận H trong khi y đang lấy trộm tài sản trong cốp xe máy của người dân.

Qua đấu tranh khai thác, Hải đã khai thêm: Hải có quan hệ với Lê Lâm ở số 4, đường Quán Thánh và chính Lâm cùng Hải gây ra vụ cướp sợi dây truyền vàng của chị Nga. Qua xác minh được biết: Lê Lâm, sinh 1970, trú tại số 4 đường Quán thánh không có nghề nghiệp; thường xuyên quan hệ với đối tượng xấu như Hải ở Tạ Hiện, Minh ở Yên Phụ. Đặc biệt Lâm có xe Exciter màu vàng. Lâm và Minh thường đèo nhau đi chơi bằng xe này; có lần đã bị Cảnh sát giao thông phạt vì đi xe máy vượt quá tốc độ cho phép. Khi nghe tin Hải bị bắt, Lâm rủ Minh vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn. Tối ngày 02/11/2019, hai đối tượng đã ra ga để chuẩn bị lên tàu.

Đến đây có ý kiến đề nghị giữ khẩn cấp đối với Lâm và Minh.

**Hỏi:**

**1. Đồng chí có đồng ý với ý kiến đề nghị trên đây hay không? Vì sao?**

**2. Những biện pháp ngăn chặn cần áp dụng để giải quyết vụ án trên?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Không đồng ý với việc đề nghị giữ khẩn cấp đối với cả hai tên Lâm và Minh.

Vì: Qua việc bắt quả tang Hải khi đang lấy trộm cốp xe máy mà cơ quan điều tra đã biết được Lâm đã cùng Hải gây ra vụ cướp dây truyền vàng của chị Nga. Biết được tin Hải bị bắt Lâm đã có biểu hiện bỏ trốn như : Cùng Minh ra ga để chuẩn bị lên tàu vào thành phố Hồ Chí Minh.

Do vậy: Chỉ giữ Lâm trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại (Khoản 1, điểm b, Điều 110 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) còn Minh không phạm tội cho nên ý kiến giữ cả Minh trong trường hợp khẩn cấp trên là không có căn cứ.

2. Sau khi áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với Hải và Lâm, cơ quan điều tra cần phải ra quyết định tạm giữ Hải và Lâm có đủ căn cứ thì khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hải và Lâm sau đó quyết định tạm giam Hải và Lâm để điều tra.

**Bài 8.**

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/01/2018, Nguyễn Thanh Tùng cùng nhóm bạn là Nguyễn Thanh Hải, Đỗ Mạnh Thắng và Hoàng Trọng Hiệp bàn nhau giả danh một tổ công tác 141 Công an Hà Nội. Chúng ăn mặc quần áo, đội mũ kiểu CSCĐ, cầm bộ đàm, dùi cui cao su, kìm chích điện, đèn pin đứng *“chốt”* ở đường đê gần cầu Vĩnh Tuy, *“bắt”* những người đi xe máy không đội mũ bảo hiểm. Thấy 2 thanh niên không đội mũ bảo hiểm, Thắng chở Hải vượt lên, áp sát họ rồi nói: *“Chúng tôi là tổ công tác hình sự 141 đang làm nhiệm vụ, yêu cầu xuống xe xuất trình giấy tờ”.* Tùng đứng ngoài *“chỉ huy”* nhóm bạn lục soát người 2 thanh niên và tuyên bố phạt 450.000 đồng với lỗi không đội mũ bảo hiểm. Tùng dọa *“đưa về đội giải quyết không có xin xỏ gì hết”* khiến nạn nhân vội mở ví đưa tiền.

Sau đó, kiểm tra một phụ nữ, chúng bị chị này nghi vấn nên hỏi lại. Khi nhóm Tùng đang cự cãi với chị này thì lực lượng Cảnh sát cơ động làm nhiệm vụ gần đó đi tới và hành vi hành vi giả mạo của bọn chúng bị phát hiện và được đưa về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng. Tại đây bọn chúng đã khai ra toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

**Hỏi: Với tình tiết trên hãy phân tích kết luận:**

**1. Khởi tố vụ án hình sự về tội gì? Căn cứ khởi tố? Khởi tố khi nào? Thủ tục cần thiết sau khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự?**

**2. Cần chứng minh làm rõ những vấn đề gì để việc khởi tố vụ án được chính xác được chính xác?**

**3. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự?**

**Gợi ý trả lời:**

1. - Khởi tố vụ án hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Căn cứ khởi tố: có sự việc xảy ra và sự việc này có dấu hiệu của tội cưỡng đoạt tài sản.

- Khởi tố khi Cơ quan điều tra tiếp nhận, kiểm tra, xác minh nguồn tin về vụ việc này do Cảnh sát cơ động chuyển giao và xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

- Thủ tục cần thiết sau khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự:

+ Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan đã ta quyết định phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

+ Tiến hành điều tra làm rõ vụ án theo quy định.

2. Cần làm rõ những vấn đề sau đây để việc khởi tố vụ án được chính xác được chính xác:

- Làm rõ hành vi của Tùng, Hải, Thắng, Hiệp thực hiện đã xâm hại trực tiếp đến quan hệ xã hội nào được luật hình sự bảo vệ.

- Làm rõ việc Tùng, Hải, Thắng, Hiệp khi đi thực hiện hành vi chặn xe máy để chiếm đoạt tiền của người vi phạm thì ai là người cầm lái, chặn như thế nào, trong khi kiểm tra giấy tờ, thì ai kiểm tra giấy tờ? Ai cầm tiền? Ai có những lời nói đe doạ, uy hiếp là phạt tiền và giữ xe để buộc người chủ phương tiện phải đưa tiền.

- Làm rõ Tùng, Hải, Thắng, Hiệp có dùng vũ lực để buộc người chủ phương tiện phải đưa tiền hay không?

- Làm rõ mục đích việc giả danh CSCĐ của Tùng, Hải, Thắng, Hiệp (đây chỉ coi là thủ đoạn của bọn chúng trong việc thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản mà thôi, không cấu thành tội danh độc lập).

- Làm rõ việc Tùng, Hải, Thắng, Hiệp nảy sinh ý định mặc trang phục giống CSCĐ để chặn xe lấy tiền có từ bao giờ? Ngoài ra còn có ai tham gia hay không?

- Làm rõ việc Tùng, Hải, Thắng, Hiệp thực hiện hành vi phạm tội bàn bạc lên kế hoạch như thế nào? Phương thức thủ đoạn ra sao? Thời gian, địa điểm thực hiện vào những hôm nào? Ở đâu? Mỗi lần lấy được bao nhiêu tiền? Của bao nhiêu người? Khi lấy được tiền thì sử dụng vào mục đích gì? Số tiền đó hiện còn bao nhiêu?

- Làm rõ nguồn gốc quần áo, mũ, dùi cui mà Tùng, Hải, Thắng, Hiệp sử dụng do đâu mà có?

- Chứng minh chiếc xe máy Tùng, Hải, Thắng, Hiệp sử dụng làm phương tiện đó là của ai, có đặc điểm như thế nào? Biển số bao nhiêu, số khung, số máy như thế nào? Xe mới hay cũ? Do đâu mà có?...

- Làm rõ những ai là bị hại (thông qua các phương tiện thông tin đại chúng), khi xác định được bị hại phải chứng minh lời khai của bị hại có phù hợp với lời đe doạ mà Tùng, Hải, Thắng, Hiệp nói hay không?

- Làm rõ việc Tùng, Hải, Thắng, Hiệp thực hiện hành vi này có tính chất chuyên nghiệp hay không? Tùng, Hải, Thắng, Hiệp đã có, tiền án tiền sự hay chưa? gây hậu quả như thế nào?

3. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận nơi vụ việc xảy ra (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng).

**Bài 9.**

Ngày 01/2/2019, Huân thuê xe ô tô Innova G biển kiểm soát 99K-8343 của anh Nguyễn Văn Cường để đi Bắc Giang, thời hạn thuê từ 01/2 đến 03/2/2019. Sau khi nhận xe, giấy tờ xe mang tên Lê Văn Quân. Trên đường đi Huân đã đem xe và toàn bộ giấy tờ đến hiệu cầm đồ của Lê Văn Du đặt lấy 250 triệu đồng rồi dùng vào việc trả nợ, mua xe máy và tiêu xài. Tối cùng ngày 03/2/2019, Huân bỏ trốn, khi hết hạn thuê xe Huân không trả xe cho chủ sở hữu.

**Hỏi:**

**1. Đã khởi tố vụ án hình sự được chưa? Khởi tố về tội gì? Căn cứ khởi tố? Cần làm rõ vấn đề gì để việc khởi tố được chính xác?**

**2. Thẩm quyền, trình tự thủ tục khởi tố vụ án?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Đã đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ:

- Có sự việc xảy ra (phân tích thời gian, địa điểm, diễn biến);

- Sự việc có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (phân tích)

Cần làm rõ vấn đề sau đây để việc giải quyết vụ án được chính xác:

- Nhân thân, lý lịch của các đối tượng và người có liên quan;

- Xác định giá trị chiếc xe ô tô Innova G;

- Làm rõ Lê Văn Du có biết Huân thuê xe của Cường rồi cầm đồ cho mình hay không? Thỏa thuận giữa Du và Huân như thế nào?

- Làm rõ Lê Văn Quân là ai? Tại sao Cường lại cho Du thuê xe của Quân...

2. Thẩm quyền khởi tố: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ việc.

Thủ tục khởi tố:

+ Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan đã ta quyết định phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

+ Tiến hành các biện pháp điều tra làm rõ vụ án theo quy định.

**Bài 10.**

Khoảng 12h30’, ngày 12/4/2019 tại khu vực vòng xoay Tam Hiệp (thuộc Khu phố 1, phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai), chiếc xe tải chở hàng ngàn két bia Tiger do tài xế Hồ Kim Hậu (30 tuổi, quê tỉnh Bình Định) điều khiển từ TP. Hồ Chí Minh đi TP. Phan Thiết. Khi vừa ôm cua vòng xoay Tam Hiệp do đường đông phương tiện tham gia giao thông nên tài xế Hậu đánh tay lái sang đường Bùi Văn Hòa để tránh va chạm.

Vì đang đi với tốc độ cao nên khi bất ngờ đổi hướng, hàng ngàn két bia Tiger trên thùng xe đã đổ xuống đường. Thấy bia bị đổ xuống đường, hàng trăm người đi đường cũng như ở xung quanh hiện trường ập tới hôi của, hàng trăm người dân đã nhảy vào tranh giành nhau lấy hết số bia lon còn nguyên vẹn, nhiều người còn lợi dụng leo lên cả thùng xe để lấy bia. Một số người dân chứng kiến cho biết, trong số những người đến hôi của có nhiều người đã đưa cả xe ba gác ra chở bia. Được biết, chiếc xe tải trên đang chở khoảng 1.400 két bia lon và hơn 100 két bia chai nhưng sau vụ tai nạn số bia còn lại chỉ khoảng 10%.

**Hỏi:**

**1. Hãy cho biết trình tự thủ tục để giải quyết vụ việc trên?**

**2. Nếu có đủ căn cứ để khởi tố vụ án thì khởi tố về tội gì? Vì sao?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Trình tự thủ tục giải quyết vụ việc trên:

- Trước tiên cơ quan có thẩm quyền cần tiếp nhận nguồn tin về vụ việc trên (qua anh Hậu trình báo, qua quần chúng nhân dân phản ánh hoặc qua phản ánh của phương tiện thông tin đại chúng);

- Sau khi tiếp nhận nguồn tin cần tiến hành xác minh làm rõ nguyên nhân, diễn biến vụ việc; xác định thiệt hại, những người có liên quan;

- Ra quyết định khởi tố vụ án hình sự khi đủ căn cứ theo quy định tại Điều 143 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và tiến hành điều tra giải quyết vụ án theo quy định...

2. Khởi tố vụ án hình sự về tội công nhiêm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015, vì đã đủ căn cứ:

- Có sự việc xảy ra (phân tích thời gian, địa điểm, diễn biến);

- Sự việc có dấu hiệu của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Bài 11.**

Công an quận K đã bắt quả tang 2 đôi nam nữ đang mua bán dâm tại nhà nghỉ do Trần Thị Miên làm chủ ở số 7 phố M, thị xã Q, tỉnh B. Qua điều tra xác định được sự việc như sau: Tối ngày 20/8/2019, Trần Văn Thế (30 tuổi) và Lê Văn Thuận (31 tuổi) là dân quân tự vệ xã Y, huyện T, tỉnh B đang trong thời gian tập trung huấn luyện quân sự do tỉnh đội tỉnh B tổ chức, đã rủ nhau đi ăn nhậu. Sau đó, Thế và Thuận gọi tắc xi đi chơi, khi lên xe tắc xi của hãng Cổ phần do Trần Văn Thời lái, Thuận hỏi Thời biết chỗ nào “có các em trẻ đẹp không” đưa bọn anh đến đấy. Thời nói: “có để em đưa đến chỗ này". Rồi Thời đưa Thế và Thuận đến nhà nghỉ của Trần Thị Miên. Khi đến nơi, Thời gặp Trần Văn Canh là nhân viên ở nhà nghỉ. Thời nói: “Chú bố trí cho các đại ca của anh mấy em chuẩn nhé”. Canh gật đầu. Thế trả tiền tắc xi hết 200.000 đồng nhưng cho Thời thêm 300.000 đồng. Canh đưa Thế và Thuận vào 2 phòng nghỉ rồi gọi cho Trần Thị Xuân (sinh ngày 22/9/2004) vào phòng Thế và Lê Thị Minh (sinh ngày 25/8/2003) vào phòng Thuận để bán dâm. Sau đó, Thế và Thuận đã thanh toán cho Canh là 2.500.000 đồng. Canh cho Xuân và Hạ mỗi người 1.000.000 đồng.

**Hỏi: Căn cứ vào tài liệu trên hãy cho biết:**

**1. Khởi tố những ai là bị can của vụ án theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự quy định. Sau khi khởi tố bị can cần tiến hành những thủ tục gì.**

**2. Cần làm rõ vấn đề gì để việc khởi tố bị can được chính xác tội danh?**

**3. Xác định thẩm quyền điều tra và thời hạn điều tra vụ án trên. Các hoạt động điều tra cần tiến hành để giải quyết vụ án.**

**Gợi ý trả lời:**

1. Khởi tố bị can đối với:

Thế, Thuận về tội mua dâm người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Hình sự năm 2015, sđ, bs 2017.

Canh về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sđ, bs 2017.

Thủ tục sau khi khởi tố:

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu có liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp để xem xét, phê chuẩn.

- Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được Quyết định khởi tố bị can thì Viện kiểm sát cùng cấp phải ra Quyết định phê chuẩn hoặc hủy bỏ và gửi ngay cho cơ quan điều tra.

- Sau khi nhận Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can thì cơ quan điều tra giao ngay các Quyết định cho bị can, giải thích quyền và nghĩa vụ của bị can theo quy định.

Cơ quan điều tra phải tiến hành chụp ảnh và lập danh chỉ bản với các bị can.

Tiến hành hỏi cung bị can theo đúng quy định.

1. Để khởi tố bị can được chính xác cần làm rõ đối với:

Trần Thị Miên: có biết việc Canh cho Xuân và Minh bán dâm hay không? Nếu có sẽ khởi tố về tội chứa mại dâm theo quy định tại Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015, sđ, bs 2017.

Trần Văn Thời: Cần làm rõ động cơ, mục đích, việc Thời dẫn dắt Thuận và Thế như thế nào…. Nếu đủ căn cứ sẽ khởi tố về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sđ, bs 2017.

1. Thẩm quyền điều tra:

Với tội mua dâm người dưới 18 tuổi: Cơ quan điều tra Quân đội cấp khu vực nơi phối hợp với dân quân tự vệ Xã Y, huyện T, tỉnh B đóng quân.

Tội Môi giới mại dâm: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thị xã Q, Tỉnh B.

Nếu khởi tố về tội Chứa mại dâm (với bị can Miên) và tội Môi giới mại dâm (với bị can Canh) sẽ do Cơ quan CSĐT – Công an Thị xã Q, Tỉnh B.

Thời hạn điều tra:

+ Đối với tội Mua dâm người dưới 18 tuổi: 3 tháng và được gia hạn 2 lần, lần thứ nhất không quá 3 tháng, lần thứ 2 không quá 2 tháng.

+ Đối với tội Môi giới mại dâm: 4 tháng và được gia hạn 2 lần, mỗi lần không quá 4 tháng.

**Bài 12.**

Bùi Văn Thiệu là nhân viên bảo vệ của cơ quan N phát hiện thấy chị Phan Thị Lài là người cùng cơ quan cất giữ tiền riêng tại tủ quầy của cơ quan. Thiệu đã cạy khoá cửa, khoá tủ bằng Tô tít và lấy được 60 triệu đồng. Về nhà Thiệu nhờ anh Hoàng Văn Tý mua một số đồ dùng. Anh Týnghi ngờ và hỏi Thiệu về số tiền này, Thiệu trả lời là tiền tiết kiệm. Thiệu nhờ anh Tý mua giúp một đồng hồ RAĐO giá 2 triệu đồng và một xe máy Aiblade với giá 48 triệu đồng. Thiệu cho anh Tý 2 triệu đồng. Sử dụng xe máy Aiblade được 5 ngày Thiệu cho Lý Đức Mẫn mượn xe (kèm giấy đăng ký). Mẫn mượn xe, sử dụng một ngày rồi nói với Thiệu: “ Mày kiếm tiền giỏi lắm, biết điều thì chia phần cho anh thoả đáng, bằng không anh sẽ tố cáo”. Thiệu lo sợ nên đành phải cho Mẫn chiếc xe Aiblade trên, đồng thời viết giấy biên nhận bán xe cho Mẫn.

**Hỏi:**

**1. Cần tiến hành đỉều tra hành vi phạm tội của những ai? Về tội gì?**

**2. Nêu thẩm quyền điều tra và các biện pháp điều tra cần tiến hành?**

**Gợi ý trả lời:**

1. Cần tiến hành đỉều tra hành vi phạm tội của những ai? Về tội gì?

- Bùi Văn Thiệu, Lý Đức Mẫn phạm tội.

+ Bùi Văn Thiệu phạm tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS 2015)

+ Lý Đức Mẫn phạm tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170 BLHS 2015)

2. Nêu thẩm quyền, thời hạn điều tra và các biện pháp điều tra cần tiến hành?

Thẩm quyền điều tra thuộc về cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ việc.

Thời hạn điều tra: 3 tháng, được gia hạn 2 lần, lần thư nhất không quá 3 tháng, lần thứ 2 không quá 2 tháng.

Các hoạt động điều tra cân tiến hành: Khởi tố bị bị can, tiến hành các hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng, bị hại, , đối chất, nhận dạng, khám xét …

**Bài 13.**

Tèi ngµy 9/8/2002, §oµn V¨n § ®Õn nhµ chÞ L©m ThÞ L rñ ®i häp. V× chång con ®i ch¬i ch­a vÒ, nhµ cöa kh«ng cã ai tr«ng, chÞ L xin phÐp v¾ng mÆt.

§Õn kho¶ng 21 giê, sau khi tan cuéc häp, § biÕt chØ cã mét m×nh chÞ L ë nhµ nªn anh ta kh«ng vÌ nhµ m×nh mµ ®i th¼ng ®Õn nhµ chÞ L. Sau mét håi t¸n tØnh hai ng­êi ®­a nhau xuèng bÕp ®Ó t×nh tù th× còng lµ lóc Lý Hång T (chång chÞ L) vÒ nhµ b¾t gÆp.

Trong t×nh c¶nh kh«ng m¶nh v¶i che th©n, § chØ cßn biÕt chÞu trËn ®ßn mµ kh«ng d¸m kªu la, chØ n¨n nØ van xin tha thø víi ®iÒu kiÖn T thÝch g× th× § sÏ chÊp nhËn, nh­ng ®õng ®Ó viÖc nµy cho mäi ng­êi biÕt. Ch­a h¶ c¬n ghen tøc, T b¾t hai ng­êi diÔn l¹i vµi c¶nh ®Ó chôp h×nh lµm chøng, ®ång thêiHoiH gi÷ l¹i chiÕc xe m¸y cña §.

H«m sau, do kh«ng chÞu næi nh÷ng ®au ®ín do trËn ®ßn h«m tr­íc. § ph¶i nhËp viÖn ®Ó ®iÒu trÞ vµ nãi râ sù viÖc cho vî con biÕt, ®ång thêi lµm ®¬n tè c¸o hµnh vi ph¹m ph¸p cña T.

Theo kÕt luËn gi¸m ®Þnh th­¬ng tËt, § bÞ tæn h¹i 20% søc khoÎ.

Trong b¶n c¸o tr¹ng, ViÖt kiÓm s¸t nh©n d©n truy tè T vÒ téi Cè ý g©y th­¬ng tÝch theo kho¶n 1 §iÒu 134 vµ téi C­ìng ®o¹t tµi s¶n theo kho¶n 1 §iÒu 170 Bé luËt h×nh sù.

Héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm chØ tuyªn ph¹t T 12 th¸ng tï giam vÒ téi C­ìng ®o¹t tµi s¶n theo kho¶n 1 §iÒu 170 Bé luËt h×nh sù.

**Hái: Theo Anh (ChÞ) vÒ c¸c quyÕt ®Þnh trªn quyÕt ®Þnh cña Toµ ¸n nh©n d©n ®óng hay cña ViÖn kiÓm s¸t nh©n d©n ®óng? T¹i sao?**

**Gợi ý trả lời:**

Các quyết định của Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân đều đúng, vì:

-Đối với tội Cố ý gây thương tích và tội Cưỡng đoạt tài sản, Viện kiểm sát truy tố T là theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với việc đưa vụ án ra xét xử:

+ Việc Tòa án xét xử vụ án Cưỡng đoạt tài sản là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

+ Với vụ án Cố ý gây thương tích, vì đây là Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự về việc khởi tố theo yêu cầu bị hại. Vì vậy nếu như bị hại có đơn rút đơn yêu cầu khởi tố thì Tòa án sẽ đình chỉ vụ án và không đưa ra xét xử. Ngược lại nếu như không có đơn xin rút yêu cầu khởi tố của Đ về vụ án Cố ý gây thương tích thì Tòa án sẽ phải đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định.

**Bài 14.**

A là quân nhân được đơn vị cho nghỉ phép về huyện X. A đã rủ B là người cùng huyện trộm cắp tài sản của C. Vụ án bị phát hiện, A và B bị bắt và bị Viện kiểm sát đưa ra truy tố trước tòa.

**Hãy xác định**[**thẩm quyền xét xử của Tòa án**](https://hocluat.vn/wiki/tham-quyen-xet-xu-cua-toa-an/)**nếu:**

1. **A là**[**sĩ quan**](https://hocluat.vn/wiki/si-quan/)**quân đội:**
2. **A là dân thường:**

**Gợi ý trả lời:**

1. Với trường hợp A là sĩ quan quân đội

- Thứ nhất, căn cứ vào [chủ thể](https://hocluat.vn/wiki/chu-the/) thực hiện hành vi phạm tội để xác định thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự hay Tòa án nhân dân. Đối với A là quân nhân thực hiện hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền xét xử xủa Tòa án quân sự. Đối với B là dân thường phạm tội và hành vi phạm tội của B không liên quan đến bí mật quân sự, không gây thiệt hại cho quân đội do đó thẩm quyền xét xử B thuộc Tòa án nhân dân. Trong trường hợp này vừa có bị can thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS vừa có bị can thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân do đó nếu tách được vụ án thì Tòa án quân sự xét xử A, Tòa án nhân dân tiến hành xét xử B. Nếu không tách được vụ án thì Tòa án quân sự xét xử toàn bộ.

- Thứ hai, căn cứ vào loại tội mà chủ thể thực hiện để xác định thẩm quyền giữa tòa án các cấp. Trong trường hợp không tách được vụ án do Tòa án quân sự xét xử toàn bộ thì trường hợp này thuộc thẩm quyền xét xử của [tòa án quân sự quân khu](https://hocluat.vn/wiki/toa-an-quan-su-quan-khu/). Trường hợp tách vụ án, thì Thẩm quyền xét xử A thuộc Tòa án quân sự cấp quân khu, thẩm quyền xét xử B thuộc tòa án nhân dân cấp huyện.

**2***.* A là dân thường, A đã có quyết định xuất ngũ ngay khi phạm tội.

Trường hợp này, A và B đều là dân thường phạm tội và hành vi phạm tội của A, B không liên quan đến bí mật quân sự, không gây thiệt hại cho quân đội do vậy thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện X.

1. [↑](#footnote-ref-1)